

---

---

# LỤC DIỆU PHÁP MÔN

---

## GIẢNG GIẢI

---

---



## LỜI DỊCH GIẢ

**G**ần đây những Phật tử xuất gia hoặc tại gia có thiện chí tu tập, đa số được quý thượng tọa chỉ dạy theo pháp môn Tịnh độ chuyên trì danh hiệu đức Phật A-di-đà, hoặc tọa thiền áp dụng phương pháp Sổ tức. Riêng về pháp Sổ tức, trong khi thực tập có nhiều người băn khoăn không biết tướng kết quả thế nào? Chỉ tu pháp Sổ tức không là đủ hay phải tu pháp gì khác nữa? Chính tôi là một trong số người băn khoăn ấy.

Hân hạnh! Tôi được quý Thầy trao cho quyển Lục Diệu Pháp Môn này. Đọc xong, tôi thấy cần phổ biến để giúp những hành giả đang tu Sổ tức giải quyết thắc mắc trên.

Tuy nhiên, cầm viết phiên dịch, tôi chưa thỏa mãn, vì ngài Thiên Thai dùng quá nhiều danh từ Thiên, người ít học Phật pháp đọc khó bề hiểu hết.

**Nếu làm việc chú thích sẽ bằng năm bảy lần chánh văn, tôi không thể làm được. Mong quý độc giả biết cho!**

**Phương Bối am, mùa An cư Tân Sửu 1961**

### **THÍCH THANH TỪ**

Trước tiên là nói về nguyên do quyển sách này ra đời. Khi còn ở cấp Sơ đẳng, tôi được học qua Phật Tổ Tam Kinh, trong đó Cảnh Sách là của tổ Quy Sơn dạy, còn Tứ Thập Nhị Chương và Di Giáo là do Phật nói. Lúc ấy tôi thắc mắc, Phật và Tổ đều dạy tu thiền, tại sao mình không biết tu thiền?

Tôi ở chùa Phật Quang ba năm, vì chiến tranh nên phải dời về chùa Phước Hậu. Sư ông tôi là cụ Khánh Anh, tối nào cũng đốt đèn dầu leo lét ngồi trong mùng, tôi nghĩ chắc Sư ông đang tu thiền. Một hôm tôi đắp y đánh lễ thưa: “Kính bạch Sư ông, con thích tu thiền, xin Sư ông dạy con pháp tu thiền.” Sư ông nói: “Tôi không tu thiền.” Tôi thưa: “Sao con thấy Sư ông đêm nào cũng ngồi?” Sư ông nói: “Tôi ngồi niệm Phật. Thời mật pháp niệm Phật là được rồi.” Tôi thất vọng!

Sau chuyển lên chùa Ấn Quang, tôi ở phía sau, hòa thượng Giám đốc ở trên lầu. Phía bên ngoài phòng hòa thượng có để một cái lồng lưới tránh muỗi, đêm nào Hòa thượng cũng vào đó ngồi. Tôi nghĩ chắc Hòa thượng tu thiền, nên đến thưa: “Bạch Hòa thượng, con thích tu thiền, xin Hòa thượng dạy con pháp tu thiền.”

Hòa thượng nói: “Tôi niệm Phật chứ không phải tu thiền.” Tôi thưa: “Đêm nào Hòa thượng cũng ngồi, không phải ngồi thiền sao?” Hòa thượng nói: “Không, tôi ngồi niệm Phật.”

Thầy tôi là Hòa thượng Thiện Hoa, một hôm nhân soạn những kinh sách học từ Huế về, có quyển Lục Diệu Pháp Môn viết tay, thấy tôi tha thiết tu thiền nên Hòa thượng đưa cho tôi và nói: “Thanh Từ muốn tu thiền, tôi cho quyển này nghiên cứu mà tu.” Nhận được sách tôi mừng quá, nhưng chưa kịp đọc thì đến đầu năm 1961 lại mắc bệnh phổi, phải nằm bệnh viện Đồn Đất ba tháng. Thời gian nằm viện, lúc nào khỏe thì tôi đem sách ra dịch, đến cuối năm được xuất viện, tôi lên Phương Bối am cất một cái thất đặt tên là Thiền Duyệt thất, khi ấy mới viết lời tựa gửi in.

Như vậy là sách được in vào cuối năm 1961, cũng từ ấy tôi bắt đầu tu thiền. Có thể nói, những gì dạy trong đây tôi đều thuộc lòng, nhớ kỹ và thực hành cặn kẽ. Bởi vì Sư ông, Thầy tôi và Hòa thượng Giám đốc đều niệm Phật, nên tôi không có thầy hướng dẫn, nhờ nương theo quyển Lục Diệu Pháp Môn này mà tôi biết phương hướng để tu thiền. Và đây cũng chính là quyển sách dạy tu thiền đầu tiên mà tôi dịch.





# SƠ DẪN

**Chánh văn:**

**Pháp môn này do ngài đại sư Trí Khải đời  
Tùy lược nói ra ở đất Đô Hạ, chùa Ngõa Quan.**

## **A. THÍCH ĐỀ**

**Lục diệu môn là căn bản của kẻ nội hành, là  
lối trọng yếu của bậc Tam thừa đặc đạo. Cho nên  
đức Thích-ca lúc mới đến cõi bồ-đề rải cỏ ngòai kiết  
già, bên trong suy nghĩ pháp An-ban:**

- 1- Sở tức (đếm hơi thở)**
- 2- Tùy tức (để tâm theo hơi thở)**
- 3- Chỉ**
- 4- Quán**
- 5- Hoàn**
- 6- Tịnh**

Nhân đó được muôn hạnh khai phát, hàng ma, thành đạo. Phật là mô phạm của muôn loài, chỉ bày đường lối như vậy, bậc Tam thừa chánh sĩ đâu không đi đường ấy.

Lục là thuộc về số, y cứ số để nói thiên. Như Phật hoặc y cứ số một để biện thiên là Nhất hạnh tam-muội, hoặc y cứ số hai là Chỉ và Quán, hoặc y cứ số ba là Tam tam-muội, hoặc y cứ số bốn là Tứ thiên, hoặc y cứ số năm là Ngũ môn thiên, hoặc y cứ số sáu là Lục diệu môn, hoặc y cứ số bảy là Thất y định, hoặc y cứ số tám là Bát bội xả, hoặc y cứ số chín là Cửu thứ đệ định, hoặc y cứ số mười là Thập thiên chi. Như thế cho đến trăm, ngàn, muôn, ức, vô số không thể kể các môn tam-muội đều là y cứ số, nói các môn thiên. Tuy số có nhiều ít, nhưng tận cùng pháp tướng thấy đều nhiếp nhau, do căn cơ hiểu ngộ của chúng sanh không đồng nên số có tăng giảm phân biệt để lợi ích chúng sanh. Ở đây nói Lục là y cứ số nêu bày thiên.

Diệu ý rất nhiều, nếu luận ý chánh tức là Diệt đế Niết-bàn, cho nên trong Diệt tứ hạnh nói: “Diệt chỉ diệu ly.” Niết-bàn không phải đoạn không phải thường, có mà khó hội, không mà dễ được, nên nói Diệu.

Sáu pháp này hay thông nên gọi là Môn. Cửa tuy có sáu mà nhận được chỗ nhiệm mầu thì không có khác, nên kinh nói: “Chân pháp bảo Niết-bàn, chúng sanh tùy mỗi cửa vào.” Đây là giải thích chung đại ý Lục Diệu Môn.

## **B. CHÁNH THUYẾT**

**Lục diệu môn đại ý có mười:**

- 1- Lục diệu môn đối riêng qua các pháp thiên**
- 2- Lục diệu môn thứ lớp cùng sanh**
- 3- Tùy tiện nghi tu Lục diệu môn**
- 4- Tùy đối trị tu Lục diệu môn**
- 5- Lục diệu môn nhiếp nhau**
- 6- Lục diệu môn chung và riêng**
- 7- Lục diệu môn triển chuyển**
- 8- Quán tâm Lục diệu môn**
- 9- Viên quán Lục diệu môn**
- 10- Tướng chứng của Lục diệu môn**

**Giảng:**

*Pháp môn này do ngài đại sư Trí Khải đời Tùy lược nói ra ở đất Đô Hạ, chùa Ngõa Quan.*

### **A. THÍCH ĐỀ**

*Lục diệu môn là căn bản của kẻ nội hành, là lối trọng yếu của bậc Tam thừa đặc đạo. Cho nên đức Thích-ca lúc mới đến cõi bồ-đề rải cỏ ngòai kiết già, bên trong suy nghĩ pháp An-ban:*

- 1- Sở tức*
- 2- Tùy tức*
- 3- Chỉ*
- 4- Quán*

5- Hoàn

6- Tịnh

*Nhân đó được muôn hạnh khai phát, hàng ma, thành đạo. Phật là mô phạm của muôn loài, chỉ bày đường lối như vậy, bậc Tam thừa chánh sĩ đâu không đi đường ấy.*

An-ban là pháp tu theo hơi thở, tiếng Phạn gọi là A-na-ban-na. Lúc đức Phật tu ở cội bồ-đề, ngài cũng áp dụng pháp tu An-ban, trong các kinh điển A-hàm có nói đầy đủ. Như vậy người tu muốn giải thoát sanh tử đều phải đi theo con đường này, nên nói *bậc Tam thừa chánh sĩ đâu không đi đường ấy.*

*Lục là thuộc về số, y cứ số để nói thiền. Như Phật hoặc y cứ số một để biện thiền là Nhất hạnh tam-muội, hoặc y cứ số hai là Chỉ và Quán, hoặc y cứ số ba là Tam tam-muội, hoặc y cứ số bốn là Tứ thiền, hoặc y cứ số năm là Ngũ môn thiền, hoặc y cứ số sáu là Lục diệu môn, hoặc y cứ số bảy là Thất y định, hoặc y cứ số tám là Bát bội xả, hoặc y cứ số chín là Cửu thứ đệ định, hoặc y cứ số mười là Thập thiền chi. Như thế cho đến trăm, ngàn, muôn, ức, vô số không thể kể các môn tam-muội đều là y cứ số nói các môn thiền. Tuy số có nhiều ít, nhưng tận cùng pháp tướng thấy đều nhiếp nhau, do căn cơ hiểu ngộ của chúng sanh không đồng nên số có tăng giảm phân biệt để lợi ích chúng sanh. Ở đây nói Lục là y cứ số nêu bày thiền.*

*Diệu ý rất nhiều, nếu luận ý chánh tức là Diệt đế Niết-bàn, cho nên trong Diệt tứ hạnh nói: “Diệt chỉ*

*diệu ly.” Niết-bàn không phải đoạn không phải thường, có mà khó hội, không mà dễ được, nên nói Diệu.*

*Sáu pháp này hay thông nên gọi là Môn. Cửa tuy có sáu mà nhận được chỗ nhiệm mầu thì không có khác, nên kinh nói: “Chân pháp bảo Niết-bàn, chúng sanh tùy mỗi cửa vào.” Đây là giải thích chung đại ý Lục Diệu Môn.*

Lục diệu môn thuộc về pháp số, trong thiên có nhiều pháp số, ở đây chỉ nói riêng về Lục diệu môn mà thôi.

Chữ *Diệu* này không phải nghĩa thường, trong pháp Tứ đế nó thuộc về Diệt đế, tức là Niết-bàn, là một trong bốn hạnh của Diệt tứ hạnh. Bốn hạnh là Diệt, Chỉ, Diệu và Ly. Diệt là tiêu sạch các mầm tạo thành nhân sanh tử. Chỉ là dừng hết tất cả mọi loạn động. Diệu là chỉ cho Niết-bàn. Ly là xa lìa những pháp sanh diệt thế gian.

*Niết-bàn*, Trung Hoa dịch là Vô sanh. Người thế gian nghe nói vô sanh chắc là buồn lắm, vì không sanh trở lại thì còn gì để hưởng. Bệnh nặng nhất của chúng sanh là chấp ngã, muốn ngã này còn mãi để hưởng, như đạo tu tiên tìm thuốc trường sanh bất tử, sống hoài không chết. Nhưng thử kiểm lại xem, có vị tiên nào còn sống đến bây giờ hay không? Bất tử mà sao cũng chết! Chúng ta ai cũng muốn sống lâu, nên nghe nói trường sanh bất tử thì thích, vì hợp với bản ngã của mình. Giả sử có người sống được tám chín mươi tuổi, run rẩy đi không nổi, nếu cho sống thêm một trăm tuổi nữa thì có thích không? Sống trăm tuổi mà nằm bệnh không làm được gì, lúc đó chắc không còn ham cầu trường sanh bất tử nữa.

Thế gian có sanh phải có tử, chỉ pháp Niết-bàn vô sanh là giải thoát sanh tử. Chúng ta luân hồi trong lục đạo là do nghiệp lành hoặc nghiệp dữ. Nghiệp dữ thì rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nghiệp lành thì sanh về cõi trời, người, a-tu-la. Đường lành hay đường dữ là do thân khẩu ý tạo nghiệp, mà trong đó ý là chủ động. Ý nghĩ thiện thì miệng nói thiện, thân làm thiện, tạo thành nghiệp thiện. Ý nghĩ ác thì miệng nói ác, thân làm ác, tạo thành nghiệp ác. Bởi ý luôn chạy theo hai bên, thiện ác, tốt xấu, phải quấy, hơn thua v.v... nên nói “tâm viên ý mã”. Nếu ý lặng rồi thì không còn gì tạo nghiệp để đi trong sanh tử nữa, cho nên các vị tu đến nhập Diệt tận định thì tất cả ý niệm sanh diệt đều sạch, chứng quả A-la-hán.

A-la-hán là chết rồi mới chứng hay lúc còn sống đã chứng? Như các ngài Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất... hiện đời đã chứng A-la-hán thì thế nào? Chúng ta thường nói, tôi tu để nhập Niết-bàn vô sanh. Nhưng nếu có ai hỏi, cái gì nhập Niết-bàn, nhập Niết-bàn là còn gì không, thì không trả lời được. Bởi chúng ta cứ cho những nghĩ tưởng thế này thế kia là tâm mình, mà không biết còn có tâm hằng tri hằng giác, cái đó không tạo nghiệp. Nên nhớ, hằng tri hằng giác mà không phải ý, vì khi ý lặng hết rồi thì trí tuệ hằng giác mới hiện tiền, tạm gọi đó là trí tuệ Phật, là Phật tánh, là thành Phật.

Trong kinh Pháp Bảo Đàn có ghi lại bài pháp đầu tiên của Lục Tổ nói với thượng tọa Minh. Khi thượng tọa Minh xin Tổ nói pháp, Tổ bảo ông yên lặng giây lâu, rồi nói: “Không nghĩ thiện không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Ngay đó

thượng tọa Minh liên ngộ. Nghĩ thiện nghĩ ác là ý dẫn đi trong sáu đường, dừng ý lại thì không còn hình bóng của đối đãi. Không nghĩ thiện ác thì không còn luân hồi. Hằng giác hằng tri thì ngay đó liền giải thoát sanh tử, là hiện tại Niết-bàn.

Chúng ta có Niết-bàn mà không dám hưởng, cứ hưởng con đường luân hồi, thích luân hồi đẹp, sợ luân hồi xấu. Bởi thế cho nên Phật mới nương theo đó mà mượn phương tiện răn dạy từng chặng, để chúng ta tu tập. Chặng thứ nhất, đối với người mới vào đạo, Phật cấm không được phạm năm điều: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Đó là ngăn không cho đi đường ác. Người giữ được năm điều này rồi thì Phật dạy tu Thập thiện, là mở đường lành cho chúng ta đi lên. Chặng thứ hai, đối với bậc Tam thừa: Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát, Phật dạy phải tu thiền định để dứt trừ ý thức, mới giải thoát sanh tử luân hồi. Lời Phật dạy rất rõ ràng, nhưng vì chúng ta tu lừng chừng nên không nắm vững đường nào đi lên, đường nào đi xuống, đường nào giải thoát v.v...

Tất cả phương tiện tu đều để dừng ý, ý dừng thì hết tạo nghiệp đi trong lục đạo luân hồi, là giải thoát sanh tử, là vô sanh. Như người tu niệm Phật thì phải nhất tâm, tu Mật tông thì phải ba nghiệp đồng cảm tức duy nhất không loạn, tu thiền thì phải định. Nhắc lại, vô sanh là không còn sanh, chứ không phải là không ngờ, không có gì hết. Bởi *Niết-bàn không phải đoạn không phải thường, có mà khó hội, không mà dễ được, nên nói là Diệu.*

*Sáu pháp này hay thông nên gọi là Môn. Cửa tuy có sáu nhưng nhận được chỗ nhiệm mầu thì chẳng khác, chúng sanh tùy theo căn cơ của mình, nương nơi mỗi cửa mà vào không có gì chướng ngại.*

Đó là giải thích chung về đại ý của Lục Diệu Môn.

### **B. CHÁNH THUYẾT**

*Lục diệu môn đại ý có mười:*

- 1- Lục diệu môn đối riêng qua các pháp thiên*
- 2- Lục diệu môn thứ lớp cùng sanh*
- 3- Tùy tiện nghi tu Lục diệu môn*
- 4- Tùy đối trị tu Lục diệu môn*
- 5- Lục diệu môn nhiếp nhau*
- 6- Lục diệu môn chung và riêng*
- 7- Lục diệu môn triển chuyển*
- 8- Quán tâm Lục diệu môn*
- 9- Viên quán Lục diệu môn*
- 10- Tương chứng của Lục diệu môn*

Lục diệu môn có mười thứ, trước tiên là nói về Lục diệu môn đối riêng qua các thiên.



CHƯƠNG I  
LỤC DIỆU MÔN  
ĐỐI RIÊNG QUA CÁC PHÁP THIÊN

**Chánh văn:**

**Đối riêng qua các pháp thiên để rõ Lục diệu môn có sáu ý:**

**1. Sở tức là diệu môn**

**Hành giả nhân Sở tức phát sanh Tứ thiên, Tứ vô lượng tâm, Tứ vô sắc định, nếu rốt sau được định Phi phi tưởng hay hiểu biết không phải Niết-bàn, người ấy quyết định được đạo Tam thừa. Vì sao? Vì định này do ngũ ấm thập bát giới thập nhị nhập hòa hợp mà có, hư dối không thật, tuy không có phiền não thô mà vẫn còn mười món phiền não tế. Biết rồi phá dẹp không trụ không trước, tâm được giải thoát, chứng Tam thừa Niết-bàn. Nghĩa này, như trong kinh Phật dạy ông Tu-bạt-đà-la đoạn mê lầm**

**cõi Phi phi tướng liền chứng được quả A-la-hán. Sở tức là diệu môn ý tại đây vậy.**

## **2. Tùy tức là diệu môn**

**Hành giả nhân Tùy tức liền phát sanh mười sáu thứ đặc thắng. Đó là:**

- 1- Biết hơi thở vào.**
- 2- Biết hơi thở ra.**
- 3- Biết hơi dài ngắn.**
- 4- Biết hơi thở khắp thân.**
- 5- Trừ các thân hành.**
- 6- Tâm thọ hỷ.**
- 7- Tâm thọ lạc.**
- 8- Thọ các thứ tâm hành.**
- 9- Tâm khởi mừng.**
- 10- Tâm khởi nhiếp.**
- 11- Tâm khởi giải thoát.**
- 12- Quán vô thường.**
- 13- Quán tan hoại.**
- 14- Quán ly dục.**
- 15- Quán diệt.**
- 16- Quán buông bỏ.**

**Tại sao quán buông bỏ? Pháp quán này phá mê lầm cõi Phi tướng. Vì sao? Bởi phạm phu khi tu Phi tướng, quán Hữu tướng như nhọt như ghẻ,**

quán Vô tướng như si mê, cái định thù thắng bậc nhất là Phi tướng. Khởi niệm ấy rồi, liền buông bỏ hữu tướng vô tướng, gọi là Phi hữu tướng phi vô tướng. Cho nên Phi tướng tức là nghĩa buông bỏ cả hai. Đệ tử Phật quán phá dẹp như đoạn trước đã nói. Thế nên thâm quán buông bỏ không trước Phi tướng hay được Niết-bàn.

### 3. Chỉ là diệu môn

Hành giả nhân Chỉ tâm thứ lớp phát Ngũ luân thiên:

1- Địa luân tam-muội tức là vị đáo địa.

2- Thủy luân tam-muội tức là những thứ thiên định khai phát thiện căn.

3- Hư không luân tam-muội là người đủ ngũ phương tiện<sup>(1)</sup> giác ngộ nhân duyên không tánh như hư không.

4- Kim sa luân tam-muội là thấy nghĩ đều giải thoát, chánh tuệ không chấp trước như cát vàng.

5- Kim cang luân tam-muội là vô ngại đạo thứ chín<sup>(2)</sup> hay đoạn kiết sử trong tam giới hằng dứt sạch không còn thừa, chứng Tận trí, Vô sanh trí, nhập Niết-bàn.

<sup>(1)</sup> Ngũ phương tiện: 1- Đủ ngũ duyên, 2- Trách ngũ dục, 3- Bỏ ngũ cái, 4- Điều ngũ sự, 5- Hành ngũ pháp (xem Tu Tập Tọa Thiền Chỉ Quán).

<sup>(2)</sup> Vô ngại đạo thứ chín: Là giải thoát chín phẩm Tư hoặc ở cõi Phi tướng phi phi tướng.

#### **4. Quán là diệu môn**

Hành giả nhân tu Quán xuất sanh Cửu tướng, Bát niệm, Thập tướng, Bát bội xả, Bát thắng xứ, Thập nhất thiết xứ, Cửu thứ đệ định, Sư tử phấn tấn tam-muội, Siêu việt tam-muội, Luyện thiên, Thập tứ biến hóa tâm, Tam minh, Lục thông và Bát giải thoát, được Diệt thọ tưởng liền vào Niết-bàn.

#### **5. Hoàn là diệu môn**

Hành giả nếu dùng tuệ hành khôn khéo phá dẹp phản bản hoàn nguyên, khi ấy liền xuất sanh Không, Vô tướng, Vô tác, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Tứ đế, Mười hai nhân duyên, chánh quán Trung đạo, nhân đó được vào Niết-bàn.

#### **6. Tịnh là diệu môn**

Hành giả nếu hay thấu biết tất cả pháp bản tánh thanh tịnh liền đạt được Tự tánh thiên. Vì được thiên này, người Nhị thừa quyết định chứng Niết-bàn, nếu là Bồ-tát vào vị Thiết luân đủ Thập tín tâm, tu hành không dừng liền xuất sanh chín thứ đại thiên:

- 1- Tự tánh thiên.**
- 2- Nhất thiết thiên.**
- 3- Nan thiên.**
- 4- Nhất thiết môn thiên.**
- 5- Thiện nhân thiên.**
- 6- Nhất thiết hạnh thiên.**

**7- Trừ não thiên.**

**8- Thử thế tha thế cộng lạc thiên.**

**9- Thanh tịnh thiên.**

**Bồ-tát y những thứ thiền này được quả đại Bồ-đề, hoặc đã được, hiện được và sẽ được.**

**Giảng:**

*Đối riêng qua các pháp thiền để rõ Lục diệu môn có sáu ý:*

*1. Sở tức là diệu môn*

*Hành giả nhân Sở tức phát sanh Tứ thiên, Tứ vô lượng tâm, Tứ vô sắc định, nếu rốt sau được định Phi phi tướng hay hiểu biết không phải Niết-bàn, người ấy quyết định được đạo Tam thừa. Vì sao? Vì định này do ngũ ấm thập bát giới thập nhị nhập hòa hợp mà có, hư dối không thật, tuy không có phiền não thô mà vẫn còn mười món phiền não tế. Biết rồi phá dẹp không trụ không trước, tâm được giải thoát, chứng Tam thừa Niết-bàn. Nghĩa này, như trong kinh Phật dạy ông Tu-bạt-đà-la đoạn mê lầm cõi Phi phi tướng liền chứng được quả A-la-hán. Sở tức là diệu môn ý tại đây vậy.*

*Sở tức là diệu môn. Tại sao? Bởi do đếm hơi thở mà việc tu hành được thông suốt, tiến lên Tứ thiên, Tứ vô lượng tâm, Tứ vô sắc định, cuối cùng đến Phi phi tướng. Nhưng định này vẫn chưa rốt ráo, cần phải vượt qua mới đến quả A-la-hán, tức là Diệt tận định.*

Ngày nay có một số người không hiểu, họ cho rằng Tứ thiên là cứu cánh, mà không biết Tứ thiên chỉ là phạm phu thiên chứ chưa phải chỗ giác ngộ tột cùng. Cho dù được Tứ vô lượng tâm, Tứ vô sắc định tức Tứ không, cho đến Phi phi tướng cũng chưa phải cứu cánh Niết-bàn, phải qua khỏi Phi phi tướng mới chứng Niết-bàn. Như ông Tu-bạt-đà-la tu đến Phi phi tướng rồi mà hài lòng ở đó, nên Phật dạy phải đoạn mê lầm cõi Phi phi tướng mới chứng được quả A-la-hán.

## *2. Tùy tức là diệu môn*

*Hành giả nhân Tùy tức liền phát sanh mười sáu thứ đặc thắng. Đó là:*

- 1- Biết hơi thở vào.*
- 2- Biết hơi thở ra.*
- 3- Biết hơi dài ngắn.*
- 4- Biết hơi thở khắp thân.*
- 5- Trừ các thân hành.*
- 6- Tâm thọ hỷ.*
- 7- Tâm thọ lạc.*
- 8- Thọ các thứ tâm hành.*
- 9- Tâm khởi mừng.*
- 10- Tâm khởi nhiếp.*
- 11- Tâm khởi giải thoát.*
- 12- Quán vô thường.*
- 13- Quán tan hoại.*
- 14- Quán ly dục.*

15- Quán diệt.

16- Quán buông bỏ.

Đây gọi là Thập lục đặc thắng, nhân tu theo hơi thở mà được kết quả có mười sáu thứ đặc thắng này.

*Tại sao quán buông bỏ? Pháp quán này phá mê lầm cõi Phi tưởng. Vì sao? Bởi phàm phu khi tu Phi tưởng, quán Hữu tưởng như nhọn như gẻ, quán Vô tưởng như si mê, cái định thù thắng bậc nhất là Phi tưởng. Khởi niệm ấy rồi, liền buông bỏ hữu tưởng vô tưởng, gọi là Phi hữu tưởng phi vô tưởng. Cho nên Phi tưởng tức là nghĩa buông bỏ cả hai. Đệ tử Phật quán phá dẹp như đoạn trước đã nói. Thế nên thêm quán buông bỏ không trước Phi tưởng hay được Niết-bàn.*

Khi tu dù bỏ hết niệm lăng xăng mà còn chút tâm tưởng rất nhẹ nhàng như có như không cũng chưa rốt ráo, chừng nào dẹp hết mới đến Niết-bàn.

3. Chỉ là diệu môn

*Hành giả nhân Chỉ tâm thứ lớp phát Ngũ luân thiên:*

1- Địa luân tam-muội tức là vị đáo địa.

2- Thủy luân tam-muội tức là những thứ thiên định khai phát thiện căn.

3- Hư không luân tam-muội là người đủ ngũ phương tiện giác ngộ nhân duyên không tánh như hư không.

4- Kim sa luân tam-muội là thấy nghĩ đều giải thoát, chánh tuệ không chấp trước như cát vàng.

*5- Kim cang luân tam-muội là vô ngại đạo thứ chín hay đoạn kiết sử trong tam giới hàng dứt sạch không còn thừa, chứng Tận trí, Vô sanh trí, nhập Niết-bàn.*

Chỉ là định, là dừng. Nếu khéo tu Chỉ thì sẽ lần lượt phát ra Ngũ luân thiên.

*1- Địa luân tam-muội tức là vị đáo địa. Sắp vào Sơ thiên mà chưa đến Sơ thiên.*

*2- Thủy luân tam-muội tức là những thứ thiên định khai phát thiện căn. Do định nên tâm phát ra những thứ hiểu biết hay lạ mới mẻ, không giống như xưa.*

*3- Hư không luân tam-muội là người đủ ngũ phương tiện giác ngộ nhân duyên không tánh như hư không. Ngũ phương tiện là: đủ ngũ duyên, trách ngũ dục, bỏ ngũ cái, điều ngũ sự, hành ngũ pháp. Như trong Tu Tập Tọa Thiền Chỉ Quán nói.*

*4- Kim sa luân tam-muội là thấy nghi đều giải thoát, chánh tuệ không chấp trước như cát vàng. Nghĩa là trí tuệ chân chánh không chấp trước, không đắm nhiễm, như là cát vàng. Vàng ở trong cát mà không bị dính cát.*

*5- Kim cang luân tam-muội là vô ngại đạo thứ chín, tức là giải thoát chín phẩm Tư hoặc ở cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Hay đoạn kiết sử trong tam giới hàng dứt sạch không còn thừa, chứng tận trí, vô sanh trí, nhập Niết-bàn. Tới đây là vào Niết-bàn.*

Ngũ luân thiên từ định mà được, cho nên thiên sư Huệ Tư nói: “Nếu ta không hướng dẫn chúng tu hành

thì ta đã được Kim luân, vì lo dạy chúng nên chỉ được Địa luân.” Kim luân tức là Kim sa luân, Địa luân tức là Vị đạo địa. Lẽ ra ngài tiến tới Kim luân, nhưng vì lo dạy chúng tu nên bị sụt xuống ba cấp, chỉ ở Địa luân. Tại sao? Bởi vì người tu thiền định, nếu có nhiều việc quá thì định bị trở ngại. Cho nên trừ những vị đạt đạo ra, còn chúng ta muốn tu thì phải ở chỗ thanh tịnh vắng vẻ, quyết tâm tu hành mới có kết quả tốt được.

#### 4. Quán là diệu môn

*Hành giả nhân tu Quán xuất sanh Cửu tướng, Bát niệm, Thập tướng, Bát bội xả, Bát thắng xứ, Thập nhất thiết xứ, Cửu thứ đệ định, Sư tử phấn tán tam-muội, Siêu việt tam-muội, Luyện thiền, Thập tứ biến hóa tâm, Tam minh, Lục thông và Bát giải thoát, được Diệt thọ tưởng liền vào Niết-bàn.*

Nhờ quán nên tiến từ Cửu tướng, Bát niệm v.v... qua hết tất cả thiền, cuối cùng được Diệt thọ tưởng, liền vào Niết-bàn. Đoạn này nói nhiều về từ ngữ nên chỉ đọc qua, đến phần nhắm thẳng vào gốc của sự tu tôi sẽ giải thích kỹ hơn.

#### 5. Hoàn là diệu môn

*Hành giả nếu dùng tuệ hành khôn khéo phá dẹp phản bản hoàn nguyên, khi ấy liền xuất sanh Không, Vô tướng, Vô tác, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Tứ đế, Mười hai nhân duyên, chánh quán Trung đạo, nhân đó được vào Niết-bàn.*

Hoàn là xoay trở lại. Nhờ khéo xoay trở lại dùng trí tuệ phá dẹp vô minh, nương nơi pháp tu này mà được Không, Vô tướng, Vô tác, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v... đi sâu vào chánh quán Trung đạo, nhân đó mà được Niết-bàn, nên nói *Hoàn là diệu môn*.

### 6. Tịnh là diệu môn

*Hành giả nếu hay thấu biết tất cả pháp bản tánh thanh tịnh liền đạt được Tự tánh thiên. Vì được thiên này, người Nhị thừa quyết định chứng Niết-bàn, nếu là Bồ-tát vào vị Thiết luân đủ Thập tín tâm, tu hành không dừng liền xuất sanh chín thứ đại thiên:*

- 1- Tự tánh thiên.
- 2- Nhất thiết thiên.
- 3- Nan thiên.
- 4- Nhất thiết môn thiên.
- 5- Thiện nhân thiên.
- 6- Nhất thiết hạnh thiên.
- 7- Trừ não thiên.
- 8- Thử thế tha thế cộng lạc thiên.
- 9- Thanh tịnh thiên.

*Bồ-tát y những thứ thiên này được quả đại Bồ-đề, hoặc đã được, hiện được và sẽ được.*

*Tịnh là diệu môn. Do thấu biết được các pháp bản tánh thanh tịnh mà đạt được Tự tánh thiên. Được thiên này hàng Nhị thừa quyết định sẽ chứng Niết-bàn, Bồ-tát thì vào vị Thiết luân đầy đủ Thập tín,*

tu hành không dừng liền chứng được các thứ đại thiền, từ Tự tánh thiền cho đến Thanh tịnh thiền, hoàn toàn an tịnh không bị nhiễm nhơ.

Đây là khái quát về công dụng lớn lao của Lục diệu môn, kế tiếp là phần chi tiết chỉ rõ cách tu.





## CHƯƠNG II

# LỤC DIỆU MÔN THỨ LỚP CÙNG SANH

**Chánh văn:**

**Thứ lớp cùng sanh là thêm thang vào đạo. Nếu ở cõi Dục giới khéo thực hành sáu pháp mà chỉ riêng thành tựu pháp Tịnh tâm thứ sáu cũng được giải thoát của bậc Tam thừa, hưởng chi được đủ các thiên tam-muội. Phần này với phần trước có khác. Vì có sao?**

**Như Sở tức có hai:**

**1- Tu Sở tức: Hành giả điều hòa hơi thở không mạnh không gấp, yên ổn thông thả đếm từ một đến mười, nhiếp tâm tại số không cho giống ruồi, gọi là tu Sở tức.**

**2- Chứng Sở tức: Hành giả biết tâm vận chuyển tự nhiên từ một đến mười không cần gia công.**

**Tâm trụ duyên nơi hơi thở, biết hơi thở rộng nhẹ, tướng tâm lần lần tế nhị. Ngại hơi thở là thô không muốn đếm, khi ấy hành giả nên bỏ Sổ tức tu Tùy tức.**

**Tùy tức có hai:**

**1- Tu Tùy tức: Xả pháp đếm hơi thở trước, nhất tâm nương theo hơi thở ra vào, nhiếp tâm duyên hơi thở, biết hơi thở vào ra, tâm trụ dứt các duyên, ý không phân tán, gọi là tu Tùy tức.**

**2- Chứng Tùy tức: Tâm đã vi tế an tịnh không có loạn, biết hơi thở dài, ngắn, khắp thân ra, vào. Tâm và hơi thở nương nhau vận động một cách tự nhiên, ý nghĩ lóng đững lặng lẽ. Biết theo hơi thở là thô, tâm chán muốn bỏ, như người mệt nhọc muốn ngủ không ưa làm các việc, khi ấy hành giả nên xả Tùy tức tu Chỉ.**

**Chỉ cũng có hai:**

**1- Tu Chỉ: Dứt các duyên lự không nhớ đếm hơi thở hay theo hơi thở, tâm ngưng lặng, gọi là tu Chỉ.**

**2- Chứng Chỉ: Biết thân tâm đứng lặng vào định, không thấy tướng mạo trong ngoài, pháp định giữ tâm thâm chuyển không động. Hành giả khi ấy liền khởi nghĩ: Tam-muội này tuy là vô vi tịch tịnh, an ổn khoái lạc, mà không có trí tuệ phương tiện thì không thể phá hoại sanh tử. Lại khởi nghĩ: Định này thuộc về nhân duyên, do pháp ấm giới nhập hòa hợp mà có, hư dối không thật, ta nay không thấy**

không biết, cần phải chiếu soi. Khởi nghĩ thế rồi, không đắm nơi Chỉ, mà khởi Quán phân biệt.

**Quán có hai:**

**1- Tu Quán:** Tâm ở trong định dùng tuệ phân biệt quán tướng hơi thở ra vào vi tế như gió trong hư không; da, thịt, gân, xương v.v... ba mươi sáu vật trong thân không thật như bẹ cây chuối; tâm thức vô thường sanh diệt từng sát-na, không thật có ta và người; thân tâm và sự nhận chịu các pháp đều không tự tánh; nhân pháp đều không thì định nương vào đâu? Ấy gọi là tu Quán.

**2- Chứng Quán:** Khi quán như trên, biết hơi thở ra vào khắp các lỗ chân lông, tâm nhãn mở sáng thấy ba mươi sáu vật và các loài hộ trùng trong thân, toàn thân trong ngoài đều bất tịnh, biến đổi từng sát-na, tâm sanh buồn mừng được Tứ niệm xứ, phá Tứ điên đảo, gọi là chứng Quán. Tướng quán đã phát, tâm duyên Quán cảnh phân biệt phá dẹp, biết niệm lưu động không phải đạo chân thật; khi ấy nên xả Quán tu Hoàn.

**Hoàn có hai:**

**1- Tu Hoàn:** Đã biết Quán từ tâm sanh, hoặc từ phân tích cảnh sanh đều không hợp bản nguyên, phải phản quán, quán lại tâm năng quán. Tâm quán này từ đâu mà sanh? Là từ quán tâm sanh hay từ không quán tâm sanh? Nếu từ quán tâm sanh tức đã có quán, nay thật không phải thế. Vì sao? Vì ba pháp Sở tức, Tùy tức và Chỉ trước chưa có pháp nào

là Quán. Nếu từ không quán tâm sanh, thì cái không quán tâm đó diệt rồi mới sanh hay không diệt mà sanh? Nếu không diệt mà sanh tức hai tâm đồng có. Nếu diệt rồi mới sanh, nó đã diệt mất thì không thể sanh tâm quán được. Nếu chấp cũng diệt cũng không diệt sanh, cho đến không diệt không không diệt sanh đều không thể được. Phải biết tâm quán vốn tự không sanh, bởi không sanh cho nên không có, không có nên tức là không, không nên không có tâm quán. Nếu không có tâm quán thì đâu có cảnh quán. Cảnh và trí cả hai đều mất là lối trọng yếu để trở về nguồn vậy. Đó gọi là tu Hoàn.

2- Chứng Hoàn: Tâm tuệ khai phát, không gia công lực mà tự thâm vận chuyển hay phá dẹp phản bản hoàn nguyên, gọi là chứng Hoàn. Hành giả phải biết, nếu rời cảnh trí muốn về không cảnh trí, không khỏi sự trói buộc của cảnh trí, vì còn theo hai bên vậy. Khi ấy nên xả Hoàn an tâm nơi Tịnh đạo.

Tịnh có hai:

1- Tu Tịnh: Vì biết sắc ấm tịnh không khởi vọng tưởng phân biệt, thọ tưởng hành thức cũng như thế. Dứt vọng tưởng cấu gọi là tu Tịnh. Dứt phân biệt cấu gọi là tu Tịnh. Dứt chấp ngã cấu gọi là tu Tịnh. Tóm lại, nếu tâm như bản tịnh gọi là tu Tịnh, cũng không thể có năng tu sở tu và tịnh bất tịnh gọi là tu Tịnh.

2- Chứng Tịnh: Khi tu như trên, bỗng suốt thông tâm tuệ tương ứng, vô ngại phương tiện tự nhiên

dần dần khai phát, được Tam-muội chánh thọ, tâm không còn nương tựa.

**Chứng Tịnh có hai:**

- Một là Tương tự chứng. Năm thứ phương tiện tương tự, đạo tuệ vô lậu phát hiện.

- Hai là Chân thật chứng. Được Khổ pháp nhẫn cho đến vô ngại đạo thứ chín v.v... tuệ Vô lậu chân thật phát hiện, những phiền não cấu trong tam giới hết, gọi là chứng Tịnh.

Lại nữa, quán chúng sanh không, gọi là Quán; quán thật pháp không, gọi là Hoàn; quán bình đẳng không, gọi là Tịnh. Không tam-muội tương ứng gọi là Quán, Vô tướng tam-muội tương ứng gọi là Hoàn, Vô tác tam-muội tương ứng gọi là Tịnh. Tất cả ngoại quán gọi là Quán, tất cả nội quán gọi là Hoàn, tất cả phi nội phi ngoại quán gọi là Tịnh. Cho nên Phạm chí Tiên-ni nói: “Phi nội quán cho nên được trí tuệ ấy, phi ngoại quán cho nên được trí tuệ ấy, phi nội ngoại quán cho nên được trí tuệ ấy, cũng chẳng phải không quán cho nên được trí tuệ ấy.”

**Giảng:**

*Thứ lớp cùng sanh là thêm thang vào đạo. Nếu ở cõi Dục giới khéo thực hành sáu pháp mà chỉ riêng thành tựu pháp Tịnh tâm thứ sáu cũng được giải thoát của bậc Tam thừa, huống chi được đủ các thiền tam-muội. Phần này với phần trước có khác. Vì có sao?*

*Như Sổ tức có hai:*

*1- Tu Sổ tức: Hành giả điều hòa hơi thở không mạnh không gấp, yên ổn thông thả đếm từ một đến mười, nhiếp tâm tại số không cho giống ruồi, gọi là tu Sổ tức.*

Chỗ này các vị tập tu Sổ tức phải nắm thật vững. Khi tọa thiền, sửa tư thế ngồi yên ổn rồi, hít hơi vô thật sâu, thở ra dài nhẹ nhàng, gọi là điều hòa hơi thở. Khi hơi thở điều hòa được thông thì bắt đầu đếm số.

Đếm số có hai cách:

- Cách thứ nhất, hít vô cùng đếm một, thở ra sạch đếm hai, đếm tới mười thì bỏ rồi đếm lại từ một đến mười. Đếm như vậy gọi là cấp, tức là gấp.

- Cách thứ hai, hít vô cùng thở ra sạch đếm một, hít vô cùng thở ra sạch đếm hai, cứ đếm như thế từ một đến mười. Cách đếm này gọi là hoãn. Đếm cấp thì nhặt quá, đếm hoãn tốt hơn, vì thở sạch rồi mới đếm nên không bị ngăn nghẹn.

Có người ngồi đếm từ một tới mười, rồi đếm ngược trở lại từ mười xuống một. Theo kinh nghiệm của tôi, đếm cách này rắc rối lắm! Bởi vì ý chúng ta như khi vượn, lâu nay quen duyên theo sáu trần, khi ngồi lại nó chạy chỗ này chỗ kia không yên, muốn kìm chế lại thì phải cột dây cổ để lôi nó. Cột dây cổ bằng cách bắt nó theo hơi thở vô ra đếm từ một đến mười, nếu đang đếm mà quên số thì bắt phạt phải đếm lại từ đầu. Suốt giờ ngồi thiền cứ làm một việc như vậy tưởng chừng như

rất trẻ con, không có gì mâu nhiệm. Nhưng nhờ bạn đếm hơi thở vô ra mà không nhớ nghĩ việc khác, tức là lấy hơi thở và đếm số làm sợi dây cột cổ nó, nhờ đó mà tìm chế thắng được con khỉ ý thức của mình.

Hơi thở rất quan trọng mà chúng ta thường hay quên. Thân này sống là nhờ vào ăn uống và thở, trong đó thở là quan trọng hơn hết, nhưng dường như chúng ta quan trọng cái ăn hơn. Suốt ngày không nhớ hơi thở ra sao, mà phần nhiều chỉ nghĩ đến ăn uống. Sáng lo ăn, trưa lo ăn, chiều lo ăn. Nghĩ tới ăn nhiều hơn nghĩ tới thở. Chúng ta xét kỹ lại xem cái gì quan trọng? Nhịn ăn, nhịn uống bao lâu thì chết? Nhịn ăn được bảy ngày, nhịn uống khoảng ba ngày, còn nhịn thở thì chết liền. Như vậy hơi thở quan trọng thiết yếu mà chúng ta lại quên, chỉ nhớ toàn là những thứ tầm thường nên cuộc sống của chúng ta trở thành sai lầm lệch lạc.

Tu thiền buộc phải chú tâm vào hơi thở và đếm số. Nếu chỉ chuyên tâm vào một việc này thôi thì đến lúc nào đó chắc chắn dễ sanh nghi. Tại sao? Vì ngồi thiền lâu, dần dần thấy hơi thở dường như không còn, hơi thở không còn thì lấy gì để đếm, nên chơi với hoảng hốt không biết làm sao. Đây tôi nói rõ, sự thật chỗ này không sao hết, người tu thiền không phải sanh nghi. Bởi vì thông thường chúng ta thở bằng mũi, nhưng khi ngồi thiền tâm yên định rồi, thì không những thở bằng mũi mà thở khắp cả các lỗ chân lông, cho nên lúc đó tưởng như không thở chứ không phải là ngưng thở. Vì vậy tôi luôn nhắc các vị xả thiền, phải xoa kỹ cho các lỗ chân lông kín lại, ra ngoài gặp gió không bị cảm.

Như ở Tây Tạng, có nhiều vị tu chôn đầu xuống đất mà vẫn sống, bởi vì các vị này không thở bằng mũi mà thở từ các lỗ chân lông.

Như vậy khi tu đến đây chúng ta biết tâm mình đang yên định, không có gì phải nghi sợ. Nếu ngồi thiền mà nghe hơi thở không thông, mệt mỏi là tâm không yên, thì nên chấn chỉnh điều hòa hơi thở lại. Nhắc lại, tu Sổ tức rất quan trọng, chúng ta cần phải chú ý hơi thở ra vô nhớ đếm số từ một đến mười, nếu quên thì đếm lại, cứ chuyên tâm thực hành dần dần sẽ thuần thục.

*2- Chúng Sổ tức: Hành giả biết tâm vận chuyển tự nhiên từ một đến mười không cần gia công. Tâm trụ duyên nơi hơi thở, biết hơi thở rộng nhẹ, tướng tâm lần lần tế nhị. Ngại hơi thở là thô không muốn đếm, khi ấy hành giả nên bỏ Sổ tức tu Tùy tức.*

Khi đếm hơi thở không còn lầm lẫn, không phải dụng công cũng không cần kìm chế mà hơi thở tự nhiên rộng nhẹ tế nhị, là biết đếm hơi thở đã thành công, lúc này bỏ không đếm hơi thở nữa, tiến qua bước thứ hai là Tùy tức.

*Tùy tức có hai:*

*1- Tu Tùy tức: Xả pháp đếm hơi thở trước, nhất tâm nương theo hơi thở ra vào, nhiếp tâm duyên hơi thở, biết hơi thở vào ra, tâm trụ dứt các duyên, ý không phân tán, gọi là tu Tùy tức.*

Sổ tức là làm hai việc một lượt, vừa theo dõi hơi thở vô ra vừa đếm số. Tùy tức thì đơn giản hơn, bởi đến đây

tâm thô đã bớt, nên chỉ theo hơi thở vô ra tới đâu thấy biết rõ ràng. Trong kinh nói, giống như chủ nợ đi đòi nợ, nếu gặp người thiếu nợ thì phải theo sát không dám rời bỏ. Tùy tức cũng vậy, chú tâm vào hơi thở, hơi thở đến đâu tâm duyên theo tới đó, không cho suy nghĩ việc gì khác.

*2- Chứng Tùy tức: Tâm đã vi tế an tịnh không có loạn, biết hơi thở dài, ngắn, khắp thân ra, vào. Tâm và hơi thở nương nhau vận động một cách tự nhiên, ý nghĩ lóng đung lạng lẽ. Biết theo hơi thở là thô, tâm chán muốn bỏ, như người mệt nhọc muốn ngủ không ưa làm các việc, khi ấy hành giả nên xả Tùy tức tu Chỉ.*

Chú tâm theo hơi thở lâu cảm thấy chán mệt, lúc ấy nên bỏ Tùy tức để qua tu Chỉ. Sự tu hành có thứ bậc, lúc đầu vì ý niệm lảng xảng nên dùng Sở tức để trị tâm thô động, đến khi hơi thở bớt thô thì tiến lên Tùy tức, theo hơi thở lâu cảm thấy nhọc mệt nên chuyển qua tu Chỉ.

*Chỉ cũng có hai:*

*1- Tu Chỉ: Dứt các duyên lự không nhớ đếm hơi thở hay theo hơi thở, tâm ngưng lặng, gọi là tu Chỉ.*

*2- Chứng Chỉ: Biết thân tâm đứng lặng vào định, không thấy tướng mạo trong ngoài, pháp định giữ tâm thâm chuyển không động. Hành giả khi ấy liền khởi nghĩ: Tam-muội này tuy là vô vi tịch tịnh, an ổn khoái lạc, mà không có trí tuệ phương tiện thì không thể phá hoại sanh tử. Lại khởi nghĩ: Định này thuộc về nhân duyên, do pháp ấm giới nhập hòa hợp mà có, hư dối*

*không thật, ta nay không thấy không biết, cần phải chiếu soi. Khởi nghĩ thế rồi, không đắm nơi Chỉ, mà khởi Quán phân biệt.*

Chỉ tức là định, không đếm hơi thở cũng không cần theo hơi thở, chỉ để tâm yên tịnh gọi là tu Chỉ.

Do tu Chỉ nên tâm yên định không nghĩ tưởng, khỏe khoắn nhẹ nhàng rồi đắm chìm trong ấy không muốn làm gì, đó là bệnh. Vì vậy tới đây phải bước qua phần thứ ba là tu Quán. Quán là trí tuệ. Người tu Phật phải có định tuệ gồm đủ, không để thiên lệch một bên.

*Quán có hai:*

*1- Tu Quán: Tâm ở trong định dùng tuệ phân biệt quán tưởng hơi thở ra vào vi tế như gió trong hư không; da, thịt, gân, xương v.v... ba mươi sáu vật trong thân không thật như bẹ cây chuối; tâm thức vô thường sanh diệt từng sát-na, không thật có ta và người; thân tâm và sự nhận chịu các pháp đều không tự tánh; nhân pháp đều không thì định nương vào đâu? Ấy gọi là tu Quán.*

Tu Quán là để phá chấp ngã của thân và tâm. Về thân thì dùng trí tuệ quán tưởng hơi thở ra vô vi tế giống như hư không. Hoặc quán các phần duyên hợp trong thân, da thịt gân xương ráp lại thành ba mươi sáu vật bất tịnh, đầu tay mắt mũi v.v... mỗi cái có phần vị riêng, không thật như bẹ chuối, lột ra từng bẹ tìm không có cây chuối thật. Về tâm thì thức tâm chỉ là một dòng sanh diệt vô thường, tâm ta và tâm người

đều không thật có. Như thế quán sát thân tâm đều không tự tánh, sát-na không có chủ thể cố định, nhân pháp đã không thì định nương vào đâu mà có? Ấy gọi là tu Quán.

*2- Chứng Quán: Khi quán như trên, biết hơi thở ra vào khắp các lỗ chân lông, tâm nhãn mở sáng thấy ba mươi sáu vật và các loài hộ trùng trong thân, toàn thân trong ngoài đều bất tịnh, biến đổi từng sát-na, tâm sanh buồn mừng được Tứ niệm xứ, phá Tứ điên đảo, gọi là chứng Quán. Tướng quán đã phát, tâm duyên Quán cảnh phân biệt phá dẹp, biết niệm lưu động không phải đạo chân thật; khi ấy nên xả Quán tu Hoàn.*

Khi quán như trên thuần thực, tướng quán được phát, mắt trí tự sáng thấy rõ cả các loài vi trùng trong thân... Khi ấy nếu còn khởi niệm quán là còn dao động chưa phải đạo chân thật, cho nên phải xả bỏ Quán chuyển qua tu Hoàn.

*Hoàn có hai:*

*1- Tu Hoàn: Đã biết Quán từ tâm sanh, hoặc từ phân tích cảnh sanh đều không hợp bản nguyên, phải phản quán, quán lại tâm năng quán. Tâm quán này từ đâu mà sanh? Là từ quán tâm sanh hay từ không quán tâm sanh? Nếu từ quán tâm sanh tức đã có quán, nay thật không phải thế. Vì sao? Vì ba pháp Sở tức, Tùy tức và Chỉ trước chưa có pháp nào là Quán. Nếu từ không quán tâm sanh, thì cái không quán tâm đó diệt rồi mới sanh hay không diệt mà sanh? Nếu không diệt mà sanh tức hai tâm đồng có. Nếu diệt rồi mới sanh,*

*nó đã diệt mất thì không thể sanh tâm quán được. Nếu chấp cũng diệt cũng không diệt sanh, cho đến không diệt không không diệt sanh đều không thể được. Phải biết tâm quán vốn tự không sanh, bởi không sanh cho nên không có, không có nên tức là không, không nên không có tâm quán. Nếu không có tâm quán thì đâu có cảnh quán. Cảnh và trí cả hai đều mất là lối trọng yếu để trở về nguồn vậy. Đó gọi là tu Hoàn.*

*2- Chứng Hoàn: Tâm tuệ khai phát, không gia công lực mà tự thâm vận chuyển hay phá dẹp phần bản hoàn nguyên, gọi là chứng Hoàn. Hành giả phải biết, nếu rời cảnh trí muốn về không cảnh trí, không khỏi sự trôi buộc của cảnh trí, vì còn theo hai bên vậy. Khi ấy nên xả Hoàn an tâm nơi Tịnh đạo.*

Hoàn là xét lại. Gốc của sự quán chiếu là do vận dụng tâm phân tích để quán, như quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường v.v... Nhìn lại tâm hay quán chiếu đó, rốt ráo không thật, tìm không thấy có chỗ nơi thì nó liền tiêu mất. Quán đã không thật thì Hoàn cũng không thật, vì vậy phải bỏ Hoàn để an tâm nơi Tịnh. Đây là trọng yếu để trở về nguồn.

*Tịnh có hai:*

*1- Tu Tịnh: Vì biết sắc ấm tịnh không khởi vọng tưởng phân biệt, thọ tưởng hành thức cũng như thế. Dứt vọng tưởng cấu gọi là tu Tịnh. Dứt phân biệt cấu gọi là tu Tịnh. Dứt chấp ngã cấu gọi là tu Tịnh. Tóm lại, nếu tâm như bản tịnh gọi là tu Tịnh, cũng không thể có năng tu sở tu và tịnh bất tịnh gọi là tu Tịnh.*

Biết ngũ âm sắc thọ tướng hành thức đều do vọng tưởng khởi phân biệt, cho nên dứt vọng tưởng cấu, dứt phân biệt cấu, dứt chấp ngã cấu. Ba thứ này được tịnh rồi, không còn đối đãi cũng không thấy có năng tịnh sở tịnh, đó gọi là tu Tịnh.

*2- Chứng Tịnh: Khi tu như trên, bỗng suốt thông tâm tuệ tương ứng, vô ngại phương tiện tự nhiên dần dần khai phát, được tam-muội chánh thọ, tâm không còn nương tựa.*

*Chứng Tịnh có hai:*

*- Một là Tương tự chứng. Năm thứ phương tiện tương tự, đạo tuệ vô lậu phát hiện.*

*- Hai là Chân thật chứng. Được Khổ pháp nhãn cho đến Vô ngại đạo thứ chín v.v... tuệ vô lậu chân thật phát hiện, những phiền não cấu trong tam giới hết, gọi là chứng Tịnh.*

Khi tu Tịnh như vậy rồi sẽ được chứng Tịnh, tức là suốt thông tâm tuệ tương ứng, vô ngại phương tiện tự nhiên dần dần khai phát, được Tịnh tam-muội, tâm không còn chỗ nương tựa nữa, là đạt được kết quả của tu Tịnh.

Trong chứng Tịnh lại có hai là Tương tự chứng và Chân thật chứng. Tương tự chứng tức là phương tiện tương tự, đạo tuệ vô lậu phát ra, đây mới chỉ là tương tự chứ chưa phải thật. Chân thật chứng là được Khổ pháp nhãn cho đến Vô ngại đạo thứ chín, tức là chứng được trí tuệ vô lậu và tất cả pháp trong kinh Phật dạy,

những phiền não cấu trong tam giới đều sạch, gọi là chứng Tịnh.

*Lại nữa, quán chúng sanh không, gọi là Quán; quán thật pháp không, gọi là Hoàn; quán bình đẳng không, gọi là Tịnh. Không tam-muội tương ứng gọi là Quán, Vô tướng tam-muội tương ứng gọi là Hoàn, Vô tác tam-muội tương ứng gọi là Tịnh. Tất cả ngoại quán gọi là Quán, tất cả nội quán gọi là Hoàn, tất cả phi nội phi ngoại quán gọi là Tịnh. Cho nên Phạm chí Tiên-ni nói: “Phi nội quán cho nên được trí tuệ ấy, phi ngoại quán cho nên được trí tuệ ấy, phi nội ngoại quán cho nên được trí tuệ ấy, cũng chẳng phải không quán cho nên được trí tuệ ấy.”*

Quán chúng sanh không, tức là quán tất cả chúng sanh đều vô ngã, gọi là Quán. Quán thật pháp không, tức là quán pháp Phật dạy tu cũng không thật, gọi là Hoàn. Quán các pháp bình đẳng không, gọi là Tịnh. Không tam-muội tương ứng, cho đến phi nội phi ngoại quán v.v... Quán có nhiều thứ. Tóm lại, quán ra ngoài gọi là Quán, quay lại quán cái hay quán gọi là Hoàn, biết cái hay quán đó không phải trong không phải ngoài gọi là Tịnh. Tu đến đây có thể dung thông hết các pháp.



### CHƯƠNG III

## TÙY TIỆN NGHI TU LỤC DIỆU MÔN

**Chánh văn:**

Hành giả muốn được thâm thiên định trí tuệ, cho đến thật tướng Niết-bàn, sơ học an tâm cần phải khôn khéo. Thế nào là khôn khéo? Chính pháp Lục diệu môn này phải hiểu biết để điều phục tâm, tùy pháp nào thích hợp với tâm nên thường dùng. Vì cố sao? Nếu tâm không thích hợp, tu đối trị vô ích. Thế nên, khi mới tập tọa thiền phải nên học Sổ tức điều tâm, kế học Tùy tức, lại học Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh mỗi pháp trải qua vài ngày. Học rồi, trở lại từ Sổ, Tùy cho đến Hoàn, Tịnh tu tập an tâm. Mỗi pháp trải qua vài ngày, như thế đến đôi ba phen, hành giả ắt phải biết pháp nào thích hợp với tâm. Nếu Sổ tức thích hợp, nên dùng Sổ tức an tâm, cho đến Tịnh cũng như thế. Tùy phương tiện mà dùng không theo thứ tự. Như thế, khi an tâm nếu biết

thân an, hơi thở điều, tâm tịnh và khai minh, trước sau vẫn an thì nên chuyên dùng pháp này. An tức là tốt, nên thường lấy đó làm pháp tắc, ấy là lược nói kẻ sơ học khôn khéo áp dụng Lục diệu môn, tùy tiện nghi an tâm.

Hành giả tâm được an ổn ắt có chỗ chứng. Thế nào là chứng? Nghĩa là được pháp trì thân, thô trụ, tế trụ, Dục giới vị đạo địa và Sơ thiên v.v... các thứ thiên định. Được các định rồi, nếu tâm trụ không tiến, phải tùy định thâm thiền tu Lục diệu môn cho khai phát.

- Thế nào là định thiền không tiến, tu Lục diệu môn khiến khai phát?

- Như hành giả mới được pháp trì thân và pháp thô tế trụ, trải qua thời gian mà không tăng tiến, khi ấy phải nên tế tâm tu Sở tức. Sở tức nếu không tiến, phải tu Tùy tức. Tùy tức nếu không tiến, phải ngưng tâm vi tế tu Chỉ. Chỉ nếu không tiến, phải ở trong định Quán pháp âm, giới, nhập. Quán nếu không tiến, phải Hoàn quy kiểm xét nguồn tâm. Hoàn nếu không tiến, phải lóng lạng thể Tịnh. Sáu pháp này, nếu khi được một pháp tăng tiến thì nên khéo dùng pháp ấy mà tu. Khi đã tiến vào thâm thiền định là vượt hơn cảnh Sở tức.

Tương Sở tức đã mất, tiến phát thiền Tùy tức, ở trong định này nếu không tăng tiến, phải khéo tu năm pháp Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh thì Tùy định tiến dần dần được sâu. Tùy cảnh đã qua

liên phát Chỉ thiên. Chỉ thiên nếu không tiến phải khéo tu bốn pháp Chỉ, Quán, Hoàn, Tĩnh thì Chỉ tướng tiến lần được sâu, Quán tâm khai phát. Tuy có Chỉ pháp mà biết từ nhân duyên sanh không có tự tánh. Chỉ tướng đã qua, nếu Quán thiên không tiến phải khôn khéo tu ba pháp Quán, Hoàn, Tĩnh. Quán thiên đã tiến, tiến rồi lại qua, chuyển vào thâm định, tuệ giải khai phát, chỉ biết pháp tướng của tự tâm, biết Quán là hư dối không thật, cũng thuộc vọng tình, như việc trong mộng trông thấy. Biết rồi không thọ, trở lại phản chiếu nguồn tâm. Hoàn thiên trải lâu lại không thấy tiến, phải khéo quay lại phản quán nguồn tâm và thể tịnh lặng lẽ. Hoàn thiên đã tiến, tiến rồi lại qua liền phát Tĩnh thiên. Thiên này về niệm tướng quán đã trừ, nói năng đều bất, vô lượng tội lỗi được diệt, tâm thanh tịnh thường nhất, ấy gọi là Tĩnh thiên. Tĩnh nếu không tiến phải khéo đuổi cấu tâm, thể nhập chân tịch không, tâm như hư không, không có chỗ nương tựa. Khi ấy, Tĩnh thiên dần dần thâm tịch, thấu triệt sáng suốt, phát tâm vô lậu, chứng đạo Tam thừa. Đây là lược nói Lục diệu môn tùy tiện nghi mà dùng, tăng trưởng các Thiên, công đức, trí tuệ cho đến nhập Niết-bàn.

Lại nữa, hành giả trong thời gian tu tập, nếu có nội chướng, ngoại chướng khởi, muốn dẹp trừ cũng y cứ Lục diệu môn tùy lấy một pháp, mỗi mỗi hiểu biết áp dụng đuổi nó. Nếu được lành liền lấy đó làm phương thuốc. Công dụng Lục diệu môn

**trị thiên chương, ma sự và bệnh hoạn trong lúc tu thiền quyết được lành vậy. Đã nói từ trước tới đây ý vẫn khó thấy, hành giả nếu dùng pháp môn này phải khéo suy nghĩ nhận cho được ý, chớ thực hành bừa.**

### **Giảng:**

*Hành giả muốn được thâm thiền định trí tuệ, cho đến thật tướng Niết-bàn, sơ học an tâm cần phải khôn khéo. Thế nào là khôn khéo? Chính pháp Lục diệu môn này phải hiểu biết để điều phục tâm, tùy pháp nào thích hợp với tâm nên thường dùng. Vì có sao? Nếu tâm không thích hợp, tu đối trị vô ích. Thế nên, khi mới tập tọa thiền phải nên học Sổ tức điều tâm, kế học Tùy tức, lại học Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh mỗi pháp trải qua vài ngày. Học rồi, trở lại từ Sổ, Tùy cho đến Hoàn, Tịnh tu tập an tâm. Mỗi pháp trải qua vài ngày, như thế đến đôi ba phen, hành giả ắt phải biết pháp nào thích hợp với tâm. Nếu Sổ tức thích hợp, nên dùng Sổ tức an tâm, cho đến Tịnh cũng như thế. Tùy phương tiện mà dùng không theo thứ tự. Như thế, khi an tâm nếu biết thân an, hơi thở điều, tâm tịnh và khai minh, trước sau vẫn an thì nên chuyên dùng pháp này. An tức là tốt, nên thường lấy đó làm pháp tắc, ấy là lược nói kẻ sơ học khôn khéo áp dụng Lục diệu môn, tùy tiện nghi an tâm.*

Đường lối tu của đạo Phật không cứng nhắc mà phải linh động. Trước dạy tu theo thứ tự từ Sổ tức cho đến Hoàn Tịnh, nhưng lại có trường hợp đặc biệt gọi là *Tùy tiện nghi tu Lục diệu môn*. Nghĩa là trong sáu pháp này,

nếu tu pháp nào được an tâm, được thanh tịnh thì ứng dụng tu lâu dài, còn pháp nào tu không hợp, có những thứ bệnh hoặc bị trở ngại thì bỏ pháp đó để tu qua pháp khác. Ví dụ tu đếm hơi thở một hồi nghe tức ngực thì nên bỏ Sổ tức chuyển qua Tùy tức cho thông, hoặc theo hơi thở mà tâm cứ tán loạn thì phải dùng Chỉ để dừng nó. Như vậy, tùy theo bệnh, tùy theo căn cơ của mỗi người mà ứng dụng tu đúng pháp thì việc tu mới có hiệu nghiệm.

*Hành giả tâm được an ổn ắt có chỗ chứng. Thế nào là chứng? Nghĩa là được pháp trì thân, thô trụ, tế trụ, Dục giới vị đạo địa và Sơ thiên v.v... các thứ thiên định. Được các định rồi, nếu tâm trụ không tiến, phải tùy định thêm thiền tu Lục diệu môn cho khai phát.*

Nếu tu một pháp có kết quả thì sẽ có chỗ chứng đạt. Chứng nghĩa là được pháp trì thân, thô trụ, tế trụ, Dục giới vị đạo địa và các thứ thiên định.

*Pháp trì thân* là lúc ngồi thiền tâm được an vững, không có tưởng niệm thô động hoặc những tướng làm cho khó chịu.

*Thô trụ, tế trụ* là trụ trong pháp tu còn thô hay tế. Ví dụ khi theo hơi thở vô ra được an ổn, nhưng hơi thở còn sâu dài mạnh là thô trụ, hơi thở nhẹ nhàng yên tĩnh dường như không là tế trụ.

*Dục giới vị đạo địa* tức là được định nhưng chưa thoát khỏi cõi Dục, sắp vào Sơ thiên mà chưa đến Sơ thiên. Nếu được Sơ thiên thì khi chết được lên cõi Sắc giới. Từ Sơ thiên trở lên, các thứ thiên định khác đều từ

bước đầu này. Tuy nhiên, nếu được các định rồi mà tâm trụ không tiến, thì *phải tùy định thâm thiền tu Lục diệu môn*, dùng mỗi pháp riêng tu cho khai phát để vượt qua chỗ kẹt mắc đó.

- *Thế nào là định thiền không tiến, tu Lục diệu môn khiến khai phát?*

- *Như hành giả mới được pháp trì thân và pháp thô tế trụ, trải qua thời gian mà không tăng tiến, khi ấy phải nên tế tâm tu Sổ tức. Sổ tức nếu không tiến, phải tu Tùy tức. Tùy tức nếu không tiến, phải ngưng tâm vi tế tu Chỉ. Chỉ nếu không tiến, phải ở trong định Quán pháp ám, giới, nhập. Quán nếu không tiến, phải Hoàn quy kiểm xét nguồn tâm. Hoàn nếu không tiến, phải lóng lạng thể Tịnh. Sáu pháp này, nếu khi được một pháp tăng tiến thì nên khéo dùng pháp ấy mà tu. Khi đã tiến vào thâm thiền định là vượt hơn cảnh Sổ tức.*

Khi tu Sổ tức đếm hơi thở được yên tịnh, từ lúc bắt đầu ngồi cho tới khi xả không nghĩ gì khác, chỉ nhớ số từ một đến mười không sai sót, cứ như vậy hoài cũng chưa được, phải buông đếm hơi thở bước qua Tùy tức. Theo hơi thở nhẹ nhàng dần được an định, nếu dừng ngang đó thì không thể tiến, nên phải qua tu Chỉ, hoặc Quán, Hoàn, Tịnh. Tùy áp dụng pháp nào cũng được, miễn là vượt qua khỏi chỗ chìm lạng đó.

Tu thiền chủ yếu là an định, nhưng định không phải chỗ cuối cùng của thiền, có định rồi lại phải vượt qua để tiến lên. Nếu ngồi tâm an tĩnh được thanh tịnh nhưng không tiến, không sáng suốt, thì lúc đó phải

áp dụng qua pháp khác. Như trước đây tâm nhiễm ái dục chạy theo sáu trần, nay do tu tập lìa hết các dục được an vui, đó là bước thứ nhất Sơ thiền Ly sanh hỷ lạc. Tu thêm một thời gian, tâm không còn niệm lăng xăng mà luôn yên định, vui vẻ nhẹ nhàng, là tiến lên bước thứ hai Nhị thiền Định sanh hỷ lạc. Định hoại cũng là chỗ bị trụ, nên phải vươn lên vượt khỏi chỗ đó, đây là Tam thiền Ly hỷ diệu lạc. Rồi đến Tứ thiền Xả niệm thanh tịnh v.v... Cứ như vậy từ bước thứ nhất mà tiến dần lên.

Tu không phải chỉ dừng ở một chỗ, mà phải buông bỏ từng chặng để tiến lên những pháp khác. Có hai lối: Một là tu từ Sơ thiền tiến dần đến Tứ thiền, chuyển qua quán pháp Tứ diệu để thấy đúng như thật thì chứng quả A-la-hán. Hai là, tu tới Tứ thiền rồi tiến qua Không vô biên xứ... cho đến Diệt tận định, chứng quả A-la-hán. Trong hai lối này thì lối thứ nhất thẳng tắt hơn.

Như vậy, được định rồi cần phải có trí tuệ, thấy đúng như thật pháp Tứ đế, chứ không chìm lặng trong định. Người tập tu phải ứng dụng sáng suốt khéo léo, người hướng dẫn tu cũng phải biết bước tiến của đệ tử để nhắc nhở, được vậy sự tu mới không bị trì trệ.

*Tương Sở tức đã mất, tiến phát thiền Tùy tức, ở trong định này nếu không tăng tiến, phải khéo tu năm pháp Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh thì Tùy định tiến dần dần được sâu. Tùy cảnh đã qua liền phát Chỉ thiền. Chỉ thiền nếu không tiến phải khéo tu bốn pháp Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh thì Chỉ tương tiến lần được sâu,*

*Quán tâm khai phát. Tuy có Chỉ pháp mà biết từ nhân duyên sanh không có tự tánh. Chỉ tướng đã qua, nếu Quán thiên không tiến phải khôn khéo tu ba pháp Quán, Hoàn, Tịnh. Quán thiên đã tiến, tiến rồi lại qua, chuyển vào thâm định, tuệ giải khai phát, chỉ biết pháp tướng của tự tâm, biết Quán là hư dối không thật, cũng thuộc vọng tình, như việc trong mộng trông thấy. Biết rồi không thọ, trở lại phản chiếu nguồn tâm. Hoàn thiên trải lâu lại không thấy tiến, phải khéo quay lại phản quán nguồn tâm và thể tịnh lặng lẽ. Hoàn thiên đã tiến, tiến rồi lại qua liền phát Tịnh thiên. Thiên này về niệm tướng quán đã trừ, nói năng đều bật, vô lượng tội lỗi được diệt, tâm thanh tịnh thường nhất, ấy gọi là Tịnh thiên.*

Chỉ thiên là thiên định do tu Chỉ. Bởi nhân tìm tâm một chỗ, hoặc giữ nơi chót mũi mà được yên định. Dừng lặng lâu dễ sanh ngủ gục khiến cho mê mờ, nên khi ấy phải khéo tu Quán để trí tuệ khai phát.

Quán một thời gian thấy rõ thân cảnh đều là duyên hợp, hư dối không thật, lúc ấy nên chuyển qua tu Hoàn, tức là quán xét trở lại cùng tốt tâm hay quán đó xem nó ở đâu. Tu Hoàn đã tiến liền bước qua tu Tịnh. Do tâm thanh tịnh thuần nhất nên được gọi là Tịnh thiên. Cứ như thế thứ lớp mà tu tập.

*Tịnh nếu không tiến phải khéo đuổi cấu tâm, thể nhập chân tịch không, tâm như hư không, không có chỗ nương tựa. Khi ấy, Tịnh thiên dần dần thâm tịch, thấu triệt sáng suốt, phát tâm vô lậu, chứng đạo Tam thừa.*

*Đây là lược nói Lục diệu môn tùy tiệm nghi mà dùng, tăng trưởng các Thiên, công đức, trí tuệ cho đến nhập Niết-bàn.*

*Tịnh nếu không tiến thì phải đuổi cấu tâm, thể nhập chân tịch không. Tịnh là buông xả trong sạch, không niệm nào dấy khởi, tâm thường lặng lẽ. Cấu tâm là tâm còn mang những ái nhiễm của thế gian, nên cần phải đuổi dẹp sạch hết. Nếu tâm được như hư không, không có chỗ nương tựa thì Tịnh thiên mới được thâm tịch thấu suốt, chứng vô lậu giải thoát. Như vậy, nhờ khéo léo ứng dụng tu Lục diệu môn mà được đầy đủ công đức trí tuệ, cho đến nhập Niết-bàn.*

*Lại nữa, hành giả trong thời gian tu tập, nếu có nội chướng, ngoại chướng khởi, muốn dẹp trừ cũng y cứ Lục diệu môn tùy lấy một pháp, mỗi mỗi hiểu biết áp dụng đuổi nó. Nếu được lành liền lấy đó làm phương thuốc. Công dụng Lục diệu môn trị thiên chướng, ma sự và bệnh hoạn trong lúc tu thiên quyết được lành vậy. Đã nói từ trước tới đây ý vẫn khó thấy, hành giả nếu dùng pháp môn này phải khéo suy nghĩ nhận cho được ý, chớ thực hành bừa.*

Người tu thiên, muốn dẹp được nội chướng ngoại chướng, chỉ cần lấy pháp Lục diệu môn mà trị, không cần pháp gì khác. Như khi tu thiên nếu được thiên Chỉ, tức là dừng định ở chót mũi mà tâm yên lặng, rồi cứ say ở trong định đó, bị nó làm cho mờ mịt thì phải chuyển qua tu Quán. Dùng trí tuệ quán các pháp do nhân duyên sanh để ra khỏi định chìm lặng đó. Trí tuệ quán lâu

trở thành chướng vì còn động, cho nên phải bỏ chuyển qua tu Hoàn, tìm lại manh mối của nó.

Tóm lại, tất cả pháp đều là phương thuốc tùy theo bệnh mà trị. Nếu bệnh gì nặng thì áp dụng phương pháp đó để trị cho phù hợp, khi có kết quả rồi thì chuyển qua cái khác chứ không giữ mãi ở một chỗ. Việc tu cần phải hiểu cho kỹ, đừng thực hành bừa rồi sanh bệnh. Đó là tùy theo hoàn cảnh mà khéo tu Lục diệu môn.



## CHƯƠNG IV

# TÙY ĐỐI TRỊ TU LỤC DIỆU MÔN

**Chánh văn:**

Hành giả trong bậc Tam thừa tu hành đạo nghiệp kế hội chân lý, đều do trừ chướng hiển lý chứ không việc gì khác. Vì sao? Người Nhị thừa trừ Tứ trụ hoặc gọi là được thánh quả, lại không có pháp nào khác. Bậc đại sĩ Bồ-tát phá sạch Trần sa vô minh chướng hiển bày lý Bồ-đề cũng không tu pháp gì lạ. Lấy đây mà xét, nếu người hay khéo dùng Lục diệu môn đối trị phá nội ngoại chướng, tức là tu đạo nghiệp chứng đạo quả, lại không có đạo nào khác.

Thế nào là công dụng Lục diệu môn đối trị? Hành giả cần phải biết bệnh, biết thuốc. Thế nào là biết bệnh? Nghĩa là biết tam chướng:

- Một là Báo chướng, tức là thập bát giới, thập nhị nhập hiện đời không thiện, thô động, tán loạn làm chướng ngại.

- Hai là Phiền não chướng, là các thứ phiền não tam độc, thập sử v.v...

- Ba là Nghiệp chướng, là những chướng đạo ác nghiệp thời quá khứ hoặc hiện tại, trong khoảng chưa thọ báo hay làm chướng ngại thánh đạo.

Hành giả trong khi tọa thiền tam chướng phát khởi phải khéo biết tướng của nó, dùng pháp môn này đối trị trừ diệt.

Thế nào trong khi tọa thiền biết tướng báo chướng khởi và pháp đối trị?

1- Phân biệt nghĩ ngợi tâm tán động chạy theo các cảnh không tạm dừng trụ, gọi là báo chướng khởi. Tâm phù động ngoa xảo chạy theo các cảnh, tán loạn tung hoành như khỉ vượn gập cây khó mà kìm chế. Khi ấy hành giả nên dùng pháp Sổ tức, Sổ tức điều tâm chính là chân đối trị vậy. Cho nên Phật nói: “Người duyên lự nhiều, dạy Sổ tức.”

2- Trong khi tọa thiền hoặc tâm cũng hôn trầm cũng tán loạn. Hôn trầm tức là tâm không ghi nhớ, mờ mịt muốn ngủ. Tán loạn là tâm phù động giống ruồi. Khi ấy hành giả nên dùng Tùy tức khéo điều tâm. Tùy tức soi tỏ hơi thở ra vào, tâm y hơi thở dứt các duyên không cho ý phân tán.

Soi tỏ hơi thở ra vào trị bệnh vô ký hôn trầm, tâm nường nơi hơi thở trị bệnh giọng ruồi lẳng xằng.

3- Trong khi tọa thiền nếu biết thân tâm bực bội, hơi thở thô, tâm tán loạn lộn xộn, khi ấy hành giả phải dùng Chi. Buông thả thân thể, phóng xả hơi thở, kìm tâm lóng đứng dứt các duyên lự, đó là pháp trị.

Thế nào là phiền não chướng khởi và pháp đối trị?

Phiền não có ba thứ, pháp đối trị cũng có ba:

1- Trong khi tọa thiền tham dục phiền não chướng khởi, khi ấy hành giả nên dùng Cửu tướng quán trong môn Quán tâm và pháp Bội xả ban đầu cùng hai pháp Thắng xứ, các pháp quán bất tịnh để đối trị.

2- Trong khi tọa thiền sân nhuế phiền não chướng khởi, khi ấy hành giả phải dùng Từ Bi Hỷ Xả v.v... trong môn Quán tâm mà đối trị.

3- Trong khi tọa thiền ngu si tà kiến phiền não khởi, khi ấy hành giả nên dùng Hoàn môn phản chiếu thập nhị nhân duyên, tam không, các đạo phẩm phá dẹp nguồn tâm quay về bản tánh là pháp đối trị.

Thế nào là nghiệp chướng và cách đối trị?

Nghiệp chướng có ba thứ, pháp đối trị cũng có ba:

1- Trong khi tọa thiền bỗng nhiên cấu tâm mờ mịt, quên mất cảnh tâm duyên, đó là nghiệp chướng hắc ám khởi. Khi ấy, hành giả phải dùng Tịnh phương tiện, niệm Ứng thân Phật có ba mươi hai tướng thanh tịnh sáng suốt trong Tịnh môn mà đối trị.

2- Trong khi tọa thiền bỗng dưng khởi nghĩ ác, suy nghĩ tham dục v.v... không có pháp ác nào mà chẳng nghĩ, đó là tội nghiệp của đời quá khứ đã tạo. Khi ấy, hành giả nên niệm Báo thân Phật có Nhất thiết chủng trí hoàn toàn thanh tịnh và những công đức Thường, Lạc v.v... trong Tịnh môn để đối trị.

3- Trong khi tọa thiền nếu có các thứ tướng cảnh giới ác hiện khởi, cho đến ép ngạt thân tâm, đó chính là ác nghiệp chướng do đời này hoặc đời trước đã tạo. Khi ấy, hành giả nên niệm Pháp thân Phật bản tịnh không sanh không diệt, bản tánh thanh tịnh, trong Tịnh môn để đối trị.

Đây là lược nói Lục diệu môn đối trị, đoạn trừ tướng của ba chướng. Nếu nói rộng không ngoài mười lăm thứ chướng.

Lại nữa, hành giả trong khi tọa thiền nếu phát các thứ thiên thâm định, giải thoát, trí tuệ khác, hoặc các thứ chướng khởi, phải y cứ Lục môn khôn khéo dùng đối trị. Các thứ chướng thô tế đã trừ, chân như thật tướng tự hiển, tam minh lục thông tự phát, thập lực, tứ vô sở úy, tất cả công đức,

**hạnh nguyện của chư Phật Bồ-tát tự nhiên hiện tiền không do tạo tác. Cho nên kinh chép: “Lại thấy chư Phật, tự nhiên thành Phật đạo.”**

**Giảng:**

*Hành giả trong bậc Tam thừa tu hành đạo nghiệp khế hội chân lý, đều do trừ chướng hiển lý chứ không việc gì khác. Vì sao? Người Nhị thừa trừ Tứ trụ hoặc gọi là được thánh quả, lại không có pháp nào khác.*

Tu thiền được kết quả trong các bậc Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, là đều do khế hội với chân lý mà trừ các chướng. Chướng trừ được rồi thì lý đạo hiện, vì lý đạo đã sẵn có bởi do chướng che khuất mà thôi.

*Người Nhị thừa trừ Tứ trụ hoặc gọi là được thánh quả, lại không có pháp nào khác. Hàng Thanh văn, Duyên giác muốn tiến đến thánh quả thì phải trừ Tứ trụ hoặc, vì bốn thứ hoặc này làm cho kẹt mắc. Tứ trụ hoặc là: Kiến nhất thiết trụ địa, Dục ái trụ địa, Sắc ái trụ địa, Hữu ái trụ địa. Thường chúng ta hay có những thứ ưa thích làm chướng ngại đường tu. Ví dụ người thích ăn thì lúc ngồi thiền nhớ tưởng món ăn ngon, người thích sắc đẹp nên khi ngồi lại chỉ nhớ sắc đẹp của người này người kia, người thích âm thanh nếu đang ngồi thiền mà nghe tiếng hát thì tâm chạy theo lời nhạc v.v... Do nhớ tưởng bận chạy theo những gì mình thích, nên tâm loạn động không dừng trụ được, đó là chướng. Vì vậy hàng Nhị thừa tu hành phá được chướng thì lý đạo hiển hiện, gọi là chứng đắc thánh quả.*

*Bậc đại sĩ Bồ-tát phá sạch Trần sa vô minh chướng hiển bày lý Bồ-đề cũng không tu pháp gì lạ. Lấy đây mà xét, nếu người hay khéo dùng Lục diệu môn đối trị phá nội ngoại chướng, tức là tu đạo nghiệp chứng đạo quả, lại không có đạo nào khác.*

Trần sa hoặc là cái mê lầm như cát bụi. Thánh quả Nhị thừa thì mê lầm Kiến Tư hoặc nơi mình đã hết, nhưng còn thấy cái mê lầm của chúng sanh nhiều như cát bụi, nên sanh tâm chán ngán, thối chí độ sanh, thủ cảnh Niết-bàn thiên không của Tiểu thừa. Hàng Bồ-tát muốn tu tiến thì phải dẹp sạch mê lầm vi tế Trần sa hoặc này, hiển bày lý Bồ-đề. Sự tu không có pháp gì khác, cũng tu Lục diệu môn mà thành Bồ-tát.

Như vậy, muốn tu đạt được kết quả của hàng Nhị thừa hay bậc đại sĩ Bồ-tát, đều phải khéo áp dụng pháp Lục diệu môn này mà *đối trị phá nội ngoại chướng, tức là tu đạo nghiệp chứng đạo quả*, chứ không có đường lối nào khác.

*Thế nào là công dụng Lục diệu môn đối trị? Hành giả cần phải biết bệnh, biết thuốc. Thế nào là biết bệnh? Nghĩa là biết tam chướng.*

- Một là Báo chướng, tức là thập bát giới, thập nhị nhập hiện đời không thiện, thô động, tán loạn làm chướng ngại.

- Hai là Phiền não chướng, là các thứ phiền não tam độc, thập sử v.v...

- *Ba là Nghiệp chướng, là những chướng đạo ác nghiệp thời quá khứ hoặc hiện tại, trong khoảng chưa thọ báo hay làm chướng ngại thánh đạo.*

Bệnh có chia ra ba thứ gọi là tam chướng, gồm có: Báo chướng, Phiền não chướng, Nghiệp chướng. Chướng là ngăn trở làm cho việc tu không tiến được.

Báo chướng là nghiệp báo của thân này. Ví dụ mình đang an ổn tiến tu, bỗng nhiên bị bệnh hoặc cảnh trần bên ngoài chi phối, làm cho sự tu hành bị trì trệ. Thập bát giới là sáu căn, sáu trần và sáu thức. Thập nhị nhập là sáu căn và sáu trần. Bởi thân này hợp với hoàn cảnh bên ngoài và tâm thức ở trong, làm cho thô động tán loạn trở ngại sự yên tịnh của chính mình, nên gọi là báo chướng. Vì vậy khi tu gặp những báo chướng, chúng ta phải khéo vượt qua, chiến thắng đừng để thua nó.

Phiền não chướng là các thứ phiền não tam độc, thập sử v.v... mà chúng ta thường hay mắc phải. Ví dụ có ai làm mình không vừa ý, hoặc bị người chọc tức, đến khi ngồi thiền cứ nhớ sai quấy của người đó nên tham sân si dấy khởi, ngồi thiền mà tâm không yên, đó là phiền não chướng.

Chúng ta có bệnh tham, tu muốn như thuyền xuôi nước thuận gió, nếu gặp việc gì trở ngại thì nói tu sao khó quá! Như có người nói, mình tu lẽ ra được Phật gia hộ không gặp chướng, mà sao cứ xảy ra chuyện này chuyện kia hoài. Lúc chưa tu không bị kháo, bây giờ tu rồi lại bị kháo v.v... Chúng ta cầu nguyện Phật gia hộ cho được bình yên để tu, không ai dám cầu Phật

cho con có thử thách. Nếu người tu mà bình yên quá thì tu khó tiến, cần phải có những thử thách để khảo sát xem mình có nỗ lực không. Như học trò phải có thi cử, nếu không thi thì đâu được lên lớp, làm sao có bằng cấp? Thi là khảo hạch để biết sức của học trò có thể vượt qua cấp học đó được chưa. Chúng ta tu phải đủ can đảm vượt qua chướng ngại. Ai tu cũng có chướng, đừng nói tu là không chướng. Nếu người tu mà nói để yên cho tôi tu, đừng động tới tôi, như vậy là đâu có tu! Gặp báo chướng mà khéo biết vượt qua, mới thành công trong sự tu. Cho nên khi tu mà gặp chướng khảo thì phải mừng, vì chuẩn bị bước lên một bậc nữa. Nếu gặp khảo liền chán hết muốn tu, thì suốt đời cũng như chú học trò sợ thi nên cứ ngồi lại lớp hoài.

Nghiệp chướng là những việc làm không tốt mà xưa kia mình đã tạo, cho nên đời này bị tật nguyên hoặc gặp những việc phiền hà. Biết rồi chúng ta phải cố gắng vượt qua, để tu hành tiến tới thánh đạo.

*Hành giả trong khi tọa thiền tam chướng phát khởi phải khéo biết tướng của nó, dùng pháp môn này đối trị trừ diệt.*

*Thế nào trong khi tọa thiền biết tướng báo chướng khởi và pháp đối trị?*

*1- Phân biệt nghĩ ngợi tâm tán động chạy theo các cảnh không tạm dừng trụ, gọi là báo chướng khởi. Tâm phù động ngoa xảo chạy theo các cảnh, tán loạn tung hoành như khi vượn gặp cây khó mà kìm chế. Khi ấy hành giả nên dùng pháp Sổ tức, Sổ tức điều tâm*

*chính là chân đối trị vậy. Cho nên Phật nói: “Người duyên lự nhiều, dạy Sổ tức.”*

Người tu nếu tâm chạy lăng xăng như khỉ vượn thì phải áp dụng phương pháp quán Sổ tức để kìm chế, hoặc đếm hơi thở lâu mà vọng tưởng vẫn cứ khởi thì phải xoay trở lại, vừa theo hơi thở vừa đếm hơi thở để kìm chế cho tâm yên định.

*2- Trong khi tọa thiền hoặc tâm cũng hôn trầm cũng tán loạn. Hôn trầm tức là tâm không ghi nhớ, mờ mịt muốn ngủ. Tán loạn là tâm phù động giống ruồi. Khi ấy hành giả nên dùng Tùy tức khéo điều tâm. Tùy tức soi tỏ hơi thở ra vào, tâm y hơi thở dứt các duyên không cho ý phân tán. Soi tỏ hơi thở ra vào trị bệnh vô ký hôn trầm, tâm nương nơi hơi thở trị bệnh giống ruồi lăng xăng.*

Ngồi thiền nếu vừa buồn ngủ vừa tán loạn thì phải dùng Tùy tức để điều tâm. Nhờ theo hơi thở “vô cùng ra sạch”, thấy biết rõ ràng nên hết buồn ngủ. Do nương theo hơi thở mà dứt các duyên, ý hết phân tán lăng xăng. Đó là dùng pháp Tùy tức, chú tâm theo hơi thở để trừ bệnh hôn trầm và tán loạn.

*3- Trong khi tọa thiền nếu biết thân tâm bực bội, hơi thở thô, tâm tán loạn lộn xộn, khi ấy hành giả phải dùng Chỉ. Buông thả thân thể, phóng xả hơi thở, kìm tâm lỏng đứng dứt các duyên lự, đó là pháp trị.*

Nếu lúc ngồi thiền mà nghe trong người bứt rứt khó chịu, hơi thở khò khè nặng nề, tâm tán loạn không yên, khi đó phải buông xả thân tâm, không dùng đếm

cũng không theo hơi thở, lóng đứng dứt hết các duyên không cho nghĩ ngợi. Như thế dần dần thông thả, nhẹ nhàng an định.

*Thế nào là thiền nào chướng khởi và pháp đối trị?*

*Phiền não có ba thứ, pháp đối trị cũng có ba:*

*1- Trong khi tọa thiền tham dục phiền não chướng khởi, khi ấy hành giả nên dùng Cửu tướng quán trong môn Quán tâm và pháp Bội xả ban đầu cùng hai pháp Thắng xứ, các pháp quán bất tịnh để đối trị.*

Trong lúc ngồi thiền, đang đếm hoặc theo hơi thở, bỗng tâm khởi tưởng ái dục không yên, thì phải dùng các pháp quán bất tịnh để đối trị. Như quán ba mươi sáu vật trong thân như nhớp, hoặc quán thân này từ mới chết, tất thở bầm xanh lần lần nứt nẻ, cho đến chỉ còn những lóng xương khô... Quán thấy thân này đáng sợ nhơm gớm, tâm ái dục sẽ theo đó dừng. Đó là dùng pháp quán để đối trị phiền não chướng về tham dục. Khi tu nếu khéo biết dùng thuốc thì bệnh sẽ hết.

*2- Trong khi tọa thiền sân nhuế phiền não chướng khởi, khi ấy hành giả phải dùng Từ Bi Hỷ Xả v.v... trong môn Quán tâm mà đối trị.*

Trong khi ngồi thiền mà nhớ đến những chuyện trái ý, như hôm trước có ai mắng chửi mình v.v... thì tâm phiền não sân hận liền dấy lên, lúc đó phải dùng từ bi hỷ xả để đối trị. Nghĩ rằng, người chửi bới mình là người đáng thương, vì họ mờ tối nên nghĩ sai nói bậy, mình là người tu sáng suốt phải nên thương họ.

Do khởi tâm từ bi hỷ xả nên không thấy có gì quan trọng, phiền não chướng theo đó lần lần hết.

*3- Trong khi tọa thiền ngu si tà kiến phiền não khởi, khi ấy hành giả nên dùng Hoàn môn phản chiếu thập nhị nhân duyên, tam không, các đạo phẩm phá dẹp nguồn tâm quay về bản tánh là pháp đối trị.*

Lúc ngồi thiền khởi nghĩ tu để sống dai, hoặc ưa thích hiện phép lạ, muốn luyện pháp này pháp kia v.v... đó gọi là tà kiến. Tà kiến thuộc về ngu si nên phải dùng Hoàn môn phản chiếu lại tâm nghĩ tưởng ấy. Nếu vẫn chưa lặng thì quán thập nhị nhân duyên, từ vô minh duyên hành, hành duyên thức v.v... Quán thập nhị nhân duyên cũng chưa tan thì quán qua tam không, Không, Vô tướng, Vô nguyện. Quán như vậy là phá được tâm tà kiến.

*Thế nào là nghiệp chướng và cách đối trị?*

*Nghiệp chướng có ba thứ, pháp đối trị cũng có ba:*

*1- Trong khi tọa thiền bỗng nhiên cấu tâm mờ mịt, quên mất cảnh tâm duyên, đó là nghiệp chướng hắc ám khởi. Khi ấy, hành giả phải dùng Tịnh phương tiện, niệm Ứng thân Phật có ba mươi hai tướng thanh tịnh sáng suốt trong Tịnh môn mà đối trị.*

Trong khi ngồi thiền đang đếm hơi thở bỗng đứng quên, tâm mờ mịt lơ lửng không nhớ biết gì, đó là nghiệp chướng hắc ám khởi. Lúc ấy phải biết dùng Tịnh phương tiện, tức là pháp Tịnh của Lục diệu môn mà trừ nó. Hoặc nhớ Ứng thân Phật có ba mươi hai

tướng tốt, như trái tai dài, tóc xoắn lại v.v... thì tâm hắc ám sẽ qua.

*2- Trong khi tọa thiền bỗng dưng khởi nghĩ ác, suy nghĩ tham dục v.v... không có pháp ác nào mà chẳng nghĩ, đó là tội nghiệp của đời quá khứ đã tạo. Khi ấy, hành giả nên niệm Báo thân Phật có Nhất thiết chủng trí hoàn toàn thanh tịnh và những công đức Thường, Lạc v.v... trong Tịnh môn để đối trị.*

Lúc bình thường không có những ý nghĩ xấu mà khi ngồi thiền bỗng nhiên khởi tướng đủ thứ chuyện hung dữ, ác độc, tham lam v.v... cứ nhớ hoài những chuyện xấu ác kìm không được, phải biết đó là do nghiệp chướng quá khứ của mình đã tạo, bây giờ nó hiện trở lại. Khi ấy nên khởi quán Báo thân Phật có Nhất thiết chủng trí biết tất cả mà hoàn toàn thanh tịnh, quán các công đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh trong Tứ đức Niết-bàn... Luôn nhớ quán như vậy, nghiệp ác của quá khứ theo đó dần hết.

*3- Trong khi tọa thiền nếu có các thứ tướng cảnh giới ác hiện khởi, cho đến ép ngặt thân tâm, đó chính là ác nghiệp chướng do đời này hoặc đời trước đã tạo. Khi ấy, hành giả nên niệm Pháp thân Phật bản tịnh không sanh không diệt, bản tánh thanh tịnh, trong Tịnh môn để đối trị.*

Trong khi tọa thiền có các thứ tướng cảnh giới ác hiện khởi, ép ngặt thân tâm làm cho sợ hãi, như cảm giác có rắn bò, ma quỷ hiện hình v.v... Thấy như vậy rồi thân tâm bất an, hồi hộp sợ sệt, ngồi thiền không yên.

Trường hợp này phải biết là do nghiệp chướng ác của mình đã tạo trước đây, nên bây giờ nó đến. Lúc ấy phải quán Pháp thân Phật trong sáng thanh tịnh, chính mình cũng sẵn có. Chú tâm quán sát, không dấy khởi một niệm, lần lần các tướng đó tan biến, không cần đọc bùa chú gì. Nếu thấy rồi sợ, lo kiếm bùa chú để trị thì loạn càng thêm loạn, vì đã loạn rồi thêm đọc bùa chú nữa, thành hai cái loạn, nên phải dùng Tịnh môn để đối trị.

*Đây là lược nói Lục diệu môn đối trị, đoạn trừ tướng của ba chướng. Nếu nói rộng không ngoài mười lăm thứ chướng.*

Mỗi thứ chướng có ba thứ, mỗi thứ lại có ba cách đối trị. Người tu nếu không hiểu rõ thì khi gặp chướng dễ bị thối tâm, có hiểu mới biết cách vượt qua mà tiến tu. Như có nhiều người hay than: Lúc bình thường mình hiền lành tử tế với mọi người, không có gì xấu ác; nhưng không hiểu sao lúc ngồi thiền bất chợt nhớ chuyện không vui, liền nổi sân hận muốn hại người này, trả thù người kia... Lẽ ra mình tu thì những cái xấu ác đó phải lặn đi, tại sao khi ngồi yên nó lại nổi lên?

Điều này đơn giản thôi, nhưng bởi không biết nên sanh nghi ngờ. Đó chính là phiền não chướng của quá khứ đã tích lũy lưu lại trong tàng thức, bây giờ chúng ta tu nó trôi dậy quấy phá khiến mình mất thanh tịnh, nó hoành hành làm cho mình thối tâm, chứ không phải tại mình tu mà nó hiện ra. Biết như vậy rồi dùng phương pháp phù hợp đối trị, lần lần chướng hết

mới được giải thoát. Chúng ta tu cốt trị dứt tất cả bệnh chướng của quá khứ và hiện tại, chứ không phải đầu hàng chịu thua. Nếu cứ để mặc nó muốn làm gì thì làm, nghiệp chướng sẽ còn hoài không thể nào giải thoát.

*Lại nữa, hành giả trong khi tọa thiền nếu phát các thứ thiên thâm định, giải thoát, trí tuệ khác, hoặc các thứ chướng khởi, phải y cứ Lục môn khôn khéo dùng đối trị. Các thứ chướng thô tế đã trừ, chân như thật tướng tự hiển, tam minh lục thông tự phát, thập lực, tứ vô sở úy, tất cả công đức, hạnh nguyện của chư Phật Bồ-tát tự nhiên hiện tiền không do tạo tác. Cho nên kinh chép: “Lại thấy chư Phật, tự nhiên thành Phật đạo.”*

Chướng hết rồi thì tâm thanh tịnh, từ tâm thanh tịnh mà tam minh, lục thông, thập lực, tứ vô sở úy v.v... được hiện tiền. Những thứ này đều từ bên trong phát ra, chứ không phải từ bên ngoài cho mình. Vì vậy đây dẫn kinh nói: *Lại thấy chư Phật tự nhiên thành Phật đạo.* Tự nhiên tức là khi tu sạch hết các chướng, lúc đó tâm tự hiển lộ, không phải do ai ban cho.



## CHƯƠNG V

# LỤC DIỆU MÔN NHIẾP NHAU

**Giảng:**

**Lục diệu môn nhiếp nhau, nếu luận gần thì có hai thứ, còn bàn xa thì có rất nhiều. Những gì là hai?**

**- Một là Lục diệu môn tự thể nhiếp nhau.**

**- Hai là khéo tu Lục diệu môn, xuất sanh thắng tiến nhiếp nhau.**

**1- Thế nào là tự thể nhiếp nhau?**

**Hành giả khi tu Lục diệu môn, ở trong một pháp Sở tức thâm vận chuyển nhiếp cả năm pháp Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tĩnh. Vì sao? Như hành giả khi khéo điều tâm Sở tức, chính cái thể của nó là Sở tức môn, tâm nương theo hơi thở để đếm là nhiếp Tùy môn; dứt các duyên lự tìm tâm tại số là nhiếp Chỉ môn; phân biệt tâm đếm số và hơi thở rõ ràng**

là nhiếp Quán môn; nếu tâm loạn động duyên theo ngũ dục ắt là hư dối, tâm không thọ không trước, kìm tâm quay về số là nhiếp Hoàn môn, khi nhiếp tâm đếm hơi thở không có ngũ cái và các thô cấu phiền não, thân tâm lặng lẽ là nhiếp Tịnh môn. Pháp Sở tức nhiếp cả lục môn thì Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh mỗi pháp cũng như thế. Tính ra sáu lần sáu có ba mươi sáu diệu môn. Từ trước đến đây tuy mỗi pháp vận dụng không đồng, nhưng cũng có ý này, nếu không phân biệt hành nhân khó biết. Đã lược nói Lục diệu môn tự thể nhiếp nhau, trong một môn đầy đủ sáu tướng.

2- Thế nào là khéo tu Lục diệu môn, xuất sanh thắng tiến nhiếp nhau?

- Hành giả lúc ban đầu điều tâm Sở tức đếm từ một đến mười tâm không phân tán, gọi là Sở môn. Chính khi Sở tức tâm yên lặng khôn khéo biết hơi thở mới vào, khoảng giữa, trải qua và chỗ đến, cho đến vào rồi trở ra cũng như thế, tâm ắt biết rõ, nương theo không loạn mà vẫn thành tựu pháp đếm từ một đến mười, ấy là trong Sở tức thành tựu Tùy môn.

Hành giả chính khi Sở tức, tế tâm khôn khéo kìm tại số và hơi thở, không cho những tư lự vi tế phát khởi, phút giây không sanh dị niệm phân biệt, đó là trong Sở tức thành tựu Chỉ môn.

Hành giả chính khi Sở tức thành tựu xảo tuệ phương tiện dứt vọng niệm, dùng tâm yên lặng chiếu soi hơi thở sanh diệt, biết tư tưởng chuyển biến

từng sát-na trong thân và pháp ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới như mây như bóng, rỗng không, không có tự tánh. Đã không có người và pháp thì trong khi Sở tức thành tựu xảo tuệ diệt niệm Quán môn.

Hành giả chính khi Sở tức chẳng những thành tựu quán trí biết pháp trước là hư giả, mà cũng khôn khéo hiểu biết quán chiếu lại tâm không có tự tánh, hư dối không thật, lìa được tướng tri giác, ấy là trong Sở tức thành tựu Hoàn môn.

Hành giả chính khi Sở tức không những chẳng được tuệ phương tiện năng quán sở quán, mà cũng chẳng được không có năng quán sở quán, do pháp tánh bản tịnh như hư không, không thể phân biệt. Khi ấy hành giả tâm đồng với pháp tánh lặng lẽ không động, ấy là trong Sở tức thành tựu Tịnh môn.

Lấy năm môn trang nghiêm Sở tức, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh cũng như vậy, ở đây không nói riêng. Tính ra sáu lần sáu cũng được ba mươi sáu diệu môn. Hành giả nếu hay khôn khéo tu tập Lục diệu môn, chắc chắn được các thứ thâm thiền định, trí tuệ, vào Niết-bàn của Tam thừa.

### **Giảng:**

*Lục diệu môn nhiếp nhau, nếu luận gần thì có hai thứ, còn bàn xa thì có rất nhiều. Những gì là hai?*

- Một là Lục diệu môn tự thể nhiếp nhau.

- Hai là khéo tu Lục diệu môn, xuất sanh thẳng tiến nhiếp nhau.

### 1- Thế nào là tự thể nhiếp nhau?

Hành giả khi tu Lục diệu môn, ở trong một pháp Sổ tức thâm vận chuyển nhiếp cả năm pháp Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tĩnh. Vì sao? Như hành giả khi khéo điều tâm Sổ tức, chính cái thể của nó là Sổ tức môn, tâm nương theo hơi thở để đếm là nhiếp Tùy môn; dứt các duyên lự tìm tâm tại số là nhiếp Chỉ môn; phân biệt tâm đếm số và hơi thở rõ ràng là nhiếp Quán môn; nếu tâm loạn động duyên theo ngũ dục ắt là hư dối, tâm không thọ không trước, tìm tâm quay về số là nhiếp Hoàn môn, khi nhiếp tâm đếm hơi thở không có ngũ cái và các thô cấu phiền não, thân tâm lặng lẽ là nhiếp Tĩnh môn. Pháp Sổ tức nhiếp cả lục môn thì Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tĩnh mỗi pháp cũng như thế. Tính ra sáu lần sáu có ba mươi sáu diệu môn. Từ trước đến đây tuy mỗi pháp vận dụng không đồng, nhưng cũng có ý này, nếu không phân biệt hành nhân khó biết. Đã lược nói Lục diệu môn tự thể nhiếp nhau, trong một môn đầy đủ sáu tướng.

Lục diệu môn nhiếp nhau, tức là sáu pháp lẫn nhiếp, nếu nơi một pháp tu thành công thì năm pháp kia cũng có đủ trong đó.

Sao gọi là tự thể nhiếp nhau? Bởi vì lúc áp dụng một pháp là đã gồm đủ các pháp còn lại. Như khi khéo điều tâm đếm số là Sổ tức. Tâm nương theo hơi thở để đếm là Tùy tức. Dứt các duyên lự, chỉ tìm tâm đếm số là Chỉ. Phân biệt tâm đếm số không nhầm lẫn, thấy hơi thở vô ra biết rõ ràng là Quán. Nếu đang đếm mà tâm chạy theo ngũ dục liền biết hư dối, không thọ cũng không dính mắc, nhiếp tâm quay về theo số là Hoàn.

Do nhiếp tâm đếm hơi thở nên không bị ngũ cái và những niệm tham ái thô cấu v.v... che đậy, được tâm thanh tịnh là Tịnh.

*2- Thế nào là khéo tu Lục diệu môn, xuất sanh thắng tiến nhiếp nhau?*

*- Hành giả lúc ban đầu điều tâm Sổ tức đếm từ một đến mười tâm không phân tán, gọi là Sổ môn. Chính khi Sổ tức tâm yên lặng khôn khéo biết hơi thở mới vào, khoảng giữa, trải qua và chỗ đến, cho đến vào rồi trở ra cũng như thế, tâm ắt biết rõ, nương theo không loạn mà vẫn thành tựu pháp đếm từ một đến mười, ấy là trong Sổ tức thành tựu Tùy môn.*

*Hành giả chính khi Sổ tức tế tâm khôn khéo kìm tại số và hơi thở, không cho những tư lự vi tế phát khởi, phút giây không sanh dị niệm phân biệt, đó là trong Sổ tức thành tựu Chỉ môn.*

*Hành giả chính khi Sổ tức thành tựu xảo tuệ phương tiện dứt vọng niệm, dùng tâm yên lặng chiếu soi hơi thở sanh diệt, biết tư tưởng chuyển biến từng sát-na trong thân và pháp ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới như mây như bóng, rỗng không, không có tự tánh. Đã không có người và pháp thì trong khi Sổ tức thành tựu xảo tuệ diệt niệm Quán môn.*

*Hành giả chính khi Sổ tức chẳng những thành tựu quán trí biết pháp trước là hư giả, mà cũng khôn khéo hiểu biết quán chiếu lại tâm không có tự tánh, hư dối không thật, lìa được tướng tri giác, ấy là trong Sổ tức thành tựu Hoàn môn.*

*Hành giả chính khi Sở tức không những chẳng được tuệ phương tiện năng quán sở quán, mà cũng chẳng được không có năng quán sở quán, do pháp tánh bản tịnh như hư không, không thể phân biệt. Khi ấy hành giả tâm đồng với pháp tánh lặng lẽ không động, ấy là trong Sở tức thành tựu Tịnh môn.*

*Lấy năm môn trang nghiêm Sở tức, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh cũng như vậy, ở đây không nói riêng. Tính ra sáu lần sáu cũng được ba mươi sáu diệu môn. Hành giả nếu hay khôn khéo tu tập Lục diệu môn, chắc chắn được các thứ thâm thiền định, trí tuệ, vào Niết-bàn của Tam thừa.*

Chính trong khi đếm hơi thở mà không lầm lẫn, biết rõ các pháp đều giả dối như mây như bóng, phản chiếu lại tâm mình, an trú chân thật, thanh tịnh... là thành tựu đầy đủ Lục diệu môn. Lục diệu môn được thành tựu thì tất cả pháp cũng theo đó đầy đủ không thiếu.

Chúng ta tu tập phải khôn khéo, dù tu pháp cao hay pháp thấp, nếu khéo thì đều được kết quả tốt, còn không khéo thì dù cho pháp cao tu cũng không thành công, không có kết quả. Vì vậy khi tu chúng ta phải cẩn thận, thấy biết rõ ràng đừng để lầm lẫn.



## CHƯƠNG VI

# LỤC DIỆU MÔN CHUNG VÀ RIÊNG

**Chánh văn:**

Sở dĩ nói Lục diệu môn chung và riêng là vì phàm phu, ngoại đạo, Nhị thừa, Bồ-tát chung quán một pháp Sở tức mà giải tuệ không đồng, nên chứng Niết-bàn cũng sai biệt. Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh cũng như thế. Vì sao có sai biệt?

Hành giả phàm phu độn căn chính khi Sở tức chỉ biết đếm từ một đến mười cho tâm an định, mong cầu nhờ đây được nhập thiền định thọ hưởng các khoái lạc. Đó gọi là trong pháp Sở tức mà khởi ma nghiệp vì tham sanh tử vậy.

Các hàng ngoại đạo lợi căn tâm tri kiến quá mạnh, vì thấy nhân duyên nên khi Sở tức chẳng những điều tâm đếm hơi thở từ một đến mười, mong cầu thiền định, mà cũng hay phân biệt có hơi thở,

không có hơi thở, cũng có cũng không, chẳng có chẳng không; quá khứ hơi thở như thế đi hay không như thế đi, cũng như thế đi cũng không như thế đi, chẳng như thế đi chẳng không như thế đi, vị lai hơi thở hữu biên, vô biên, cũng hữu biên cũng vô biên, chẳng hữu biên chẳng vô biên; hiện tại hơi thở hữu thường ư? Vô thường ư? Cũng hữu thường cũng vô thường ư? Chẳng hữu thường chẳng vô thường ư? Và tâm cũng như thế. Tùy chỗ tâm nhận được chấp cho là thật, cho người khác nói đều là vọng ngữ. Người này bởi không rõ tướng hơi thở, theo vọng kiến sanh phân biệt, tức là Sở tức mà khởi hý luận tứ biên thiêu đốt, sanh chỗ phiền não, hàng chìm trong tham trước tà kiến, tạo các tà hạnh, đoạn diệt thiện căn, không hội lý vô sanh, tâm đi ngoài chánh lý nên gọi là ngoại đạo.

Hai hạng người trên tuy lợi căn, độn căn có khác mà sanh tử luân hồi trong tam giới không khác.

Thế nào là Thanh văn Sở tức?

Hành giả muốn mau thoát ly tam giới tự cầu Niết-bàn nên tu Sở tức để điều tâm. Khi ấy ở trong Sở tức mà chẳng lìa chánh quán Tứ đế. Thế nào là Sở tức quán Tứ chân đế? Hành giả biết hơi thở y nơi thân, thân y nơi tâm, ba việc (hơi thở, thân, tâm) hòa hợp gọi là ấm giới nhập, tức là Khổ. Nếu tham trước pháp ấm giới nhập cho đến buông lung tâm phân biệt ấm giới nhập, tức là Tập. Nếu hay đạt được chân tánh của hơi thở, là biết Khổ vô sanh,

không khởi tứ thọ, tứ hạnh không sanh thì lợi sử, độn sử các thứ phiền não kiết phược đều lặng lẽ không khởi, gọi là Diệt. Chánh tuệ biết khổ hay thông lý không bị ngăn bít, gọi là Đạo. Nếu hay Sở tức thông đạt Tứ đế như thế, người ấy quyết định được đạo Thanh văn, dứt nghiệp cũ không tạo nghiệp mới.

**Thế nào trong Sở tức vào đạo Duyên giác?**

Hành giả cầu tự nhiên trí, ưa riêng được tịch tịnh sâu biết các pháp do nhân duyên sanh, chính khi Sở tức biết các ghi nhớ đếm hơi thở là Hữu chi, Hữu duyên Thủ, Thủ duyên Ái, Ái duyên Thọ, Thọ duyên Xúc, Xúc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Thức, Thức duyên Hành, Hành duyên Vô minh. Lại quán cái Hữu ghi nhớ hơi thở này là nghiệp thiện hữu vi, có nhân duyên thiện quyết định phải thọ báo ở đời sau hoặc cõi người, cõi trời, vì có nhân duyên thọ báo, ắt có Lão tử và Ưu bi khổ não. Đó là nhân duyên ba đời, sanh tử không ngừng mé, luân hồi không dừng. Vốn không có sanh cũng không có tử, mà không khéo suy nghĩ nên tâm hạnh tạo thành nghiệp sanh tử. Nếu biết Vô minh thể tánh vốn tự không có, bởi nhân duyên vọng tưởng hòa hợp mà sanh, vốn không phải thật, giả gọi là Vô minh. Vô minh còn không thật có thì Hành v.v... các nhân duyên đều không căn bản. Đã không có hành v.v... các nhân duyên, thì đâu thật có Sở tức hiện nay. Khi ấy hành giả biết sâu Sở tức thuộc nhân duyên, không, không có tự tánh,

không thọ không trước, không nghĩ không phân biệt, tâm như hư không vắng lặng không động, rỗng suốt, tâm vô lậu phát sanh thành đạo Duyên giác.

**Thế nào gọi là Bồ-tát Sở tức?**

Hành giả vì cầu Nhất thiết trí, Phật trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí, Như Lai trí kiến, Lực, Vô sở úy, thương xót muốn làm cho vô lượng chúng sanh được an lạc cho nên tu Sở tức. Muốn nhân pháp môn này vào Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Như trong Kinh nói: “Pháp quán hơi thở là cái cửa ban đầu của ba đời chư Phật vào đạo.” Thế nên những vị mới phát tâm Bồ-tát muốn cầu Phật đạo, trước nên điều tâm Sở tức. Chính khi Sở tức biết hơi thở không phải hơi thở, cũng như huyền hóa, do đó hơi thở không phải là sanh tử, cũng không phải là Niết-bàn. Khi ấy, ở trong Sở tức không thấy sanh tử để đoạn, không thấy Niết-bàn để nhập. Vì thế, không trụ sanh tử nên không bị hai mươi lăm cõi trời buộc. Không chứng Niết-bàn nên không rơi vào Thanh văn Duyên giác. Dùng bình đẳng đại tuệ không có tâm thủ xả, vào Sở tức trung đạo, gọi là thấy Phật tánh, được Vô sanh nhẫn, trụ Đại Niết-bàn thường lạc ngã tịnh. Cho nên Kinh nói: “Ví như dòng nước chảy xiết cuốn gãy tất cả, chỉ trừ cành dương liễu, vì nó mềm dẻo vậy. Dòng nước sanh tử cũng như thế, hay cuốn chìm tất cả phàm phu, chỉ trừ Bồ-tát trụ Đại thừa Đại Niết-bàn, vì tâm nhu nhuyễn vậy.” Đó là hành giả Đại thừa ở trong pháp Sở tức vào địa vị Bồ-tát.

**Thế là đã lược nói tướng diệu môn Sổ tức, phàm thánh, Đại thừa Tiểu thừa, chung và riêng. Sổ tức tuy chung mà do sự lý giải nên có khác. Tuy cùng tu Sổ tức mà tùy mỗi hạng người quả báo có sai biệt. Các pháp Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh mỗi diệu môn, phàm thánh, Đại thừa Tiểu thừa, chung riêng cũng như vậy.**

### **Giảng:**

*Sở dĩ nói Lục diệu môn chung và riêng là vì phàm phu, ngoại đạo, Nhị thừa, Bồ-tát chung quán một pháp Sổ tức mà giải tuệ không đồng, nên chứng Niết-bàn cũng sai biệt. Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh cũng như thế.*

Phàm phu, ngoại đạo, Nhị thừa cho đến các bậc Bồ-tát cũng đồng quán một pháp Lục diệu môn nhưng chỗ thâm nhập hiểu thấu không đồng, nên chứng Niết-bàn cũng có sai biệt. Do đó biết rằng, các pháp tu này tuy chung mà cũng có riêng.

*Vì sao có sai biệt?*

*Hành giả phàm phu độn căn chính khi Sổ tức chỉ biết đếm từ một đến mười cho tâm an định, mong cầu nhờ đây được nhập thiền định thọ hưởng các khoái lạc. Đó gọi là trong pháp Sổ tức mà khởi ma nghiệp vì tham sanh tử vậy.*

Cùng một pháp tu nhưng nếu tâm không chánh thì pháp đó cũng trở thành tà. Như pháp tu Sổ tức, những người độn căn chỉ biết đếm hơi thở từ một đến mười cho tâm bớt tán loạn, rồi mong nhờ đó được nhập

thiền định, hưởng các thứ khoái lạc. Tu thiền định chỉ để cầu cho tâm được an ổn thanh thoi chứ không phải để thoát ly sanh tử. Nên nói, đó là phàm phu trong pháp tu mà khởi ma nghiệp.

*Các hàng ngoại đạo lợi căn tâm tri kiến quá mạnh, vì thấy nhân duyên nên khi Sổ tức chẳng những điều tâm đếm hơi thở từ một đến mười, mong cầu thiền định, mà cũng hay phân biệt có hơi thở, không có hơi thở, cũng có cũng không, chẳng có chẳng không; quá khứ hơi thở như thế đi hay không như thế đi, cũng như thế đi cũng không như thế đi, chẳng như thế đi chẳng không như thế đi, vị lai hơi thở hữu biên, vô biên, cũng hữu biên cũng vô biên, chẳng hữu biên chẳng vô biên; hiện tại hơi thở hữu thường ư? Vô thường ư? Cũng hữu thường cũng vô thường ư? Chẳng hữu thường chẳng vô thường ư? Và tâm cũng như thế. Tùy chỗ tâm nhận được chấp cho là thật, cho người khác nói đều là vọng ngữ. Người này bởi không rõ tướng hơi thở, theo vọng kiến sanh phân biệt, tức là Sổ tức mà khởi hý luận tứ biên thiêu đốt, sanh chỗ phiền não, hằng chìm trong tham trước tà kiến, tạo các tà hạnh, đoạn diệt thiện căn, không hội lý vô sanh, tâm đi ngoài chánh lý nên gọi là ngoại đạo.*

Cũng đếm hơi thở mà trở thành ngoại đạo. Tại sao? Bởi đây là lối kiến chấp do nhận định lạnh lợi, nên khi ngồi thiền đếm hơi thở rồi khởi phân biệt về tứ biên. Hơi thở có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không. Hoặc chấp hơi thở quá khứ như thế đi hay không như thế đi..., vị lai hơi thở hữu biên, vô biên v.v... Cứ như vậy, chỉ một hơi thở mà tà kiến

khởi hý luận chấp thành bốn thứ. Vì vậy nói, *hằng chìm trong tham trước tà kiến, tạo các tà hạnh, đoạn diệt thiện căn, không hội lý vô sanh, tâm đi ngoài chánh lý nên gọi là ngoại đạo.*

*Hai hạng người trên tuy lợi căn, độn căn có khác mà sanh tử luân hồi trong tam giới không khác.*

Hạng phàm phu tu để cho yên, cho sung sướng, đó là chấp đi vào trong sanh tử. Ngoại đạo tu chấp vào bốn bên: có, không, cũng có cũng không, chẳng có chẳng không, cũng là đi trong sanh tử. Cho nên cả hai hạng này đều luân hồi trong tam giới như nhau.

*Thế nào là Thanh văn Sở tức?*

*Hành giả muốn mau thoát ly tam giới tự cầu Niết-bàn nên tu Sở tức để điều tâm. Khi ấy ở trong Sở tức mà chẳng lìa chánh quán Tứ đế. Thế nào là Sở tức quán Tứ chân đế? Hành giả biết hơi thở y nơi thân, thân y nơi tâm, ba việc hòa hợp gọi là ấm giới nhập, tức là Khổ. Nếu tham trước pháp ấm giới nhập cho đến buông lung tâm phân biệt ấm giới nhập, tức là Tập.*

Hàng Nhị thừa trong khi đếm hơi thở mà *chẳng* lìa chánh quán Tứ đế. Quán như thế nào?

*Hành giả biết hơi thở y nơi thân, thân y nơi tâm, ba việc hòa hợp gọi là ấm giới nhập, tức là Khổ. Hơi thở nương nơi thân mà có hít vô thở ra, nên nói hơi thở y nơi thân, thân này lại do tâm mê muội đưa tới thọ sanh, nên nói thân y nơi tâm. Hơi thở, thân và tâm, ba thứ hòa hợp gọi là ấm, giới, nhập. Ấm là ngũ ấm sắc thọ tưởng*

hành thức. Giới là thập bát giới, sáu căn sáu trần sáu thức chung lại thành mười tám thứ. Nhập là thập nhị nhập, gồm sáu căn và sáu trần. Từ thân mà tạo tác ra tất cả pháp nên khổ, gọi là Khổ đế. Bởi nương nơi thân mà tâm tham trước vào ấm giới nhập, phân biệt buông lung theo pháp trần, chứa nhóm các khổ, gọi là Tập đế.

*Nếu hay đạt được chân tánh của hơi thở, là biết Khổ vô sanh, không khởi tứ thọ, tứ hạnh không sanh thì lợi sử, độn sử các thứ phiền não kiết phục đều lặng lẽ không khởi, gọi là Diệt. Chánh tuệ biết khổ hay thông lý không bị ngăn bít, gọi là Đạo. Nếu hay Sở tức thông đạt Tứ đế như thế, người ấy quyết định được đạo Thanh văn, dứt nghiệp cũ không tạo nghiệp mới.*

Đếm hơi thở biết hơi thở từ đâu có, thấu suốt được chân tánh của hơi thở là không thì không khởi tứ thọ: thọ khổ, vui, không khổ, không vui. Tứ hạnh không sanh, trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi đều rõ biết tánh vốn không sanh. Thấy được như vậy thì tất cả lợi sử độn sử phiền não v.v... lặng lẽ không khởi, gọi là Diệt đế. Nhờ trí tuệ chân chánh biết năm ấm là khổ, thông suốt lý không bị ngăn bít gọi là Đạo đế.

Hàng Thanh văn muốn mau ra khỏi tam giới nên tu quán Sở tức để điều tâm, trong khi đếm hơi thở vẫn không lìa chánh quán Tứ đế. Nếu hay Sở tức thông đạt Tứ đế như thế, thì người ấy quyết định được đạo Thanh văn, dứt nghiệp cũ không còn tạo nghiệp mới nữa. Đó là phương pháp tu Sở tức của hàng Thanh văn.

*Thế nào trong Sở tức vào đạo Duyên giác?*

*Hành giả cầu tự nhiên trí, ưa riêng được tịch tịnh sâu biết các pháp do nhân duyên sanh, chính khi Số tức biết các ghi nhớ đếm hơi thở là Hữu chi, Hữu duyên Thủ, Thủ duyên Ái, Ái duyên Thọ, Thọ duyên Xúc, Xúc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Thức, Thức duyên Hành, Hành duyên Vô minh. Lại quán cái Hữu ghi nhớ hơi thở này là nghiệp thiện hữu vi, có nhân duyên thiện quyết định phải thọ báo ở đời sau hoặc cõi người, cõi trời, vì có nhân duyên thọ báo, ắt có Lão tử và Ưu bi khổ não. Đó là nhân duyên ba đời, sanh tử không ngăn mé, luân hồi không dừng. Vốn không có sanh cũng không có tử, mà không khéo suy nghĩ nên tâm hạnh tạo thành nghiệp sanh tử. Nếu biết Vô minh thể tánh vốn tự không có, bởi nhân duyên vọng tưởng hòa hợp mà sanh, vốn không phải thật, giả gọi là Vô minh.*

*Vốn không có sanh cũng không có tử, mà không khéo suy nghĩ nên tâm hạnh tạo thành nghiệp sanh tử. Chỗ tột ngăn mé không có sanh tử, nhưng vì chúng ta dính theo cảnh phân biệt nên tạo thành nghiệp sanh tử. Muốn hết sanh tử phải làm sao?*

*Nếu biết Vô minh thể tánh vốn tự không có, bởi nhân duyên vọng tưởng hòa hợp mà sanh, vốn không phải thật, giả gọi là Vô minh. Trong mười hai nhân duyên, Vô minh là nhân duyên đầu tiên. Tất cả chúng ta hiện ở trong sanh tử đều gốc từ vô minh mà ra, do vô minh nên có thân, rồi cũng từ vô minh mà làm ra những việc dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Nhưng vô minh là gì, nó ra sao, ở đâu, tại sao nó lại là cội gốc của sanh tử?*

Chúng ta hoàn toàn không biết. Có một vị cư sĩ trí thức tới hỏi: Thế nào là vô minh? Thiên sư nạt: Đồ ngu hỏi vớ vẩn! Vị cư sĩ vừa nghe nổi sân lên, Thiên sư nói: Đó là vô minh.

Trước khi hỏi không có sân, vừa nghe chê ngu nổi sân lên liền. Nếu lúc bị chê đừng chấp cho là xấu là nhục, chỉ cười thôi, ừ tôi ngu mà, thì đâu có bị vô minh sai sử khiến cho nổi giận. Bởi vô minh bình thường không có, gặp duyên mới sanh, nên nói vô minh từ nhân duyên sanh.

Vô minh đã từ nhân duyên sanh tức nhiên không thật, vậy mà chúng ta cứ bị nó chỉ huy lôi đi trong sanh tử luân hồi không biết bao nhiêu kiếp. Dẫn đi rồi sanh ra, tạo nghiệp, chịu khổ. Khổ rồi tạo nghiệp, tiếp tục luân hồi mãi mãi không dừng. Nếu chúng ta biết vô minh là khổ thì phải bỏ nó. Muốn hết vô minh không khó, giả sử bị người chê mắng mà mình sáng suốt, biết lời nói vô nghĩa không có giá trị thì có gì đâu mà tạo nghiệp. Không tạo nghiệp nên không làm khổ mình khổ người, đó là minh. Vô minh và minh kế cận nhau, vô minh là tối tăm, minh là sáng. Bỏ vô minh thì minh, hết tối thì sáng, đơn giản như vậy. Ai cũng có vô minh và cũng có quyền minh. Biết vô minh không thật, khi duyên đến sáng suốt đừng để bị mê lầm lôi là có trí tuệ. Người có trí tuệ không tạo nghiệp nên không bị sanh tử dẫn đi, còn người không có trí tuệ thì luôn luôn tạo nghiệp nên bị nghiệp lôi vào sanh tử không có ngày ra.

Chúng ta tu cần biết rõ cái nào là vô minh cái nào là minh, để sự tu tập không bị sai lầm. Trong cuộc sống hàng ngày phải khéo tỉnh, đừng để vô minh chen vào. Nếu gặp người chửi mình chỉ cười thôi thì dù không ăn chay trường nhưng vẫn là tu, còn chấp vào việc ăn chay thật kỹ mà ai động tới liền nổi sân đố mặt đố mày lên, là tu chưa giỏi. Trọng tâm của sự tu là tiêu diệt phiền não, chứ không phải tu trên hình thức ăn uống, nhưng phần nhiều thường chấp vào ăn uống cho đó là tu. Phật tử gặp nhau hay hỏi, năm rồi anh chị ăn chay một tháng mấy ngày? Bốn ngày. Năm nay ăn mấy ngày? Sáu ngày. Anh, chị tu hay quá! Nghĩ rằng năm nay ăn chay nhiều hơn năm rồi là hay, mà không biết tu là phải bớt phiền não, bị người nhục mạ không sân, được như vậy mới thật là tu hay.

*Vô minh còn không thật có thì Hành v.v... các nhân duyên đều không căn bản. Đã không có hành v.v... các nhân duyên, thì đâu thật có Sở tức hiện nay. Khi ấy hành giả biết sâu Sở tức thuộc nhân duyên, không, không có tự tánh, không thọ không trước, không nghĩ không phân biệt, tâm như hư không vắng lặng không động, rỗng suốt, tâm vô lậu phát sanh thành đạo Duyên giác.*

Chỉ cần đếm hơi thở, biết hơi thở không thật, do nhân duyên sanh, không có tự tánh. Biết rồi không chấp không dính, không phân biệt, tâm rỗng suốt vắng lặng, vô lậu phát sanh. Đó là giải thoát sanh tử, thành tựu đạo Duyên giác.

Như vậy, thành tựu đạo Duyên giác không khó, chỉ cần nắm vững được đạo lý, biết rõ manh mối của sự tu, để tâm rộng rang không chấp trước cũng không phân biệt dính mắc, liền được giải thoát. Nếu không biết thì việc tu thật là cay đắng, vì cứ ngỡ rằng lạy Phật nhiều là tu nhiều, rồi chấp vào công phu đó mà sanh phiền não, thì dù có tu hoài cũng không tiến được.

*Thế nào gọi là Bồ-tát Sở tức?*

*Hành giả vì cầu Nhất thiết trí, Phật trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí, Như Lai tri kiến, Lục, Vô sở úy, thương xót muốn làm cho vô lượng chúng sanh được an lạc cho nên tu Sở tức. Muốn nhân pháp môn này vào Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Như trong Kinh nói: “Pháp quán hơi thở là cái cửa ban đầu của ba đời chư Phật vào đạo.” Thế nên những vị mới phát tâm Bồ-tát muốn cầu Phật đạo, trước nên điều tâm Sở tức.*

Nhất thiết trí là trí biết tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Tự nhiên trí là trí sẵn của chính mình tự thuở nào. Vô sư trí là trí không có thầy, trí này với Tự nhiên trí gần nhau, tuy hai tên mà cùng một nghĩa. Như Lai tri kiến là tri kiến Phật của mình, cũng là Vô sư trí... Nhân tu Sở tức mà được đầy đủ các thứ diệu dụng như thập lực, tứ vô sở úy v.v...

Bồ-tát cầu thành Phật đạo để độ chúng sanh, vì thương xót muốn làm cho vô lượng chúng sanh được an lạc, chứ không phải vì mình mà tu, cho nên trước phải tu điều tâm đếm hơi thở. *Như trong Kinh nói: Pháp quán hơi thở là cái cửa ban đầu của ba đời chư Phật vào đạo.*

Chẳng những một đức Phật, mà ba đời các đức Phật đều vào đạo bằng cửa quán hơi thở này. Cho nên Bồ-tát cũng muốn nhân pháp này mà được vào Nhất thiết chủng trí.

*Chính khi Sổ tức biết hơi thở không phải hơi thở, cũng như huyền hóa, do đó hơi thở không phải là sanh tử, cũng không phải là Niết-bàn. Khi ấy, ở trong Sổ tức không thấy sanh tử để đoạn, không thấy Niết-bàn để nhập. Vì thế, không trụ sanh tử nên không bị hai mươi lăm cõi trói buộc. Không chứng Niết-bàn nên không rơi vào Thanh văn Duyên giác.*

Bồ-tát phát tâm muốn cầu Phật đạo trước tập tu Sổ tức, *chính khi Sổ tức biết hơi thở không phải hơi thở, cũng như huyền hóa.* Tại sao? Vì hơi thở là sanh mạng của con người, tắt thở là chết, nhưng hơi thở lại là cái vay mượn, hít vô là mượn, thở ra là trả; đã là vay mượn thì làm sao thật được, cho nên thân mạng cũng không thật. Thân không thật thì cần gì phải đoạn sanh tử, phải cầu nhập Niết-bàn, vì sanh tử không thật thì Niết-bàn cũng không thật. Do đó, *không trụ sanh tử nên không bị hai mươi lăm cõi trói buộc, không chứng Niết-bàn nên không rơi vào Thanh văn Duyên giác.* Đó là điểm then chốt để chúng ta tu tập.

Tất cả chúng ta thấy sanh mạng là thật hay không thật? Về lý trí thì khi nghe giải thích mình biết nó không thật, nhưng bước ra khỏi nhà giảng, ra khỏi chỗ tu tập, đối diện với người đời thì thấy nó thật liền. Đường tu khó khăn cay đắng là tại trí nhẹ hơn tình, tình cảm thế gian nặng còn lý trí thì nhẹ lắm. Biết thì biết

mà ứng dụng chưa được, nên dòng sanh tử thoát không nổi, ra không khỏi. Lỗi là bởi chúng ta cứ huân tập khí, chẳng những tập lâu đời mà hiện tại vẫn tập. Biết thân giả chỉ có một giờ, nửa giờ, còn lại thấy nó thật hết thì làm sao cái ít thắng được cái nhiều. Nếu lúc nào cũng nhắc: “Ồi! Thân này giả có gì đâu mà quan trọng”, thì chắc là dễ tu. Vì dễ quên, dễ kẹt mắc nên khó tu khó tỉnh. Đôi lúc chúng ta cũng có tỉnh, nhưng khi chung sống với những người mê, nghe nói thân này giả họ cho là mình điên, chúng ta phải ráng cãi lại để thiên hạ thấy mình không điên. Cho nên dù biết tu rồi, mà thắng được những cái khó khăn đó cũng thật là cay đắng.

*Dùng bình đẳng đại tuệ không có tâm thủ xả, vào Sở tức trung đạo, gọi là thấy Phật tánh, được Vô sanh nhãn, trụ Đại Niết-bàn thường lạc ngã tịnh.*

Khi không sợ sanh tử không cầu Niết-bàn thì tâm thủ xả hết, vào Sở tức trung đạo rộng rang thanh tịnh, gọi là *trụ Đại Niết-bàn*. Do nhận giả làm thật, cho cái suy nghĩ tốt xấu hay dở, phải quấy sanh diệt v.v... là tâm mình, nên không biết được lẽ thật. Khi nào những tâm đó lặng hết, chỉ còn một thể thanh tịnh hằng giác hằng tri rộng rang không có niệm khởi, chừng đó mới không có sanh tử. Vì sao? Vì không động thì không sanh diệt, không theo cái hư giả thì chân thật hiện tiền. Như vậy, muốn thấy thể chân thật nơi mình chỉ cần bỏ cái giả mà thôi, chứ không phải chạy tìm ở đâu xa hết.

Chúng ta có chịu bỏ cái giả không hay còn tiếc? Chắc là tiếc không nỡ bỏ, vì bỏ buồn quá, có để cãi nhau cho vui, nếu bỏ nó rồi thì còn gì để mà cãi nữa. Bởi không nỡ bỏ nên cái thật bị ẩn đi. Chúng ta tu phải can đảm, biết tất cả niệm là hư giả, mặc tình nó khởi diệt không chạy theo là dừng được nghiệp sanh tử, đuổi theo là đi trong sanh tử. Ví dụ có ai đó tới nói: “Đêm hôm tôi nằm mộng thấy như vậy, nếu anh chị mua con số này thì chắc chắn trúng!”... Nghe người gợi ý, lòng tham nổi lên muốn đi mua số liền. Do niệm ham thích dẫn đi, mua số trúng trật gì chưa biết, nhưng trước hết là thấy mình bị lôi tới đó rồi. Cũng vậy, khi thân này mất, những ý niệm chứa chấp trong lòng, hoặc ưa thích cảnh gì thì liền chạy tới cảnh đó, rồi thọ thân sanh ra, tiếp tục chịu một đời đau khổ nữa. Cứ thế mà trôi trong sanh tử, mà có luân hồi.

Nếu tâm chúng ta không tham không giận, thản nhiên tự tại thì có ai rủ rê dụ dỗ gì mình được. Tự tại không phải đợi sau khi chết mới có, mà ngay lúc sống không để tâm dính mắc vào bất cứ pháp nào. Lúc sống có nhân tự tại thì khi chết mới được tự do, còn cứ chạy theo những thứ ưa ghét thì chắc khó dừng được nghiệp. Khi nhắm mắt thấy cảnh đẹp không theo, cảnh xấu không tới, đó là tự tại.

Đại Niết-bàn có đủ bốn đức là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Thường Lạc, vì cái vui của Niết-bàn là cái vui không sanh diệt. Ngã tức là pháp thân hiện tiền. Pháp thân đó không cấu uế, không phiền não nên nói là Tịnh. Vui của thế gian là vui trong sanh diệt, ngược lại với bốn đức của Đại Niết-bàn.

Chúng ta thường hiểu lầm cho rằng vui là đối với khổ, như đói là khổ được ăn là vui, lạnh là khổ được sưởi ấm là vui... Do đó cứ chạy theo cái vui trong đối đãi. Thân này vô thường mà tưởng là thường, khổ mà tưởng là vui, duyên hợp không chủ mà tưởng là ngã, nhấp nhúa mà tưởng là trong sạch. Đó là bốn thứ chấp điên đảo của phàm phu. Nếu trong cuộc sống hàng ngày chúng ta luôn thấy vô thường, thì giả sử có bệnh hoạn hoặc tai nạn gì đến làm cho thân bại hoại, mình đã biết là vô thường thì bại hoại là chuyện bình thường mà thôi, đâu có gì quan trọng. Hoặc bị ai chê bai như xấu gì, cũng không phiền giận vì biết thân là bất tịnh thì như xấu cũng là việc thường. Nghĩ được như vậy thì không bị những thứ chấp nê sai lầm làm cho buồn khổ.

Các tướng chấp sai lầm, Phật gọi là điên đảo, chúng ta học tu theo Phật nên dẹp điên đảo chứ đừng cố giữ. Dẹp thì bớt khổ còn giữ thì khổ đau. Chấp trước sai lầm gọi là người mê, thấy đúng thật gọi là người trí. Như vậy người trí không phải chạy tìm đâu xa, mà chỉ cần đổi cái nhìn sai lầm thành cái nhìn đúng như thật, chứ không phải đợi học đến cử nhân hay tiến sĩ mới là người trí.

*Cho nên Kinh nói: “Ví như dòng nước chảy xiết cuốn gậy tất cả, chỉ trừ cành dương liễu, vì nó mềm dẻo vậy. Dòng nước sanh tử cũng như thế, hay cuốn chìm tất cả phàm phu, chỉ trừ Bồ-tát trụ Đại thừa Đại Niết-bàn, vì tâm nhu nhuyễn vậy.” Đó là hành giả Đại thừa ở trong pháp Số tức vào địa vị Bồ-tát.*

*Thế là đã lược nói tướng diệu môn Sổ tức, phàm thánh, Đại thừa Tiểu thừa, chung và riêng. Sổ tức tuy chung mà do sự lý giải nên có khác. Tuy cùng tu Sổ tức mà tùy mỗi hạng người quả báo có sai biệt. Các pháp Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh mỗi diệu môn, phàm thánh, Đại thừa Tiểu thừa, chung riêng cũng như vậy.*

Trong sáu pháp chỉ nói pháp Sổ tức, nên biết các pháp kia cũng y theo đó. Hành giả Đại thừa nếu khéo ở trong pháp Sổ tức áp dụng tu tập cũng vào được địa vị Bồ-tát. Như vậy, tuy cùng một pháp tu mà do trình độ, tâm tư, chí nguyện khác nhau, cho nên khi tu kết quả khác nhau. Như hàng Bồ-tát do tâm nhu nhuyễn, rộng rãi thânh thang, nên không bị dòng nước sanh tử cuốn trôi.





## CHƯƠNG VII

# LỤC DIỆU MÔN TRIỂN CHUYỂN

**Chánh văn:**

Từ trước đến đây đã nói Lục diệu môn đồng chung thực hành, Bồ-tát cùng với phàm phu, Nhị thừa chung. Phần Lục diệu môn triển chuyển này chỉ riêng Bồ-tát thực hành, không chung với Thanh văn Duyên giác, huống nữa là phàm phu. Vì sao? Vì phần thứ sáu “Lục diệu môn chung và riêng” trước, trong phần pháp quán là quán từ Giả nhập Không được tuệ nhãn, Nhất thiết trí. Tuệ nhãn, Nhất thiết trí là pháp chung của Nhị thừa, Bồ-tát. Phần này là quán từ Không ra Giả triển chuyển Lục diệu môn được pháp nhãn, Đạo chủng trí. Pháp nhãn, Đạo chủng trí không cùng với Thanh văn Bích-chi Phật chung.

Thế nào là Bồ-tát Sở tức trung đạo, quán từ Không ra Giả lần lượt khởi xuất tất cả các hạnh công đức?

Hành giả Bồ-tát chính khi Sở tức phát đại thệ nguyện, thương xót chúng sanh, tuy biết chúng sanh cứu cánh là không, mà muốn làm thành tựu cho chúng sanh, làm thanh tịnh cõi Phật cùng tột vị lai. Khởi nguyện ấy rồi, phải biết rõ hơi thở không sanh không diệt, tánh của nó là không tịch. Chính hơi thở là không, chẳng phải hơi thở diệt mới không, hơi thở tánh tự không; hơi thở tức là không, không tức là hơi thở; là không không có hơi thở, là hơi thở không có không. Tất cả pháp cũng như thế. Vì hơi thở là không, chẳng phải chân chẳng phải giả, chẳng phải thế gian chẳng phải xuất thế gian, tìm hơi thở cùng phi hơi thở không thể được, mà thành tựu niệm hơi thở. Thành tựu niệm hơi thở ấy, như mộng như huyễn, như vang như hóa, tuy sự thật không có mà cũng phân biệt làm việc huyễn hóa. Bồ-tát rõ hơi thở cũng như thế, tuy hơi thở không thật có tự tánh mà thành tựu niệm hơi thở từ một đến mười rành rõ phân minh, thâm tâm phân biệt tướng hơi thở như huyễn. Bởi có hơi thở không tánh như huyễn nên có pháp thế gian xuất thế gian không tánh. Vì sao?

Vì vô minh điên đảo không biết tánh hơi thở là không, nên vọng chấp có hơi thở liền khởi chấp trước ngã pháp, ái kiến các hành, nên gọi là thế gian. Bởi có hơi thở nên có ấm, giới, nhập v.v... quả khổ lạc ở thế gian. Do đó, hơi thở tuy không mà hay thành tựu tất cả nhân quả thiện ác ở thế gian và các việc sanh tử trong hai mươi lăm cõi.

Trong tướng hơi thở không ấy, tuy không có tướng xuất thế gian mà khéo nhân hơi thở phân biệt pháp xuất thế gian. Vì sao? Do không biết tướng hơi thở không, nên mờ mịt không rõ biết, tạo nghiệp thế gian. Vì biết tướng hơi thở là không, nên không có vô minh vọng chấp, tất cả thứ kiết phược phiền não không từ đâu mà sanh, gọi là nhân xuất thế gian. Vì nhân thế gian diệt nên lia quả hai mươi lăm cõi v.v... ở đời sau, gọi là quả xuất thế gian. Vì khéo vượt qua nhân quả điên đảo thế gian nên gọi là pháp xuất thế gian. Ở trong pháp xuất thế gian chân chánh này cũng có nhân quả. Biết hơi thở là không, được chánh trí tuệ là nhân xuất thế gian. Vọng chấp hơi thở có nhân ngã, vô minh điên đảo và khổ quả đều diệt, gọi là quả xuất thế gian. Cho nên Bồ-tát quán hơi thở không phải hơi thở, tuy không được pháp thế gian và xuất thế gian mà hay thành tựu pháp thế gian và xuất thế gian.

Bồ-tát khi quán hơi thở tánh không, tuy không được Tứ đế mà cũng thông đạt Tứ đế. Vì sao? Như trước đã nói quả thế gian là Khổ đế, nhân thế gian là Tập đế, quả xuất thế gian là Diệt đế, nhân xuất thế gian là Đạo đế. Cho nên tuy quán tướng hơi thở không thấy Tứ đế mà hay rõ ràng phân biệt Tứ đế, vì chúng Thanh văn rộng diễn bày phân biệt.

Bồ-tát trong khi rõ biết hơi thở là không, tuy không thấy Mười hai nhân duyên mà cũng thông đạt Mười hai nhân duyên. Vì sao? Quá khứ hơi thở tánh không, vọng thấy có thật hơi thở nên sanh

các thứ điên đảo phân biệt, khởi các phiền não, gọi là Vô minh. Nhân duyên Vô minh nên có Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão tử ưu bi khổ não v.v... luân chuyển không dứt, đều do không rõ hơi thở như hư không, không có. Nếu biết hơi thở là không tịch tức là phá Vô minh, vì Vô minh diệt nên Mười hai nhân duyên đều diệt. Bồ-tát rõ biết hơi thở không phải hơi thở như thế, tuy không được Mười hai nhân duyên mà hay rõ ràng thông đạt Mười hai nhân duyên, vì người cầu Duyên giác thừa rộng nói phân biệt.

Bồ-tát rõ biết hơi thở không tánh, khi ấy còn không thấy có hơi thở, huống nữa ở trong hơi thở mà có pháp Lục tậ và Lục độ. Tuy trong hơi thở không thấy pháp Lục tậ và Lục độ mà cũng rõ ràng thông đạt Lục tậ và Lục độ. Vì sao? Hành giả chính khi Sở tức tự rõ biết, nếu nơi không phải hơi thở mà thấy có hơi thở thì quyết định thành tựu tậ pháp xan tham.

Xan tham có bốn thứ: Một là xan tham tài vật, thấy hơi thở có ta, vì ta sanh xan tham. Hai là xan tham thân, nơi hơi thở khởi chấp thân. Ba là xan tham mạng, nơi hơi thở không rõ chấp có mạng. Bốn là xan tham pháp, nơi hơi thở không rõ liền khởi tâm kiến chấp pháp.

Hành giả vì phá hoại pháp xan tham tậ ác ấy, tu bốn món Bồ thí ba-la-mật:

1- Biết hơi thở không, phi ngã, lìa hơi thở cũng không ngã. Đã chẳng có ngã vậy nhóm chứa tài vật

để làm gì? Khi ấy tâm xan tham tài vật liền tự dứt, xả trần bảo như nhổ đám dãi. Cho nên thông đạt được hơi thở không, tức là Tài thí ba-la-mật.

2- Bồ-tát biết không thân, hơi thở v.v... các pháp không gọi là thân. Là pháp hơi thở v.v... cũng không riêng có thân. Khi ấy biết thân phi thân, liền phá hoại xan tham chấp thân. Đã không xan tham thân tức hay lấy thân làm tội tớ cho người sai khiến, như pháp thí cho mọi người. Rõ biết hơi thở không phải hơi thở, hay thành tựu đầy đủ Xả thân bố thí ba-la-mật.

3- Hành giả nếu hay rõ biết hơi thở không, không thấy tức hơi thở là mạng hay là hơi thở có mạng. Đã không thấy có mạng là phá tâm xan tham mạng. Khi ấy liền hay xả mạng thí cho chúng sanh tâm không kinh sợ. Rõ suốt hơi thở không, hay đầy đủ Xả mạng bố thí ba-la-mật.

4- Hành giả nếu thông đạt hơi thở không, không thấy các pháp ấm, giới, nhập v.v... cũng không thấy tướng các pháp thế gian, xuất thế gian. Vì phá các thứ chấp tướng của chúng sanh, do mê chấp các pháp mà luân hồi lục thú, cho nên có nói ra, mà thật không nó không chỉ bày, vì thính giả không nghe, không được vậy. Khi ấy tuy hành pháp thí mà không chấp pháp thí, tuy có ân đối với mọi người mà hay làm lợi ích tất cả. Ví như quả đất, hư không, mặt trời, mặt trăng làm lợi ích khắp thế gian mà vô tâm đối với vạn vật, không mong sự báo ân;

**Bồ-tát đạt được hơi thở tánh không, thực hành Pháp thí bình đẳng ba-la-mật lợi ích chúng sanh cũng như thế. Thế nên, Bồ-tát biết hơi thở tánh không, tuy không được bố thí độ xan tham mà hay rõ ràng phân biệt xan tham bố thí, vì không thấy thật có vậy.**

**Biết hơi thở tánh không, đầy đủ Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ ba-la-mật cũng như phần Bố thí. Trong ấy mỗi mỗi rộng triển chuyển các tướng ba-la-mật, vì thiện nam thiện nữ cầu Phật đạo mở bày phân biệt. Đây là lược nói trong Sổ tức môn tu triển chuyển đà-la-ni, Bồ-tát thực hành vô ngại phương tiện. Bồ-tát nếu nhập môn này thẳng tới Sổ tức điều tâm cùng kiếp không hết, hướng là được Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn Tịnh các thứ Thiền định, Trí tuệ, Thần thông, Tứ biện tài, Thập lực, Tứ vô sở úy, các địa, hạnh nguyện, Nhất thiết chủng trí, tất cả công đức vô tận, triển chuyển phân biệt mà có thể cùng tận được sao?**

### **Giảng:**

*Từ trước đến đây đã nói Lục diệu môn đồng chung thực hành, Bồ-tát cùng với phàm phu, Nhị thừa chung. Phần Lục diệu môn triển chuyển này chỉ riêng Bồ-tát thực hành, không chung với Thanh văn Duyên giác, hướng nữa là phàm phu. Vì sao? Vì phần thứ sáu “Lục diệu môn chung và riêng” trước, trong phần pháp quán, là quán từ Giả nhập Không được tuệ nhãn, Nhất thiết trí. Tuệ nhãn, Nhất thiết trí là pháp chung*

*của Nhị thừa, Bồ-tát. Phần này là quán từ Không ra Giả triển chuyển Lục diệu môn được pháp nhãn, Đạo chủng trí. Pháp nhãn, Đạo chủng trí không cùng với Thanh văn Bích-chi Phật chung.*

*Triển chuyển tức là lần lượt tiến. Đoạn này chỉ dạy phương pháp thực hành để tiến lên quả Bồ-tát quả Phật, chứ không như những phần trước.*

*Quán từ Giả nhập Không là ngay nơi hơi thở mà biết hơi thở không tự có, phải vay mượn không khí bên ngoài đem vô trả ra. Do mượn trả nên nó là giả, là không. Tự tánh của hơi thở đã là không thì tự tánh của mạng sống cũng là không. Quán từ Giả nhập Không sẽ được tuệ nhãn Nhất thiết trí, là trí của Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát.*

Tuệ nhãn là con mắt trí tuệ nhìn thấy đúng như thật. Đạo Phật chỉ cho chúng ta thấy tường tận ở nơi mình, chứ không phải học tìm cái gì ở bên ngoài. Tại sao? Vì thế gian trùng trùng điệp điệp, nếu cứ chạy ra bên ngoài tìm thì biết đâu là chỗ cùng tột. Chỉ cần quay trở về, biết tường tận rõ ràng chính mình là sẽ biết được cả thế gian, vì thế gian bên ngoài có thứ gì thì trong thân chúng ta có những thứ đó. Thân gồm đủ đất, nước, gió, lửa v.v..., trái đất này cũng được hình thành y như vậy. Mình và trái đất không khác, cho nên biết mình là biết trái đất, biết trái đất là biết hết các hành tinh khác. Ngộ được thân tâm thế nào thì biết các pháp ở ngoài cũng vậy. Đức Phật nắm một nắm lá trong tay, nói với các thầy Tỳ-kheo: “Cái biết của ta

đem ra dạy các ông như lá cây trong nắm tay, còn cái biết của ta chưa dạy các ông nhiều như lá cây trong rừng.” Phật không cầu tìm học thiên văn địa lý gì bên ngoài, ngài chỉ ngồi thiền định mà biết rõ thấu suốt được tất cả.

Chúng ta tu thiền là trở về mình, biết thấu đáo về mình là việc làm thực tế và gần nhất, còn muốn biết tất cả pháp trên thế giới như các nhà khoa học, thì tìm hoài hết đời cũng không biết hết được. Việc gần mà không chịu làm, không chịu quay lại mình, cứ thích chạy tìm xa xôi. Chúng ta muốn biết cục đá này có mấy chất hợp lại thành, mà không biết thân này do cái gì hợp lại thành, đó là quên mình theo vật. Lối tu của đạo Phật là thấu suốt được chân lý về con người, vì con người là chủ của ngoại cảnh. Đó là lẽ thật nhưng lâu nay ít ai chịu quan tâm. Chúng ta cứ bỏ quên ông chủ, chạy đi tìm cái phụ ở bên ngoài hoài, thử hỏi có gì là hay!

Người tu phải biết mình đang làm một việc rất quan trọng, rất hợp lý. Đó là phá tan vô minh được đại trí tuệ, khám phá ra chân lý của con người và thế giới. Khám phá được cái đó thì mới được Nhất thiết trí, Đạo chủng trí... Đừng tưởng rằng tu cho đời sau hưởng sung sướng hơn một chút, rồi tu lừng chừng. Phật tử chúng ta bây giờ đa số tu cầu phước, chỉ mong đời sau sung sướng giàu sang. Đời này gặp nhiều trắc trở buồn khổ nên nguyện đời sau sung sướng hơn, chứ không cầu mong cái gì cao siêu hết. Phật chỉ dạy cho mình tu thành Phật, không phải dạy mình tìm cầu những thứ tạm bợ đó. Thành Phật là có cả kho tàng trí tuệ

mà chúng ta không chịu khơi tìm, cứ mong ước một cái nhỏ xíu, uổng đi một kiếp người. Như chàng cùng tử trong kinh Pháp Hoa, về nhà cha mà không chịu vào gặp cha, không dám nhận cha, chỉ xin làm việc hốt phân được chút lương nhỏ đã thấy đủ rồi. Tâm yếu ớt của chúng ta cũng y như vậy.

Phần trước nói, người khéo quán sát đạt lý từ Giả nhập Không thì được tuệ nhãn Nhất thiết trí, là trí chung của hàng Nhị thừa và Bồ-tát. Đến đây là *quán từ Không ra Giả triển chuyển Lục diệu môn*, quán thành tựu sẽ được pháp nhãn Đạo chủng trí, là trí của hàng Bồ-tát, của Phật. Trí này không cùng Thanh văn và Bích-chi Phật chung.

*Thế nào là Bồ-tát Sở tức trung đạo, quán từ Không ra Giả lần lượt khởi xuất tất cả các hạnh công đức?*

*Hành giả Bồ-tát chính khi Sở tức phát đại thế nguyện, thương xót chúng sanh, tuy biết chúng sanh cứu cánh là không, mà muốn làm thành tựu cho chúng sanh, làm thanh tịnh cõi Phật cùng tột vị lai. Khởi nguyện ấy rồi, phải biết rõ hơi thở không sanh không diệt, tánh của nó là không tịch. Chính hơi thở là không, chẳng phải hơi thở diệt mới không, hơi thở tánh tự không; hơi thở tức là không, không tức là hơi thở; là không không có hơi thở, là hơi thở không có không. Tất cả pháp cũng như thế. Vì hơi thở là không, chẳng phải chân chẳng phải giả, chẳng phải thế gian chẳng phải xuất thế gian, tìm hơi thở cùng phi hơi thở không thể được, mà thành tựu niệm hơi thở. Thành tựu niệm*

*hơi thở ấy, như mộng như huyễn, như vang như hóa, tuy sự thật không có mà cũng phân biệt làm việc huyễn hóa. Bồ-tát rõ hơi thở cũng như thế, tuy hơi thở không thật có tự tánh mà thành tựu niệm hơi thở từ một đến mười rành rõ phân minh, thâm tâm phân biệt tướng hơi thở như huyễn. Bởi có hơi thở không tánh như huyễn nên có pháp thế gian xuất thế gian không tánh.*

Trọng tâm của đoạn này là quán từ Không ra Giả.

Hơi thở nguyên tánh của nó là không, duyên hít vô thở ra là giả. Tại sao hơi thở là không? Bởi vì hơi thở trước khi hít vô không có, do thở ra hết rồi hít vô lại mà có, có đó cũng chỉ là huyễn hóa. Hơi thở đã như huyễn thì mạng sống cũng như huyễn. Từ hơi thở mà xét dần ra thân này cho đến tất cả sự vật, thấu suốt rõ ràng như vậy là thấy được cốt lõi từ Không ra Giả.

Khi hít vô thở ra đều đều là sống, đến lúc thở khi ra không hít vô nữa là chết. Trên thực tế chúng ta có thể chết bất cứ lúc nào, ngay khi hít thở vô ra là sống chết ở kề bên cạnh, thở ra không mượn lại là chết. Vậy mà đâu ai dám nói mạng sống của tôi như huyễn như hóa, chỉ sống tạm một thời gian thôi. Chúng ta cứ tưởng mình sống trăm năm, hoặc muốn sống dài hơn nữa cũng tốt, đó là ảo tưởng.

Bởi thấy chúng sanh mê lầm chấp thân là thật rồi khổ đau, nên Bồ-tát không nở bỏ, phải tìm cách đánh thức dậy, chỉ cho thấy được đó là giả, là huyễn hóa, để cho hết khổ. Các ngài tuy quán thấy tất cả sự vật đều như huyễn, nhưng không trốn trên núi ở một mình,

mà lăn xả vào đời để giáo hóa chúng sanh, cho nên Bồ-tát được gọi là Hữu tình giác hoặc Giác hữu tình. Biết như huyễn mà vẫn làm lợi ích cho chúng sanh, đó là tâm niệm của Bồ-tát.

*Vì sao? Vì vô minh điên đảo không biết tánh hơi thở là không, nên vọng chấp có hơi thở liền khởi chấp trước ngã pháp, ái kiến các hành, nên gọi là thế gian. Bởi có hơi thở nên có ấm, giới, nhập v.v... quả khổ lạc ở thế gian. Do đó, hơi thở tuy không mà hay thành tựu tất cả nhân quả thiện ác ở thế gian và các việc sanh tử trong hai mươi lăm cõi.*

Mê lầm của con người là do vô minh điên đảo, không biết tánh hơi thở là không, vọng chấp cho hơi thở là thật, ngã pháp là thật, nên sanh ra ái kiến. Bởi thương quý nó mà có khổ vui, làm thành nhân quả thiện ác thế gian, sanh vào hai mươi lăm cõi, đi trong sanh tử luân hồi.

*Trong tướng hơi thở không ấy, tuy không có tướng xuất thế gian mà khéo nhân hơi thở phân biệt pháp xuất thế gian. Vì sao? Do không biết tướng hơi thở không, nên mờ昧 không rõ biết, tạo nghiệp thế gian. Vì biết tướng hơi thở là không, nên không có vô minh vọng chấp, tất cả thứ kiết phược phiền não không từ đâu mà sanh, gọi là nhân xuất thế gian.*

Do không biết tướng hơi thở là không, nên mờ昧 không rõ biết, tiếp tục tạo nghiệp là nhân của thế gian. Nếu biết tướng hơi thở vô ra là không, mạng sống chỉ là giả huyễn, thấy được như vậy thì không có vô minh

vọng chấp, tất cả kiết phược phiền não không từ đâu ra, gọi là nhân xuất thế gian. Hết sức đơn giản! Chúng ta có thể tự biết mình đang còn đi trong thế gian hay sẽ ra khỏi thế gian. Nếu khéo tu, giả biết giả, là cái thấy của trí tuệ, là minh; thấy ngược lại là vô minh, tạo nghiệp đi trong sanh tử. Thế gian và xuất thế gian khác nhau chỉ ở chỗ đó.

*Vì nhân thế gian diệt nên là quả hai mươi lăm cõi v.v... ở đời sau, gọi là quả xuất thế gian. Vì khéo vượt qua nhân quả điên đảo thế gian nên gọi là pháp xuất thế gian. Ở trong pháp xuất thế gian chân chánh này cũng có nhân quả. Biết hơi thở là không, được chánh trí tuệ là nhân xuất thế gian. Vọng chấp hơi thở có nhân ngã, vô minh điên đảo và khổ quả đều diệt, gọi là quả xuất thế gian. Cho nên Bồ-tát quán hơi thở không phải hơi thở, tuy không được pháp thế gian và xuất thế gian mà hay thành tựu pháp thế gian và xuất thế gian.*

Chúng ta tu muốn ra khỏi thế gian không phải chuyện khó, chỉ cần thấp sáng đức trí tuệ thấy đúng như thật. Biết rõ hơi thở tự tánh là không, cho đến mạng sống và tất cả pháp cũng đều là duyên hợp giả có không thật, nên không còn cố chấp. Đó là trí xuất thế gian. Trí xuất thế gian là nhân, các thứ phiền não sẽ diệt là quả. Bồ-tát do tu pháp quán hơi thở mà thành tựu nhân quả thế gian và xuất thế gian.

*Bồ-tát khi quán hơi thở tánh không, tuy không được Tứ đế mà cũng thông đạt Tứ đế. Vì sao? Như trước đã nói quả thế gian là Khổ đế, nhân thế gian là Tập đế,*

*quả xuất thế gian là Diệt đế, nhân xuất thế gian là Đạo đế. Cho nên tuy quán tướng hơi thở không thấy Tứ đế mà hay rõ ràng phân biệt Tứ đế, vì chúng Thanh văn rộng diễn bày phân biệt.*

Chỉ cần biết hơi thở không thật là thấu suốt được pháp Tứ đế. Thấy thật, là nhân Tập đế đưa tới quả Khổ đế. Biết không thật, là nhân Đạo đế đi đến quả Diệt đế. Cho nên trong quán hơi thở, tuy không thấy Tứ đế mà cũng hay rõ ràng phân biệt được pháp Tứ đế.

*Bồ-tát trong khi rõ biết hơi thở là không, tuy không thấy Mười hai nhân duyên mà cũng thông đạt Mười hai nhân duyên. Vì sao? Quá khứ hơi thở tánh không, vọng thấy có thật hơi thở nên sanh các thứ điên đảo phân biệt, khởi các phiền não, gọi là Vô minh. Nhân duyên Vô minh nên có Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão tử ưu bi khổ não v.v... luân chuyển không dứt, đều do không rõ hơi thở như hư không, không có. Nếu biết hơi thở là không tịch tức là phá Vô minh, vì Vô minh diệt nên Mười hai nhân duyên đều diệt. Bồ-tát rõ biết hơi thở không phải hơi thở như thế, tuy không được Mười hai nhân duyên mà hay rõ ràng thông đạt Mười hai nhân duyên, vì người cầu Duyên giác thừa rộng nói phân biệt.*

Quá khứ vì thấy hơi thở thật nên điên đảo phân biệt, khởi các phiền não, gọi là Vô minh. Vô minh nên mới có Hành, Thức v.v... mười hai nhân duyên, dẫn đi trong luân hồi.

Bồ-tát biết hơi thở là không, duyên hợp giả có. Thấy rõ như vậy là trí tuệ phá được Vô minh. Vô minh diệt thì Hành, Thức, Danh sắc v.v... đều diệt. Nên tuy không thấy Mười hai nhân duyên mà hay thông đạt Mười hai nhân duyên, vì hàng Duyên giác mà rộng nói phân biệt.

*Bồ-tát rõ biết hơi thở không tánh, khi ấy còn không thấy có hơi thở, huống nữa ở trong hơi thở mà có pháp Lục tậ và Lục độ. Tuy trong hơi thở không thấy pháp Lục tậ và Lục độ mà cũng rõ ràng thông đạt Lục tậ và Lục độ. Vì sao? Hành giả chính khi Sở tức tự rõ biết, nếu nơi không phải hơi thở mà thấy có hơi thở thì quyết định thành tựu tậ pháp xan tham.*

Bồ-tát khi quán hơi thở, biết hơi thở không thật liền được pháp Lục độ để diệt trừ Lục tậ, là sáu thứ tậ xấu. Như vậy trong khi tu pháp Sở tức là đã tu luôn Lục độ.

*Xan tham có bốn thứ: Một là xan tham tài vật, thấy hơi thở có ta, vì ta sanh xan tham. Hai là xan tham thân, nơi hơi thở khởi chấp thân. Ba là xan tham mạng, nơi hơi thở không rõ chấp có mạng. Bốn là xan tham pháp, nơi hơi thở không rõ liền khởi tâm kiến chấp pháp.*

Chúng ta vì lầm chấp hơi thở là thật, là ta, nên mới sanh bốn thứ xan tham. Tham tài vật, tham thân, tham mạng, tham các pháp. Nếu biết hơi thở không thật thì những thứ tham đó liền hết.

*Hành giả vì phá hoại pháp xan tham tậ ác ấy, tu bốn món Bồ thí ba-la-mật:*

1- *Biết hơi thở không, phi ngã, là hơi thở cũng không ngã. Đã chẳng có ngã vậy nhóm chứa tài vật để làm gì? Khi ấy tâm xan tham tài vật liền tự dứt, xả trần bảo như nhổ đằm dãi. Cho nên thông đạt được hơi thở không, tức là Tài thí ba-la-mật.*

2- *Bồ-tát biết không thân, hơi thở v.v... các pháp không gọi là thân. Là pháp hơi thở v.v... cũng không riêng có thân. Khi ấy biết thân phi thân, liền phá hoại xan tham chấp thân. Đã không xan tham thân tức hay lấy thân làm tội tở cho người sai khiến, như pháp thí cho mọi người. Rõ biết hơi thở không phải hơi thở, hay thành tựu đầy đủ Xả thân bố thí ba-la-mật.*

Bồ-tát biết không thân, hơi thở v.v... các pháp không gọi là thân, tức là biết thân này do hơi thở nên có sống còn, mà hơi thở đã không thật thì thân cũng không thật. Là pháp hơi thở v.v... cũng không riêng có thân, vì vậy đem thân làm lợi ích cho tất cả không nuôi tiếc.

3- *Hành giả nếu hay rõ biết hơi thở không, không thấy tức hơi thở là mạng hay là hơi thở có mạng. Đã không thấy có mạng là phá tâm xan tham mạng. Khi ấy liền hay xả mạng thí cho chúng sanh tâm không kinh sợ. Rõ suốt hơi thở không, hay đầy đủ Xả mạng bố thí ba-la-mật.*

Biết rõ hơi thở không thật, mạng sống cũng không thật, cho nên nếu cần hy sinh để làm lợi ích cho chúng sanh, Bồ-tát cũng không hối tiếc. Bố thí thân mạng không chán, không sợ, gọi là Xả mạng bố thí ba-la-mật.

4- Hành giả nếu thông đạt hơi thở không, không thấy các pháp âm, giới, nhập v.v... cũng không thấy tướng các pháp thế gian, xuất thế gian. Vì phá các thứ chấp tướng của chúng sanh, do mê chấp các pháp mà luân hồi lục thú, cho nên có nói ra, mà thật không nói không chỉ bày, vì thính giả không nghe, không được vậy. Khi ấy tuy hành pháp thí mà không chấp pháp thí, tuy có ân đối với mọi người mà hay làm lợi ích tất cả. Ví như quả đất, hư không, mặt trời, mặt trăng làm lợi ích khắp thế gian mà vô tâm đối với vạn vật, không mong sự báo ân; Bồ-tát đạt được hơi thở tánh không, thực hành Pháp thí bình đẳng ba-la-mật lợi ích chúng sanh cũng như thế. Thế nên, Bồ-tát biết hơi thở tánh không, tuy không được bố thí độ xan tham mà hay rõ ràng phân biệt xan tham bố thí, vì không thấy thật có vậy.

Do biết hơi thở tánh không nên đối với các pháp không cố chấp, được thứ gì đem giúp hết cho mọi người, bố thí bình đẳng không tiếc, không phân biệt.

Biết hơi thở tánh không, đầy đủ Trì giới, Nhân nhục, Tinh tấn, Thiên định, Trí tuệ ba-la-mật cũng như phần Bố thí. Trong ấy mỗi mỗi rộng triển chuyển các tướng ba-la-mật, vì thiện nam thiện nữ cầu Phật đạo mở bày phân biệt. Đây là lược nói trong Sổ tức môn tu triển chuyển đà-la-ni, Bồ-tát thực hành vô ngại phương tiện. Bồ-tát nếu nhập môn này thẳng tới Sổ tức điều tâm cùng kiếp không hết, hướng là được Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh các thứ Thiên định, Trí tuệ, Thần thông, Tứ biện tài, Thập lực, Tứ vô sở úy, các địa, hạnh nguyện,

*Nhất thiết chúng trí, tất cả công đức vô tận, triển chuyển phân biệt mà có thể cùng tận được sao?*

Chúng ta tu chỉ cần nhận được hơi thở tánh không, từ đó đầy đủ lục độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ... cùng tất cả pháp môn vô tận, nói gọn là đến Phật quả. Như vậy, nếu trên đường tu một pháp được thông thì tất cả pháp khác đều thông.

Chúng ta không thông đạt hơi thở mượn trả ra vô hoàn toàn không thật, bởi thấy thân thật trăm phần trăm nên mê lầm dài dài, rồi tham lam, sân hận v.v... đủ thứ. Nếu không mê lầm thì ai chê khen, chửi mắng mình cũng không giận. Huyền hóa, có ra gì đâu mà giận! Khi còn sống ai động tới thì nổi tức làm dữ, nhưng mai kia tất thở người ta đem đi đốt cũng không rầy không la được, vậy mà cứ chấp trước bám chặt vào thân giả tạm này mãi. Phải biết, tất cả chấp trước đều từ tưởng sai lầm mà ra, gọi đó là vô minh. Do vô minh dẫn đi sanh tử liên tục, nếu thấy rõ là hư giả thì hết vô minh, là giác ngộ giải thoát.





## CHƯƠNG VIII

# QUÁN TÂM LỤC DIỆU MÔN

**Chánh văn:**

**Quán tâm Lục diệu môn chỉ những bậc đại căn tánh thực hành, khéo biết pháp ác không do thứ lớp, xa chiếu tận nguồn của các pháp. Thế nào là nguồn của các pháp? Nghĩa là tâm chúng sanh vậy. Tất cả muôn pháp do tâm mà khởi, nếu hay phản quán tâm tánh, không thấy có nguồn tâm liền biết các pháp đều không căn bản. Y cứ pháp quán tâm này nói Lục diệu môn không giống như trước. Tại sao?**

**Hành giả khi mới học quán tâm biết tất cả pháp số lượng thế gian và xuất thế gian thủy đều từ tâm sanh, rời ngoài tâm không có một pháp. Thế nên đếm tất cả pháp, đều y cứ nơi tâm mà đếm. Tâm tức là Sở môn vậy.**

Hành giả chính khi quán tâm biết tất cả pháp số lượng đều từ tâm vương sanh. Nếu không tâm vương tức không tâm số, vì tâm vương động nên tâm số cũng động, ví như bá quan thân dân thấy đều tùy thuận đại vương, tất cả pháp số lượng đều y theo tâm vương cũng như vậy. Khi quán như thế liền biết tâm là Tùy môn.

Hành giả chính khi quán tâm biết tâm tánh thường tịch thì các pháp cũng tịch. Vì tịch cho nên không niệm, không niệm nên không động, không động nên gọi là Chỉ. Tâm là Chỉ môn vậy.

Hành giả chính khi quán tâm biết rõ tâm tánh cũng như hư không, không danh không tướng, tất cả ngôn ngữ đều bật, mở kho vô minh thấy tánh chân thật, được tuệ Vô trước đối với tất cả các pháp. Tâm tức là Quán môn.

Hành giả chính khi quán tâm đã không có tâm sở quán, cũng không có trí năng quán. Khi ấy tâm như hư không, không chỗ nương tựa, tuy không thấy các pháp mà dùng diệu tuệ Vô trước phản chiếu thông suốt tất cả pháp, phân biệt hiển bày, vào các pháp giới không chỗ kém thiếu, khắp hiện sắc thân, bày hình trong cửu đạo, vào kho tàng khắp suốt, nhóm các căn lành, hồi hướng Bồ-đề trang nghiêm Phật đạo. Tâm tức là Hoàn môn.

Hành giả chính khi quán tâm, tuy không thấy có tâm và các pháp mà hay rõ ràng phân biệt tất cả pháp; tuy phân biệt tất cả pháp mà không trước

tất cả pháp, thành tựu tất cả pháp, không nhiễm tất cả pháp, do tự tánh thanh tịnh từ xưa đến nay không bị vô minh mê hoặc điên đảo làm ô nhiễm. Cho nên Kinh nói: “Tâm không nhiễm phiền não, phiền não không nhiễm tâm.” Vì hành giả thông đạt tự tánh thanh tịnh tâm, vào cấu pháp không bị cấu pháp làm ô nhiễm, nên gọi là Tịnh. Tâm tức là Tịnh môn.

Như thế sáu môn không do thứ lớp, thẳng quán tâm tánh tức đầy đủ cả.

### Giảng:

*Quán tâm Lục diệu môn chỉ những bậc đại căn tánh thực hành, khéo biết pháp ác không do thứ lớp, xa chiếu tận nguồn của các pháp. Thế nào là nguồn của các pháp? Nghĩa là tâm chúng sanh vậy. Tất cả muôn pháp do tâm mà khởi, nếu hay phản quán tâm tánh, không thấy có nguồn tâm liền biết các pháp đều không căn bản. Y cứ pháp quán tâm này nói Lục diệu môn không giống như trước. Tại sao?*

*Quán tâm Lục diệu môn là chỉ cho những bậc đại căn tánh thực hành, khéo biết pháp ác không do thứ lớp, tất cả suy nghĩ hay dở, tốt xấu, thiện ác v.v... đều từ nguồn tâm ra. Nghĩ xấu ác gọi là các pháp ác, nó không có trật tự thứ lớp, niệm dấy khởi thì liền sanh. Tâm nghĩ ác nên miệng nói ác, thân làm ác. Nghiệp xấu ác là gốc của tội lỗi, chúng ta nhìn tận nguồn tâm tìm thử xem nó ở chỗ nào, nó ra sao? Tìm lại không thấy, mới biết rằng tất cả pháp không có thật, chỉ do*

tâm khởi. Quán như vậy rồi tâm liền được an ổn, đó là trở lại nguồn tâm. Bởi y cứ pháp quán tâm này mà nói Lục diệu môn, nên không giống như các thứ quán trước.

*Hành giả khi mới học quán tâm biết tất cả pháp số lượng thế gian và xuất thế gian thấy đều từ tâm sanh, rời ngoài tâm không có một pháp. Thế nên đếm tất cả pháp đều y cứ nơi tâm mà đếm. Tâm tức là Sở môn vậy.*

*Tất cả pháp số lượng thế gian và xuất thế gian thấy đều từ tâm sanh.* Chúng ta nghe có nghi ngờ không? Như vậy nói cái bàn này từ tâm sanh được không? Bàn không tự dung có, do người ta nghĩ ra hình dáng rồi đặt thợ mộc đóng thành cái bàn. Bàn ghế, nhà cửa... tất cả các pháp đều từ tâm nghĩ phác họa ra, rồi theo đó mà làm. Nên nói tâm là gốc của tất cả các pháp.

Khi quán trở lại nguồn tâm thì thể của nó lặng lẽ thanh tịnh. Do tâm sanh nên các pháp sanh, tâm không sanh thì các pháp làm sao có? Ví dụ chúng ta vừa khởi nghĩ trồng cây cảnh trước sân, liền chạy đi tìm cây cảnh về trồng. Cây cảnh có là do tâm khởi nghĩ của mình, nếu không nghĩ gì hết thì đâu có đi kiếm mua, đâu có trồng cảnh. Nên nói, *rời ngoài tâm không có một pháp*. Tâm diệt thì các pháp cũng không có. Như vậy, tất cả hay dở của thế gian từ tâm mà ra, nếu khéo biết quán lại tâm mình đó là trở về nguồn gốc, còn không thì cứ bị sai sử chạy hoài, hết đầu này tới đầu kia, không lúc nào dừng được.

*Hành giả chính khi quán tâm biết tất cả pháp số lượng đều từ tâm vương sanh. Nếu không tâm vương*

*tức không tâm số, vì tâm vương động nên tâm số cũng động, ví như bá quan thân dân thấy đều tùy thuận đại vương, tất cả pháp số lượng đều y theo tâm vương cũng như vậy. Khi quán như thế liền biết tâm là Tùy môn.*

Duy thức học phân tích tâm chia ra hai thứ, tâm vương và tâm sở. Tâm vương là tâm chủ, tâm sở là tâm bị lệ thuộc. Như con mắt thấy, là nhãn thức tâm vương; thấy mà phân biệt tốt xấu rồi sanh yêu ghét, đó là tâm sở. Do đó nên biết, tất cả pháp từ tâm vương dấy động mà có các thứ tâm sở. Quán như vậy liền biết các pháp tùy tâm, nên gọi là Tùy tức.

*Hành giả chính khi quán tâm biết tâm tánh thường tịch thì các pháp cũng tịch. Vì tịch cho nên không niệm, không niệm nên không động, không động nên gọi là Chỉ. Tâm là Chỉ môn vậy.*

Khi quán tâm, biết tâm tánh lặng yên không động, đó là tâm tịch diệt. *Vì tịch nên không niệm, không niệm nên không động.* Như khi chúng ta đang đứng hoặc đi mà không khởi nghĩ gì hết, lúc đó cây cối nhà cửa xe cộ... tất cả cảnh trước mắt chúng ta đều thấy, có tiếng động chung quanh đều nghe. Có thấy có nghe là có biết, đâu phải đợi suy nghĩ mới biết. Tâm thể vốn lặng lẽ thanh tịnh, vừa dấy khởi người này dễ thương, người kia dễ ghét v.v... là rơi vào tâm sở, là dấy động. Còn cái hằng thấy hằng nghe, hằng cảm xúc, cái biết thường xuyên đó là phân biệt, không dấy động.

Nơi chúng ta có cái biết dấy động và không dấy động. Cái biết dấy động thuộc về sanh diệt, cái biết

không dấy động thì không sanh diệt. Vậy mà lâu nay chúng ta cứ chạy theo cái biết sanh diệt, thấy cái gì cũng phân biệt thế này thế kia, rồi khen chê ưa ghét đủ thứ. Nếu theo tâm sanh diệt mãi, là quên mất tâm bất sanh bất diệt của chính mình. Người tu thiền là người biết xoay lại chính mình, buông xả tâm sanh diệt trở về tâm không sanh diệt. Vì tâm sanh diệt là tâm chúng sanh, tâm không sanh diệt là tâm Phật. Nên nói Phật tức tâm, tâm tức Phật.

*Hành giả chính khi quán tâm biết rõ tâm tánh cũng như hư không, không danh không tướng, tất cả ngôn ngữ đều bật, mở kho vô minh thấy tánh chân thật, được tuệ Vô trước đối với tất cả các pháp. Tâm tức là Quán môn.*

Khi quán tâm, chúng ta biết rõ tâm tánh không hình tướng như hư không, như hư không mà không phải hư không, vì hư không không biết nghe, không biết thấy. Tâm tánh không tướng mạo nên không phải do duyên hợp, không danh không tướng, tất cả ngôn ngữ đều bật. Tâm chạy theo phân biệt cảnh là đi theo chiều vô minh, lặn vô minh trở về tâm tánh chân thật nơi mình là phá kho vô minh nhận ra tánh chân thật, gọi đó là tuệ Vô trước, trí tuệ không dính mắc nơi các pháp. Tâm này tức là Quán môn vậy.

*Hành giả chính khi quán tâm đã không có tâm sở quán, cũng không có trí năng quán. Khi ấy tâm như hư không, không chỗ nương tựa, tuy không thấy các pháp mà dùng diệu tuệ Vô trước phản chiếu thông suốt*

*tất cả pháp, phân biệt hiển bày, vào các pháp giới không chỗ kém thiếu, khắp hiện sắc thân, bày hình trong cửa đạo, vào kho tàng khắp suốt, nhóm các căn lành, hồi hướng Bồ-đề trang nghiêm Phật đạo. Tâm tức là Hoàn môn.*

*Chính khi quán tâm đã không có tâm sở quán, cũng không có trí năng quán, tức là không có trí quán và đối tượng quán. Khi chúng ta nhìn lại niệm khởi thì niệm khởi là sở quán, trí nhìn là năng quán, đến lúc cảnh sở quán hết rồi thì trí năng quán cũng không còn dùng. Như trong mười bức tranh chẵn trâu, khi con trâu hung hăng thì thừng chẵn vừa cầm dây kéo mũi, vừa cầm roi đánh, từ từ con trâu hiền hòa thuần thực, thừng chẵn ngồi thối sáo chơi, trâu nằm kế bên; đến cuối cùng, con trâu mất, thừng chẵn cũng không còn. Như vậy, có con trâu thì phải có thừng chẵn, còn sở là còn năng. Chúng ta mới tu, nếu không có năng sở thì làm sao tu, cho nên buổi đầu phải dụng công, rầy la quở phạt, lần lần tâm lung lảng giảm mới được thanh thoi. Khi tâm hư vọng biến mất, lúc đó không cần nhìn không cần quán, tâm trùm khắp, hiện tất cả pháp mà không có gì trở ngại. Cho nên nói, *hồi hướng Bồ-đề trang nghiêm Phật đạo*. Tâm tức là Hoàn môn vậy.*

*Hành giả chính khi quán tâm, tuy không thấy có tâm và các pháp mà hay rõ ràng phân biệt tất cả pháp; tuy phân biệt tất cả pháp mà không trước tất cả pháp, thành tựu tất cả pháp, không nhiễm tất cả pháp, do tự tánh thanh tịnh từ xưa đến nay không bị vô minh mê hoặc điên đảo làm ô nhiễm. Cho nên Kinh nói:*

*“Tâm không nhiễm phiền não, phiền não không nhiễm tâm.” Vì hành giả thông đạt tự tánh thanh tịnh tâm, vào cấu pháp không bị cấu pháp làm ô nhiễm, nên gọi là Tịnh. Tâm tức là Tịnh môn.*

*Như thế sáu môn không do thứ lớp, thẳng quán tâm tánh tức đầy đủ cả.*

Chỉ cần quán tâm là đầy đủ Lục diệu môn trong đó, bởi vì tâm trùm hết những thứ ấy.

*Tâm không nhiễm phiền não, phiền não không nhiễm tâm.* Tâm dấy niệm giận ghét đó là phiền não, tại sao trong kinh nói tâm không nhiễm phiền não, phiền não cũng không nhiễm được tâm? Ví dụ có một lu nước đục, nếu để yên cho những cặn bã đất bùn lắng xuống, thì nước đục trở thành nước trong. Nước đục và nước trong là một hay hai? Không hai. Vì nước trong ngay nơi nước đục.

Chúng ta nghe nói “tức tâm tức Phật”, tâm tánh mình là Phật, mà hiện tại chỉ thấy tham sân si đủ thứ, vậy Phật ở đâu? Tìm không ra. Bởi vì chúng ta sống theo tâm dao động điên đảo nên làm phạm phu tạo tội, nếu để cho tham sân si lắng xuống hết rồi thì Phật hiện ra ngay, không cần kiếm tìm ở đâu hết, như nước trong không phải ngoài nước đục mà có, cũng vậy Phật tánh hay tâm tánh chân thật không rời tâm điên đảo hiện giờ.

Tu Phật là một lối tu thực tế, không có gì huyền bí siêu việt ngoài mình, vậy mà chúng ta cứ mong cầu

huyền bí. Là Phật tử, tự cho mình trung thành với Phật, kính trọng Phật, rằm ba mươi đi chùa lễ Phật, khẩn vái thế này thế kia, mong Phật ban cho mình cái này cái nọ, cầu xin đủ thứ như: tâm con phiền não quá xin Phật giải cho con hết phiền não v.v... Chúng ta thử nghĩ xem, Phật hay ai giải cho mình hết phiền não? Chính mình là chủ nhân gây ra phiền não thì tự mình phải gỡ bỏ phiền não, chứ ai gỡ cho được. Ví dụ mình đang giận ai sùng sục, giả sử lúc ấy Bồ-tát Quan Âm đem nước cam lồ rải trên đầu, mình có mát rượi liền hay là vẫn tiếp tục giận? Chúng ta đang giận ghét người khác thì phải dùng trí tuệ xét lại cái đang giận ghét đó, có lợi hay có hại, đưa đến khổ hay vui? Mình khổ, người cũng khổ. Quán chiếu như vậy dần dần hết giận, hết khổ. Như vậy, bỏ giận là quyền của mình chứ đâu phải quyền của Phật, mà khi gặp điều gì khó khăn lại cầu xin Phật giải quyết giùm! Đó là tại chúng ta ỷ lại, không thực tế.

Phật dạy chúng ta tu để có sức tự chủ, không ỷ lại, không cầu xin, tự giải quyết vấn đề bằng trí tuệ thấy đúng như thật của chính mình. Nhưng chúng ta lại quá nhiều điên đảo, cứ thích cầu xin. Thật đáng thương! Ví dụ đang đi đường mà có ai chê dáng mình hơi thô, là đủ giận rồi. Chúng ta muốn hết khổ mà cứ tạo khổ. Nếu nghe nói đi thô thì ráng dịu dàng lại, còn lo gây gổ giận ghét người ta thì càng thô hơn nữa. Khi nghe ai phê bình điều gì, mình biết sửa lại cho tốt hơn là có trí tuệ. Người không biết tu, đổ thừa họa phước ở đâu chất trên đầu mình, đi ra gặp chuyện này

chuyện kia làm khổ. Họa phước đâu có chất sẵn, chẳng qua mình dễ kẹt mắc nên thấy cái gì cũng kẹt mắc rồi khổ. Chúng ta không chịu trách cái kẹt mắc của chính mình mà lo trách họa phước ở đâu đổ trên đầu, đó là lầm lẫn.

Hôm qua có một người Mỹ biết nói tiếng Việt đến học thiền với tôi, chú nói chú chạy chiếc xe máy có mang cái ba lô trên lưng, vừa rồi bị một thanh niên chạy xe ngang giật đi mất. Lúc đó chú nghĩ, nó cần lấy để cho nó lấy. Về nhà chú lại suy nghĩ thấy vui, mình được tặng cho anh ta mấy món quà. Tôi nói, không phải tặng mà là cho, cho cái họ muốn mà không dám xin. Một người ngoại quốc bị mất đồ, chẳng những không buồn giận mà còn vui, vì nghĩ rằng được cho người ta. Nếu gặp chúng ta thì sao? Mình sẽ tức tối tìm cách trả thù người giật của mình. Người biết đạo lý xử sự mọi việc đều tốt, còn không thì việc không đáng phiền hà cũng thành phiền hà, đó là lẽ thường tình.

Tóm lại, chúng ta tu là không để bị vô minh che đậy, giữ tâm được thanh tịnh, khéo biết trở về nguồn tâm của mình, đây gọi là Tịnh môn.



## CHƯƠNG IX

# VIÊN QUÁN LỤC DIỆU MÔN

**Chánh văn:**

Vì viên quán nên không như trước đã nói, chỉ quán nguồn tâm đầy đủ Lục diệu môn, quán các pháp khác không được vậy sao? Ở đây hành giả quán nhất tâm thấy tất cả tâm và tất cả pháp, quán nhất pháp thấy tất cả pháp và tất cả tâm; quán Bồ-đề thấy tất cả phiền não sanh tử, quán phiền não sanh tử thấy tất cả Bồ-đề Niết-bàn; quán một đức Phật thấy tất cả chúng sanh và chư Phật, quán một chúng sanh thấy tất cả Phật và tất cả chúng sanh. Tất cả đều như bóng hiện, không phải trong không phải ngoài, không phải một không phải khác, mười phương không thể nghĩ bàn, bản tánh tự như vậy, không phải ai làm ra. Chẳng những ở trong nhất tâm phân biệt tất cả mười phương pháp giới phàm thánh, sắc tâm các pháp số lượng,

mà cũng hay ở trong một hạt bụi thông đạt tất cả mười phương thế giới chư Phật, phàm thánh, sắc tâm, pháp môn số lượng. Đó là lược nói Viên quán Sở môn; Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh mỗi mỗi đều như vậy. Sở môn này vi diệu không thể nghĩ bàn, không phải miệng có thể nói được, không phải tâm có thể lượng được, còn không phải cảnh giới của các bậc Bồ-tát nhỏ và Nhị thừa, huống là chúng phàm phu. Nếu có bậc lợi căn đại sĩ nghe diệu pháp như thế, hay tin hiểu thọ trì, chánh niệm tư duy, chuyên cần tu tập, phải biết người ấy đi lối Phật đã đi, đứng chỗ Phật đã đứng, vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, tức nơi thân này quyết định được lục căn thanh tịnh, khai Phật tri kiến, khắp hiện sắc thân, thành bậc Đẳng chánh giác. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Khi sơ phát tâm liền thành Chánh giác, liễu đạt tánh chân thật của các pháp, được tuệ thân không phải do đâu mà ngộ.”

### **Giảng:**

*Vì viên quán nên không như trước đã nói, chỉ quán nguồn tâm đầy đủ Lục diệu môn, quán các pháp khác không được vậy sao? Ở đây hành giả quán nhất tâm thấy tất cả tâm và tất cả pháp, quán nhất pháp thấy tất cả pháp và tất cả tâm; quán Bồ-đề thấy tất cả phiền não sanh tử, quán phiền não sanh tử thấy tất cả Bồ-đề Niết-bàn; quán một đức Phật thấy tất cả chúng sanh và chư Phật, quán một chúng sanh thấy tất cả Phật và tất cả chúng sanh. Tất cả đều như bóng hiện,*

*không phải trong không phải ngoài, không phải một không phải khác, mười phương không thể nghĩ bàn, bản tánh tự như vậy, không phải ai làm ra.*

Viên quán là quán trùm hết, tròn đầy không thiếu sót, khác những phần trước nói quán từng pháp. Nên nói, nếu chỉ quán nguồn tâm của mình thì đầy đủ hết tất cả, chứ không phải duyên cái gì.

*Quán Bồ-đề thấy tất cả phiền não sanh tử.* Tại sao? Quán Bồ-đề tức là quán tánh giác sẵn có của mình thanh tịnh sáng suốt, vừa có ý niệm buồn vui giận ghét dấy lên, liền biết đó là phiền não. Thấy được cái chân thật thì khi những thứ giả tạm tối tăm hiện ra, chúng ta đều biết rõ không nghi ngờ, nên nói quán Bồ-đề thấy tất cả phiền não sanh tử.

*Quán một đức Phật thấy tất cả chúng sanh và chư Phật.* Quán một đức Phật tức là quán lại tâm của mình. Tâm tức là Phật, cũng chính là tâm không sanh diệt nơi mỗi người. Thấy được tâm không sanh diệt của mình là biết tất cả mọi người đều có tâm đó, cho nên biết được một đức Phật thì tất cả chư Phật mình đều biết. Tất cả chúng sanh cùng có phiền não, cùng có tánh giác như nhau, nếu biết được tánh giác của mình thì biết được tánh giác của tất cả, biết được phiền não của mình thì cũng biết tất cả phiền não của người khác. Biết một là biết tất cả, trùm hết. Thấy rõ được *mười phương không thể nghĩ bàn, bản tánh tự như vậy, không phải ai làm ra.*

*Chẳng những ở trong nhất tâm phân biệt tất cả mười phương pháp giới phàm thánh, sắc tâm các pháp*

số lượng, mà cũng hay ở trong một hạt bụi thông đạt tất cả mười phương thế giới chư Phật, phàm thánh, sắc tâm, pháp môn số lượng. Đó là lược nói Viên quán Sổ môn; Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh mỗi mỗi đều như vậy.

Sổ môn này vi diệu không thể nghĩ bàn, không phải miệng có thể nói được, không phải tâm có thể lượng được, còn không phải cảnh giới của các bậc Bồ-tát nhỏ và Nhị thừa, huống là chúng phàm phu. Nếu có bậc lợi căn đại sĩ nghe diệu pháp như thế, hay tin hiểu thọ trì, chánh niệm tư duy, chuyên cần tu tập, phải biết người ấy đi lối Phật đã đi, đứng chỗ Phật đã đứng, vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, tức nơi thân này quyết định được lục căn thanh tịnh, khai Phật tri kiến, khắp hiện sắc thân, thành bậc Đẳng chánh giác. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Khi sơ phát tâm liền thành Chánh giác, liễu đạt tánh chân thật của các pháp, được tuệ thân không phải do đâu mà ngộ.”

Pháp này là pháp cao nhất trong Lục diệu môn, nói nghe đơn giản nhưng rất thâm trầm. Nếu tu quán một pháp thành công thì biết tất cả những pháp khác cũng giống như vậy.

Người tu có nhiều tầng bậc khác nhau. Có người thích tu từng bước chậm chậm, có người thích tu thẳng, như Thiền tông nói: “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, chỉ thẳng tâm người, nhận ra bản tánh thành Phật. Cái gì hư giả biết hư giả, cái gì chân thật biết chân thật, đó là chỉ thẳng vào tâm. Vì đoạn này

nói thẳng chỗ tốt cùng, nên tôi nhắc lại lối dạy của tổ Đạt-ma cho tất cả cùng hiểu.

Tổ Huệ Khả đến gặp tổ Đạt-ma thưa: “Bạch Hòa thượng, tâm con không an xin Hoà thượng dạy con pháp an tâm!” Tổ Đạt-ma bảo: “Đem tâm ra ta an cho.” Tâm hình tướng ra sao mà bảo đem ra? Ngài Huệ Khả sững sốt tìm lại tâm lảng xãng bất an đó thì nó biến mất, không thấy nữa. Ngài thưa: “Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được!” Tổ bảo: “Ta an tâm cho ngươi rồi.” Tổ an bằng cách nào mà ngài Huệ Khả liền ngộ, biết được pháp tu?

Chúng ta lâu nay mê lầm cho rằng cái nghĩ suy tính toán hơn thua là tâm mình, ngồi lại nhớ đủ thứ chuyện năm trên năm dưới khiến tâm không an định. Tâm không an làm sao tu, vì vậy phải tìm xin một phương pháp tu để cho tâm an. Tổ không ban một pháp nào mà chỉ bảo đem cái tâm không an ra ta an cho. Khi xoay nhìn lại cái không an đó thì nó mất tằm mất dạng. Hóa ra tâm mà lâu nay chúng ta cho là thật, nó chỉ là bóng thôi, nên khi phản quan nhìn ngược lại thì nó tự mất, tự mất tức là an. Pháp môn an tâm là phương pháp mà không có phương pháp, chỉ tự mình xoay nhìn lại chứ không có câu thần chú hay một danh hiệu Phật nào để an. Đường lối dạy của Tổ rất rõ ràng, nhận được chỗ này là ngộ.

Trọng tâm tu của đạo Phật là thấy rõ phiền não không thật. Nhìn thẳng biết nó giả thì phải bỏ dễ dàng, không để phiền não che lấp chân tánh nữa thì chân tánh

hiện tiền. Tu là trở về tâm chân thật nơi mình chứ không phải tìm cái gì xa xôi ở đâu khác. Nhưng nói biết giả trở về cái thật, chỉ thẳng như vậy nghe không linh, phải cho câu thần chú để tụng, có thần thánh bảo hộ mới linh, vì vậy cứ mãi chạy tìm ở bên ngoài. Sự thật tâm niệm lăng xăng đó chỉ là vọng tưởng hư dối, lâu nay nó che đậy làm cho mình mờ tối, bây giờ biết rồi không theo nó nữa là trở về tâm chân thật thanh tịnh sẵn có của mình, trở về rồi thì mọi việc đều đầy đủ không thiếu thốn. Đó là cội gốc của sự tu hành. Ý nghĩa của viên quán là như vậy.



## CHƯƠNG X

# TƯỚNG CHỨNG CỦA LỤC DIỆU MÔN

**Chánh văn:**

Chín thứ diệu môn trước đều là tướng tu nhân, nghĩa gồm chứng quả, nhưng nói không đầy đủ. Phần này sẽ phân biệt lại tướng chứng của Lục diệu môn. Lục diệu môn chứng có bốn thứ:

**Một, thứ lớp chứng.**

**Hai, hỗ chứng.**

**Ba, triển chuyển chứng. Bốn, viên đốn chứng.**

**1. Thế nào là thứ lớp chứng?**

Như phần “Đối riêng qua các pháp thiên” thứ nhất trước đã nói và trong phần “Lục diệu môn thứ lớp cùng sanh” đã lược nói thứ lớp chứng tướng, xét kỹ tự biết, ở đây không nói riêng.

## 2. Hổ chứng

Đây là y cứ phần thứ ba “Tùy tiện nghi”, phần thứ tư “Đối trị”, phần thứ năm “Nhiếp nhau”, phần thứ sáu “Quán chung”, trong bốn thứ diệu môn luận chứng tướng. Vì sao? Bốn thứ diệu môn này phương tiện tu hành không nhất định thứ lớp, nên chứng cũng lẫn nhau không định. Như hành giả khi Sổ tức phát lộ mười sáu thứ xúc v.v... các món thâm chứng, chìm lặn không nhớ những pháp cấu nhiễm v.v... Thiên này thể là tướng chứng của Sổ tức mà đây không nhất định.

Hoặc có hành giả ở trong pháp Sổ tức thấy khắp thân các lỗ chân lông thưa rỗng, thấy rõ ba mươi sáu vật trong thân; ấy là trong Sổ tức mà chứng Tùy môn.

Có hành giả trong khi Sổ tức chứng được định Không tịnh, do biết thân tâm lặng lẽ không có duyên niệm, khi nhập định này tuy cạn sâu có khác, mà đều là tướng không tịch; đó là trong Sổ tức chứng Chỉ môn thiên định.

Có hành giả chính khi Sổ tức thấy trong ngoài đều bất tịnh, tử thi sinh trương, rục rã và xương trắng v.v... định tâm an ổn; đó là trong Sổ tức chứng được Quán môn thiên định.

Có hành giả khi Sổ tức phát trí tuệ, Không, Vô tướng, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Tứ đế, Mười hai nhân duyên v.v... xảo tuệ phương tiện, tâm suy xét

phát khởi, phá dẹp các pháp, phản bản hoàn nguyên, đây là trong Sổ tức chứng Hoàn môn thiên.

Hành giả khi Sổ tức thân tâm vắng lặng không thấy các pháp, vọng cấu không sanh, phân biệt không khởi, tâm tưởng yên lặng, biết rõ pháp tướng không chỗ nương tựa; ấy là trong Sổ tức chứng Tịnh môn thiên.

Đã nói lược trong Sổ tức lần phát tướng Lục môn thiên, hoặc có trước sau không nhất định, không hẳn như ở đây nói. Các pháp Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh mỗi mỗi lần chứng thiên tướng cũng như thế. Sở dĩ có lần chứng các thiên là do hai ý:

Một là vì khi tu các thiên lẫn nhau tu, nên khi phát cũng tùy lẫn nhau, ý như bốn thứ tướng tu Lục diệu môn trước.

Hai là do thiện căn nghiệp duyên đời trước phát hiện, thế nên lần phát không nhất định. Nghĩa như trong “Tọa thiền nội phương tiện nghiệm thiện ác căn tánh” có nói rộng.

### 3. Thế nào là Lục diệu môn triển chuyển chứng tướng?

Đây chính y phân thứ bảy “Lục diệu môn triển chuyển” tu mà phát hiện. Nói chứng tướng có hai thứ: Chứng triển chuyển giải và Chứng triển chuyển hạnh.

Thế nào gọi là chứng triển chuyển giải phát tướng? Hành giả trong Sổ tức xảo tuệ triển chuyển

tu tập, khi ấy hoặc chứng thâm thiền định, hoặc chứng thiền định. Ở trong các định này rộng suốt tâm tuệ khai phát, lần lượt hiểu biết lý giải không ngăn ngại, không do tâm niệm, thâm lặng triển chuyển hiểu biết các pháp môn.

Triển chuyển có hai thứ: Tổng tướng triển chuyển và Biệt tướng. Tổng tướng lại có hai: Giải chân tổng tướng và Giải tục tổng tướng. Biệt tướng cũng có hai: Giải chân biệt tướng và Giải tục biệt tướng. Ở trong một pháp tổng tướng triển chuyển lý giải tất cả pháp. Biệt tướng cũng như vậy.

Thế nào là tướng chứng triển chuyển hạnh? Hành giả như chỗ mình hiểu, tâm không trái với lời nói, tâm khẩu tương ứng, pháp môn hiện tiền, tâm hạnh kiên cố, thâm lặng tăng trưởng không do niệm lực, các công đức thiện tự sanh, các pháp ác tự dứt; tổng tướng, biệt tướng đều như trước nói, chỉ có tương ứng và nhập cảnh giới các pháp môn hiển bày có khác. Đây là lược nói chứng triển chuyển hạnh. Trong một môn Sở tức đủ cả hai thứ chứng triển chuyển. Các môn Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh cũng như thế. Vì lược nói không đầy đủ hết, tự phải khéo suy nghĩ nhận ý so sánh các pháp môn khác.

Lục diệu môn chứng triển chuyển tức là được Triền đà-la-ni, gọi là vô ngại biện tài xảo tuệ phương tiện, ngăn các ác không cho sanh khởi, gìn giữ các công đức không cho rơi mất. Trụ pháp môn này

quyết định không bao lâu sẽ vào vị Bồ-tát, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

#### 4. Thế nào gọi là viên chứng Lục diệu môn?

Hành giả nhân pháp “Quán tâm” phần thứ tám, “Viên quán” phần thứ chín, dùng hai pháp Lục diệu môn làm phương tiện, khi quán thành tựu liền phát hiện viên chứng. Chứng có hai thứ:

- Giải chứng: Xảo tuệ vô ngại không do tâm niệm, tự nhiên viên chứng. Vì biết cả pháp giới, gọi là giải chứng.

- Hội chứng: Diệu tuệ sáng suốt khai phát soi sáng cả pháp giới, thông đạt không ngại.

Chứng tướng có hai thứ:

- Tương tự chứng tướng: Như trong kinh Pháp Hoa nói sáu căn thanh tịnh.

- Chân thật chứng tướng: Như trong kinh Hoa Nghiêm nói tướng sơ phát tâm viên mãn công đức trí tuệ.

#### a. Thế nào là Lục diệu môn tương tự viên chứng?

Như trong kinh Pháp Hoa nói trong nhãn căn thanh tịnh hay một thời đếm hết số lượng phàm thánh, sắc tâm v.v... khắp cả mười phương, cho nên gọi là Sở môn. Tất cả sắc pháp tùy thuận nhãn căn, nhãn căn không trái với sắc pháp, cùng tùy thuận nhau, gọi là Tùy môn. Khi thấy như thế,

nhân căn và thức vắng lặng không động gọi là **Chỉ môn**. Không dùng nhị tướng (tổng tướng, biệt tướng) thấy các cõi Phật thông đạt vô ngại, khôn khéo phân biệt chiếu rõ pháp tánh, gọi là **Quán môn**. Quay về cảnh giới nhân căn thông đạt cảnh giới các căn nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý thấy đều minh liễu không ngại vì không có tướng một khác, gọi là **Hoàn môn**. Tuy rõ ràng thông đạt thấy những việc như thế mà không khởi vọng tưởng phân biệt, biết bản tánh thường tịnh, không pháp có thể nhiễm ô, không trụ không trước, không khởi yêu mến pháp, gọi là **Tịnh môn**. Đây là lược nói tướng chứng tương tự của Lục diệu môn trong nhân căn thanh tịnh, ngoài ra năm căn khác cũng như thế, như trong kinh Pháp Hoa nói rộng.

**b. Thế nào là Lục diệu môn chân thật viên chứng?**

Có hai thứ: biệt đối và thông đối.

- **Biệt đối:** Hàng Thập trụ là **Sổ môn**. Thập hạnh là **Tùy môn**. Thập hồi hướng là **Chỉ môn**. Thập địa là **Quán môn**. Đẳng giác là **Hoàn môn**. Diệu giác là **Tịnh môn**.

- **Thông đối:** Có ba thứ chứng là **Sơ chứng**, **Trung chứng**, **Cửu cánh chứng**.

+ **Sơ chứng**

Có **Bồ-tát** nhập **Sơ môn** cũng gọi là **sơ phát tâm trụ**, được tuệ **Chân vô sanh pháp** nhẫn. Khi ấy hay ở trong một tâm niệm đếm hết các tâm niệm

của chư Phật Bồ-tát, Thanh văn Duyên giác và vô lượng pháp môn khắp thế giới như số vi trần không thể kể nói, gọi là Số môn. Hay ở trong một tâm niệm tùy thuận những sự nghiệp khắp pháp giới, gọi là Tùy môn. Hay ở trong một tâm niệm nhập trăm ngàn Tam-muội và tất cả Tam-muội, hư vọng và tập nhiễm đều dứt sạch, gọi là Chỉ môn. Hay ở trong một tâm niệm biết rõ tất cả pháp tướng, đầy đủ các thứ trí tuệ quán chiếu, gọi là Quán môn. Hay ở trong một tâm niệm thông đạt các pháp rõ ràng rành mạch, thần thông chuyển biến hàng phục chúng sanh, phản bản hoàn nguyên, gọi là Hoàn môn. Hay ở trong một tâm niệm thành tựu sự nghiệp như trên đã nói mà tâm không nhiễm trước, không bị các pháp làm nhiễm ô, cũng hay làm thành tựu cõi Phật, khiến chúng sanh nhập Tam thừa tịnh đạo, gọi là Tịnh môn. Sơ tâm Bồ-tát vào pháp môn này như trong Kinh nói: “Cũng gọi là Phật, đã được Bát-nhã chánh tuệ, nghe Như Lai tạng, hiển chân pháp thân, đủ Thủ-lăng-nghiêm, thấy rõ Phật tánh, trụ Đại Niết-bàn, nhập Pháp Hoa tam-muội bất tư nghì nhất thật cảnh giới.” Như trong kinh Hoa Nghiêm có nói rộng, đó là Sơ trụ chứng bất khả tư nghì Lục diệu môn.

#### + Trung chứng

Các bậc Cửu trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác đều gọi là Trung chứng bất khả tư nghì Lục diệu môn.

### + Cứu cánh chứng

Hậu tâm Bồ-tát nhập Cứu cánh môn được tuệ nhất niệm tương ưng, diệu giác hiện tiền, chiếu cùng tột pháp giới, nơi sáu thứ pháp môn cứu cánh thông đạt, công dụng khắp đủ không có chỗ khuyết giảm, tức là Cứu cánh viên mãn Lục diệu môn vậy.

Phân biệt tướng chứng của các pháp Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh ý không khác trước, chỉ có khác ở chỗ viên cực. Cho nên kinh Anh Lạc chép: “Bậc tam hiền thập thánh cùng đi con đường nhân, chỉ có Phật là người đến cùng tột.” Kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ có Phật với Phật mới hay cùng tột thật tướng của các pháp.”

Đó là căn cứ sự tu hành dạy đạo mà nói như thế, nếu lấy lý mà luận thì pháp giới viên thông, pháp môn của chư Phật Bồ-tát chứng trước sau không hai. Cho nên kinh Đại Phẩm nói: “Ban đầu chữ A (Sơ phát tâm), sau chữ Trà (Cứu cánh tâm) ý vẫn không khác. Kinh Niết-bàn nói: “Sơ tâm và cứu cánh tâm không khác, như thế hai tâm, tâm trước là khó.” Kinh Hoa Nghiêm nói: “Từ Sơ địa đã đầy đủ tất cả công đức của các địa.” Kinh Pháp Hoa nói: “Như thế gốc ngọn rốt ráo là đồng.”

### Giảng:

*Chín thứ diệu môn trước đều là tướng tu nhân, nghĩa gồm chứng quả, nhưng nói không đầy đủ. Phần này sẽ phân biệt lại tướng chứng của Lục diệu môn. Lục diệu môn chứng có bốn thứ:*

*Một, thứ lớp chứng.*

*Hai, hồ chứng.*

*Ba, triển chuyển chứng.*

*Bốn, viên đốn chứng.*

### *1. Thế nào là thứ lớp chứng?*

*Như phần “Đối riêng qua các pháp thiên” thứ nhất trước đã nói và trong phần “Lục diệu môn thứ lớp cùng sanh” đã lược nói thứ lớp chứng tướng, xét kỹ tự biết, ở đây không nói riêng.*

### *2. Hồ chứng*

*Đây là y cứ phân thứ ba “Tùy tiện nghi”, phân thứ tư “Đối trị”, phân thứ năm “Nhiếp nhau”, phân thứ sáu “Quán chung”, trong bốn thứ diệu môn luận chứng tướng. Vì sao? Bốn thứ diệu môn này phương tiện tu hành không nhất định thứ lớp, nên chứng cũng lẫn nhau không định. Như hành giả khi Sổ tức phát lộ mười sáu thứ xúc v.v... các món thâm chứng, chìm lặn không nhớ những pháp cấu nhiễm v.v... Thiền này thế là tướng chứng của Sổ tức mà đây không nhất định.*

*Hoặc có hành giả ở trong pháp Sổ tức thấy khắp thân các lỗ chân lông thưa rỗng, thấy rõ ba mươi sáu vật trong thân; ấy là trong Sổ tức mà chứng Tùy môn.*

*Các pháp tu Sổ tức, Tùy tức, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh, tuy tu thứ lớp như vậy, nhưng nếu tu Sổ tức mà không hiệu quả thì tu Tùy tức, nếu Tùy tức không có hiệu quả thì tu Chỉ hoặc tu Quán v.v... có thể linh động mà tu,*

chứ không cố định theo thứ lớp, khi chúng cũng linh động không có thứ tự. Như người tu Sổ tức khi đếm hơi thở mà thấy những lỗ chân lông ra hơi thở, biết rõ trong thân có ba mươi sáu vật bất tịnh, *ấy là trong Sổ tức mà chúng Tùy môn*. Nên nói hỗ chúng, tức lẫn nhau mà chúng.

*Có hành giả trong khi Sổ tức chúng được định Không tịnh, do biết thân tâm lặng lẽ không có duyên niệm, khi nhập định này tuy cạn sâu có khác, mà đều là tướng không tịch; đó là trong Sổ tức chúng Chỉ môn thiền định.*

*Có hành giả chính khi Sổ tức thấy trong ngoài đều bất tịnh, tử thi sinh tương, rục rã và xương trắng v.v... định tâm an ổn, đó là trong Sổ tức chúng được Quán môn thiền định.*

*Có hành giả khi Sổ tức phát trí tuệ, Không, Vô tướng, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Tứ đế, Mười hai nhân duyên v.v... xảo tuệ phương tiện, tâm suy xét phát khởi, phá dẹp các pháp, phản bản hoàn nguyên; đây là trong Sổ tức chúng Hoàn môn thiền.*

*Hành giả khi Sổ tức thân tâm vắng lặng không thấy các pháp, vọng cấu không sanh, phân biệt không khởi, tâm tưởng yên lặng, biết rõ pháp tướng không chỗ nương tựa, ấy là trong Sổ tức chúng Tịnh môn thiền.*

Khi tu đếm hơi thở được định, được tịnh, tức biết trong Sổ tức chúng Chỉ môn thiền định. Nếu thấy thân nhớp nhúa, lúc chết sinh tương v.v... đó là trong Sổ tức chúng Quán môn thiền định. Lúc đếm hơi thở mà phát trí tuệ, thấy Không, Vô tướng, Ba mươi bảy

phẩm trợ đạo v.v... đó là trong Sổ tức chứng Hoàn môn thiền định. Hoặc tâm được thanh tịnh vắng lặng, biết rõ các pháp tướng không chỗ nương tựa, đó là trong Sổ tức chứng Tịnh môn thiền. Như vậy từ pháp đầu mà chứng pháp cuối, chứ không đi theo thứ lớp nào.

*Đã nói lược trong Sổ tức lần phát tướng Lục môn thiền, hoặc có trước sau không nhất định, không hẳn như ở đây nói. Các pháp Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh mỗi mỗi lần chứng thiền tướng cũng như thế. Sở dĩ có lần chứng các thiền là do hai ý:*

*Một là vì khi tu các thiền lẫn nhau tu, nên khi phát cũng tùy lẫn nhau, ý như bốn thứ tướng tu Lục diệu môn trước.*

*Hai là do thiện căn nghiệp duyên đời trước phát hiện, thế nên lần phát không nhất định. Nghĩa như trong “Tọa thiền nội phương tiện nghiệm thiện ác căn tánh” có nói rộng.*

Tu chứng sai biệt bởi hai lý do: Thứ nhất là do tu lẫn nhau, pháp này không có kết quả lẫn sang pháp kia, cho nên sự chứng cũng lẫn nhau. Thứ hai là do thiện căn đời trước tu pháp đó, ví dụ hiện đang tu Sổ tức mà vẫn thấy quán bất tịnh, đó là do đời trước đã có tu tập quán bất tịnh.

### *3. Thế nào là Lục diệu môn triển chuyển chứng tướng?*

*Đây chính y phần thứ bảy “Lục diệu môn triển chuyển” tu mà phát hiện. Nói chứng tướng có hai thứ: Chứng triển chuyển giải và Chứng triển chuyển hạnh.*

*Thế nào gọi là chứng triển chuyển giải phát tướng? Hành giả trong Sổ tức xảo tuệ triển chuyển tu tập, khi ấy hoặc chứng thâm thiên định, hoặc chứng thiên định. Ở trong các định này rộng suốt tâm tuệ khai phát, lần lượt hiểu biết lý giải không ngăn ngại, không do tâm niệm, thâm lặng triển chuyển hiểu biết các pháp môn.*

*Triển chuyển có hai thứ: Tổng tướng triển chuyển và Biệt tướng. Tổng tướng lại có hai: Giải chân tổng tướng và Giải tục tổng tướng. Biệt tướng cũng có hai: Giải chân biệt tướng và Giải tục biệt tướng. Ở trong một pháp tổng tướng triển chuyển lý giải tất cả pháp. Biệt tướng cũng như vậy.*

Triển chuyển chứng, tức là lần lượt tiến lên không có nhất định. Như khi tu pháp môn này mà lại thông suốt những pháp môn khác, đó là do trí tuệ của mình thông suốt mà được như vậy.

*Thế nào là tướng chứng triển chuyển hạnh? Hành giả như chỗ mình hiểu, tâm không trái với lời nói, tâm khẩu tương ứng, pháp môn hiện tiền, tâm hạnh kiên cố, thâm lặng tăng trưởng không do niệm lực, các công đức thiện tự sanh, các pháp ác tự dứt; tổng tướng, biệt tướng đều như trước nói, chỉ có tương ứng và nhập cảnh giới các pháp môn hiển bày có khác. Đây là lược nói chứng triển chuyển hạnh. Trong một môn Sổ tức đủ cả hai thứ chứng triển chuyển. Các môn Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh cũng như thế. Vì lược nói không đầy đủ hết, tự phải khéo suy nghĩ nhận ý so sánh các pháp môn khác.*

Chúng trong các pháp tu thiền này, tức là khi tu được kết quả định hay quán thành công, tự nhiên có được một sức thâm lặng. Như trước đây tham lam, nóng nảy, dễ tức giận, hay buồn phiền, bây giờ không những hết sạch mà còn vui vẻ. Do tu được kết quả nên những cái xấu dở tự hết, tạm gọi là chúng. Trong lúc tu mình không cố tình trừ dẹp, mà khi công phu đủ rồi thì những thứ xấu dở đó tự hết tự sáng, chứ không phải đối trị dẹp riêng từng thứ.

*Lục diệu môn chứng triển chuyển tức là được Triền đà-la-ni, gọi là vô ngại biện tài xảo tuệ phương tiện, ngăn các ác không cho sanh khởi, gìn giữ các công đức không cho rơi mất. Trụ pháp môn này quyết định không bao lâu sẽ vào vị Bồ-tát, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

Tu sáu pháp môn này lần lượt thành tựu được Triền đà-la-ni, tức là Tổng trì, gọi là vô ngại biện tài xảo tuệ phương tiện, ngăn các ác không cho sanh khởi, gìn giữ các công đức không cho rơi mất. Nhờ thành tựu Triền đà-la-ni nên phát ra trí sáng, được biện tài vô ngại, ngôn ngữ nói năng đều hợp pháp, đúng sự thật, các pháp ác không còn khởi nữa, quyết định sẽ tiến lên vị Bồ-tát, rốt sau sẽ thành tựu quả Phật không nghi.

#### 4. Thế nào gọi là viên chứng Lục diệu môn?

*Hành giả nhân pháp “Quán tâm” phần thứ tám, “Viên quán” phần thứ chín, dùng hai pháp Lục diệu môn làm phương tiện, khi quán thành tựu liền phát hiện viên chứng. Chứng có hai thứ:*

- *Giải chứng: Xảo tuệ vô ngại không do tâm niệm, tự nhiên viên chứng. Vì biết cả pháp giới, gọi là giải chứng.*

- *Hội chứng: Diệu tuệ sáng suốt khai phát soi sáng cả pháp giới, thông đạt không ngại.*

Giải chứng là do trí tuệ vô ngại khéo léo hiểu biết, tự nhiên thấu suốt các pháp thế gian rõ ràng đúng như thật.

Hội chứng là được trí tuệ sáng suốt, soi thấu cùng khắp cả pháp giới không bị trở ngại.

*Chứng tướng có hai thứ:*

- *Tương tợ chứng tướng: Như trong kinh Pháp Hoa nói sáu căn thanh tịnh.*

- *Chân thật chứng tướng: Như trong kinh Hoa Nghiêm nói tướng sơ phát tâm viên mãn công đức trí tuệ.*

Tu đến lúc sáu căn không còn nhiễm nhơ nữa, gọi là tương tợ chứng. Vừa phát tâm tu, tất cả công đức đều được viên mãn, gọi là chân thật chứng.

a. *Thế nào là Lục diệu môn tương tợ viên chứng?*

*Như trong kinh Pháp Hoa nói trong nhãn căn thanh tịnh hay một thời đếm hết số lượng phàm thánh, sắc tâm v.v... khắp cả mười phương, cho nên gọi là Sở môn. Tất cả sắc pháp tùy thuận nhãn căn, nhãn căn không trái với sắc pháp, cùng tùy thuận nhau, gọi là Tùy môn. Khi thấy như thế, nhãn căn và thức vắng lặng không động gọi là Chỉ môn. Không dùng nhị tướng*

(tổng tướng, biệt tướng) thấy các cõi Phật thông đạt vô ngại, khôn khéo phân biệt chiếu rõ pháp tánh, gọi là Quán môn. Quay về cảnh giới nhân căn thông đạt cảnh giới các căn nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý thấy đều minh liễu không ngại vì không có tướng một khác, gọi là Hoàn môn. Tuy rõ ràng thông đạt thấy những việc như thế mà không khởi vọng tưởng phân biệt, biết bản tánh thường tịnh, không pháp có thể nhiễm ô, không trụ không trước, không khởi yêu mến pháp, gọi là Tịnh môn. Đây là lược nói tướng chứng tương tự của Lục diệu môn trong nhân căn thanh tịnh, ngoài ra năm căn khác cũng như thế, như trong kinh Pháp Hoa nói rộng.

Lục diệu môn tương tự viên chứng, là nói về chỗ tương tự chứng của người tu Lục diệu môn. Khi tu chứng được tới chỗ cứu cánh, từ nhân căn thanh tịnh thấu suốt tất cả pháp phạm thánh không lầm, gọi là Sở tức môn. Từ nhân căn thanh tịnh biết rõ các pháp cùng tùy thuận nhau, gọi là Tùy môn. Khi thấy như thế, nhân căn và thức vắng lặng không động, gọi là Chỉ môn. Không dùng hai tướng, tổng tướng và biệt tướng, thấy các cõi Phật thông đạt vô ngại, khôn khéo phân biệt biết rõ, gọi là Quán môn v.v...

Phần này những vị tu chứng mới biết, còn chúng ta chưa chứng gì hết nên nghe cũng như không, do đó tôi chỉ nói lược qua. Chúng ta ráng tu, chừng nào chứng tới đây thì sẽ hiểu thấu được chỗ hay của người xưa chỉ dạy.

*b. Thế nào là Lục diệu môn chân thật viên chứng?*

*Có hai thứ: Biệt đối và thông đối.*

- *Biệt đối: Hàng Thập trụ là Sở môn. Thập hạnh là Tùy môn. Thập hồi hướng là Chỉ môn. Thập địa là Quán môn. Đẳng giác là Hoàn môn. Diệu giác là Tịnh môn.*

Biệt đối là chỉ cho chỗ chứng riêng. Người tu chứng Sở môn gọi là hàng Thập trụ Bồ-tát. Tùy môn là Thập hạnh Bồ-tát. Chỉ môn là Thập hồi hướng Bồ-tát. Quán môn là Thập địa Bồ-tát. Hoàn môn là Đẳng giác. Tịnh môn là Diệu giác, tức là Phật.

Như vậy, nhờ pháp tu này mà từ phàm lần lần tiến lên chứng được quả vị Bồ-tát cho tới Phật quả, chứ không riêng ở một bậc.

- *Thông đối: Có ba thứ chứng là Sơ chứng, Trung chứng, Cứu cánh chứng.*

+ *Sơ chứng*

*Có Bồ-tát nhập Sơ môn cũng gọi là sơ phát tâm trụ, được tuệ Chân vô sanh pháp nhãn. Khi ấy hay ở trong một tâm niệm đếm hết các tâm niệm của chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn Duyên giác và vô lượng pháp môn khắp thế giới như số vi trần không thể kể nói, gọi là Sở môn. Hay ở trong một tâm niệm tùy thuận những sự nghiệp khắp pháp giới, gọi là Tùy môn. Hay ở trong một tâm niệm nhập trăm ngàn tam-muội và tất cả tam-muội, hư vọng và tập nhiễm đều dứt sạch, gọi là Chỉ môn. Hay ở trong một tâm niệm biết rõ tất cả pháp tướng, đầy đủ các thứ trí tuệ quán chiếu, gọi là Quán môn. Hay ở trong một tâm niệm thông đạt các pháp rõ ràng rành mạch, thần thông chuyển biến hàng phục chúng sanh, phản bản hoàn nguyên, gọi là Hoàn môn.*

*Hay ở trong một tâm niệm thành tựu sự nghiệp như trên đã nói mà tâm không nhiệm trước, không bị các pháp làm nhiễm ô, cũng hay làm thành tựu cõi Phật, khiến chúng sanh nhập Tam thừa tịnh đạo, gọi là Tịnh môn. Sơ tâm Bồ-tát vào pháp môn này như trong kinh nói: “Cũng gọi là Phật, đã được Bát-nhã chánh tuệ, nghe Như Lai tạng, hiển chân pháp thân, đủ Thủ-lăng-nghiêm, thấy rõ Phật tánh, trụ Đại Niết-bàn, nhập Pháp Hoa Tam-muội bát tư nghì nhất thật cảnh giới.” Như trong kinh Hoa Nghiêm có nói rộng, đó là Sơ trụ chứng bất khả tư nghì Lục diệu môn.*

*+ Trung chứng*

*Các bậc Cửu trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác đều gọi là Trung chứng bất khả tư nghì Lục diệu môn.*

*+ Cứu cánh chứng*

*Hậu tâm Bồ-tát nhập Cứu cánh môn, được tuệ nhất niệm tương ưng, diệu giác hiện tiền, chiếu cùng tột pháp giới, nơi sáu thứ pháp môn cứu cánh thông đạt, công dụng khắp đủ không có chỗ khuyết giảm, tức là Cứu cánh viên mãn Lục diệu môn vậy.*

*Phân biệt tướng chứng của các pháp Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh ý không khác trước, chỉ có khác ở chỗ viên cực. Cho nên kinh Anh Lạc chép: “Bậc tam hiền thập thánh cùng đi con đường nhẫn, chỉ có Phật là người đến cùng tột.” Kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ có Phật với Phật mới hay cùng tột thật tướng của các pháp.”*

*Đó là căn cứ sự tu hành dạy đạo mà nói như thế, nếu lấy lý mà luận thì pháp giới viên thông, pháp môn của chư Phật Bồ-tát chứng trước sau không hai. Cho nên kinh Đại Phẩm nói: “Ban đầu chữ A (tức là Sơ phát tâm) sau chữ Trà (là Cứu cánh tâm), ý vẫn không khác.” Kinh Niết-bàn nói: “Sơ tâm và cứu cánh tâm không khác, như thế hai tâm, tâm trước là khó.” Kinh Hoa Nghiêm nói: “Từ Sơ địa đã đầy đủ tất cả công đức của các địa.” Kinh Pháp Hoa nói: “Như thế gốc ngọn rót ráo là đồng.”*

Đây nói về chỗ chứng của Bồ-tát tu Lục diệu môn, tôi chỉ đọc qua thôi chứ không nói kỹ, vì những chỗ này chúng ta tu chưa chứng tới, nếu nói nhiều mà không biết thì cũng chỉ là nói rỗng, không ích lợi gì.

Sự tu chứng Lục diệu môn từ Bồ-tát cho đến quả Phật, các công dụng đó rất mầu nhiệm không thể kể hết. Có thể nói rằng, y cứ Lục diệu môn tu có thể đạt đến Phật quả, chứ không phải chỉ trừ vọng tưởng mà thôi.



## TỔNG KẾT

Đến đây là hết Lục Diệu Pháp Môn, tôi tóm lược lại để mọi người nhớ mà tu tập.

Căn cứ theo các bản kinh A-hàm, Phật chủ trương tu thiền dùng hơi thở làm gốc, trong Lục diệu pháp môn này cũng vậy, chú trọng vào hơi thở. Bởi chúng ta không biết tu nên cứ dùng pháp này pháp kia, hoặc trụ ở trên đầu... càng trụ càng dễ sanh bệnh. Nếu tu đếm hơi thở hoặc theo hơi thở, hít vô thở ra không trụ một chỗ nào thì không bị những thứ bệnh linh tinh. Vì tâm trụ ở đâu thì máu dồn về đó, tâm không trụ thì máu không có chỗ dồn, không dồn thì không sanh bệnh. Như pháp tu Chỉ, mượn chót mũi để dừng tâm, nhưng nhìn thấy hơi thở vô ra rõ ràng chứ không phải trụ hẳn nơi chót mũi. Như vậy, lối tu dùng hơi thở là căn bản vô cùng quan trọng cho người bước đầu tu tập.

Hơi thở tối cần thiết trong sự sống nhưng chúng ta không bao giờ nhớ, mà cứ nhớ tưởng những thứ gì đâu đâu. Chúng ta luôn luôn đuổi theo danh lợi, tài sắc v.v... là vì cái gì? Vì bồi bổ cho thân xác thịt này. Nhưng thân chúng ta giữ được bao lâu? Nó không cố định, không biết chắc bao lâu sẽ chết, vậy mà cứ lo giữ hoài. Chúng ta theo đuổi cái không thực tế, cái tạm bợ, rồi khởi những tâm niệm xấu, nhiễm ô, tham lam, nóng giận, ganh ghét v.v... Thử xét kỹ lại xem, đó có phải là tâm thật của mình không? Không. Nó chỉ là những thói quen tập theo người mà thôi. Thấy người hơn mình thì ganh ghét, thấy mình

khôn ngoan hơn người thì khinh khi người... Những tâm niệm tầm thường đó tạm có rồi mất, không phải là mình.

Ví dụ ngày nay được làm quan lớn, nhìn những người chung quanh thấp kém không bằng mình, nhưng nếu mai kia mất chức quan rồi thì cũng xuống đứng ngang hàng với họ mà thôi. Hoặc ngày nay hèn hạ nghèo khổ, nhưng biết đâu ngày khác gặp duyên tốt phát giàu lên, lúc đó mặc cảm nghèo khổ hèn hạ không còn nữa. Cuộc sống đổi thay luôn luôn, không có gì thật hết, nếu thật thì trước sau phải như một.

Thân đã không bảo đảm lâu dài, tâm đổi thay gây bao thứ xấu xa phiền não, vậy mà cả ngày mình cứ đuổi theo cái tạm bợ, tạo bao nhiêu nghiệp rồi lẫn lộn khổ sở với nó. Nếu chúng ta nhìn bằng con mắt đạo lý thì thấy chúng sanh quả thật mê lầm đáng thương. Mình mê lầm mà cứ đổ thừa, cứ than đời khổ quá! Cuộc đời là chỉ chung cho thời gian, không gian. Thời gian, không gian có khổ bao giờ. Khổ là tại bám chặt vào cái này cái nọ, nên khi mất thì đau khổ. Thân không thật, tâm không thật, phiền não không thật mà đeo bám vào đó, bỏ quên tâm trong sáng thanh tịnh không sanh diệt của mình. Phật thấy thương nên chỉ dạy cho biết, đừng chấp vào tâm sanh diệt để nhận ra được cái thật nơi chính mình, là tánh giác, là Phật.

Tất cả pháp tu của Phật dạy cốt dẹp trừ tâm loạn tưởng phiền não điên đảo, từ thô lẫn lộn đến tế. Như đây thì dùng phương tiện Sở tức, Tùy tức v.v... là để nương theo hơi thở mà quên đi những suy nghĩ lăng xăng, cho tâm an định. Còn niệm Phật là để nhất tâm, khi những thứ

buồn thương giận ghét không còn, đó là Cực lạc, là được gặp Phật Di-đà. Phật Di-đà là Phật nơi mình, nên nói “tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ”. Tâm mình là Tịnh độ, tánh mình là Phật Di-đà. Tu thiền là để tâm an định, định tức là nhất tâm. Các pháp môn khác cũng vậy. Lời Phật dạy không hai nhưng phương tiện có khác, chúng ta không biết cứ chấp vào phương tiện rồi cho rằng tu pháp này hay, pháp kia dở, đó là sai lầm.

Tóm lại, trong đây tuy nói nhiều thứ nhưng trọng tâm không ngoài ba lối tu:

Một là tùy bệnh đối trị. Do chúng sanh có nhiều bệnh nên Phật dạy nhiều thứ thuốc để trị. Như nóng giận thì quán từ bi, tham lam quán vô thường v.v... mỗi người tùy bệnh của mình mà dùng đúng thuốc.

Hai là tu về hơi thở để trị bệnh loạn tưởng. Đây là phương pháp tổng quát cho mọi người. Vì loạn tưởng là bệnh chung, nên lấy hơi thở làm gốc tu chung cho tất cả.

Ba là quán chiếu theo tinh thần Bát-nhã. Dùng trí tuệ quán chiếu thấy các pháp do nhân duyên sanh, là tướng duyên hợp hư dối, để tâm không đắm nhiễm kẹt mắc vào những thứ giả. Nhờ quán chiếu thấy được lẽ thật, vọng tưởng lặng, chân tánh hiện tiền, ngay đó giải thoát sanh tử.



